

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự **A, B, C...** Xin đa tạ những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải - Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Quang Thiều

Tiểu sử

Sinh năm 1957 tại Ứng Hoà, Hà Tây. Hiện ở Hà Đông.

Tác phẩm

Ngôi nhà tuổi 17 (1990), Sự mất ngủ của lửa (1992),
Những người đàn bà gánh nước sông (1995), Những người lính của làng (1996)
Thơ Nguyễn Quang Thiều (1997), Nhịp điệu châu thổ mới (1997)
The Women Carry Water (1997) bản Anh ngữ (Những người đàn bà gánh nước sông)
Truyện ngắn bản Pháp ngữ: La Fille Du Fleuve (1997),
La Petite Marchande De Vermaicelles (1998).



Tác phẩm hội họa của
Nguyễn Quang Thiều

Mục Lục

Mùa hoa cải bên sông – 2

Người nhìn thấy trăng thật – 8

Về trường phái thơ “Tân... con cóc” của... - Trần Mạnh Hào - 11

Trên đỉnh đồi mùa đông – 23

Phụ đính:

Mưa âm tháng giêng - Hai người đàn bà xóm Trại
Tiếng đập cánh của chim thân - Bầu trời của người cha

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”).

Mùa hoa cải bên sông

Đêm xuống. Con thuyền neo lại giữa sông. Ngọn lửa bếp trên mũi thuyền hắt một vầng sáng dịu dàng xuống mặt nước. Người trong xóm trại trên bến Chùa không biết con thuyền này từ đâu đến neo lại trên khúc sông này đã hơn một tháng nay. Hàng ngày những người trong gia đình trên chiếc thuyền ấy làm một công việc là lấy cát rồi bán cho các gia đình trên thị trấn nhỏ bên kia sông đang thi nhau xây nhà. Hơn một tháng không ai thấy những người trên chiếc thuyền lên bờ. Họ đổ cát bằng những cái thúng to, đi nhún nhảy trên tấm ván. Khi đến đầu tấm ván nổi lên bờ, họ đổ cát xuống bãi cỏ cho người mua, bàn chân không hề chạm mặt đất. Hàng xóm của họ là những chiếc thuyền đánh cá, thuyền chờ hàng thuê...

Chủ chiếc thuyền cát là một ông già ngoài sáu mươi, mái tóc dài được búi gọn trên đầu, chàm râu bạc xòa che gần kín lồng ngực vồ lên như tảng đá. Đôi vai ông u lùn, đồ sộ và rạn như vai trâu cày. Cơ thể ông đanh lại như đá tảng, nhưng đôi mắt thì khác, đôi mắt lúc nào cũng u buồn, ngơ ngác như vừa đánh mất một điều gì.

Ông Lư (ông già chủ thuyền) ngồi im lặng trên sàn gỗ của mũi thuyền. Bên cạnh ông là một quả bầu khô lớn đựng rượu, một thứ rượu do ông cất lấy ngâm với củ cỏ gấu, loại củ già đen bóng như sừng. Trước ông là một đĩa cá sông nướng và một chiếc rổ con đựng những con trùng trực đã hấp chín với gừng khô. Chiều nào ông cũng ngồi uống rượu như thế cho tới khuya và không hề động đến một hạt cơm. Chỉ những đêm mưa bão ông mới chịu ở trong chiếc nhà thuyền.

— Anh cả đâu? Ông khẽ gọi. Tiếng ông trầm và nặng đổ xuống mặt sông đêm.

— Dạ bố bảo gì con? Một người đàn ông gần bốn mươi tuổi trong nhà thuyền chui ra.

— Mai nghỉ việc, lặn mặt trời thì đi Bãi Yên. Nói chị cả chuẩn bị mọi thứ cho đủ.

Ông nói, người không nhúc nhích, đôi mắt mở to nhìn hút về xa.

Ngày mai cả nhà ông sẽ đi Bãi Yên. Đó là đoạn sông rộng và êm chạy ven chân một dãy núi đá vôi. Ở dưới đáy khúc sông đó là mộ người vợ bất hạnh của ông. Thế là đã hơn mười năm rồi. Con sông đổ biết bao nhiêu nước ra biển cũng như ông có biết bao thay đổi trên đời. Vào mùa hè cách đây mười hai năm. Đó là mùa hè đầy bệnh tật và đói kém. Dọc hai bên bờ sông ông qua, ngày nào cũng vọng tiếng kèn đám ma thảm thiết và thấp thoáng sau những lùm tre gầy nhằng, úa vàng là những chiếc cờ tang vật vờ bay. Rồi vợ ông cũng trở thành nạn nhân của mùa hè ghê rợn ấy. Bà để lại cho ông ba đứa con. Đứa con gái hồi đó mới hơn bốn tuổi. Trong suốt ba ngày ròng rã, ông ngồi trên mũi thuyền trước xác vợ. Hai đứa con trai ông vừa chèo thuyền vừa dỗ đứa em gái của mình ồm yếu khóc ngặt nghèo suốt ngày. Ông cập thuyền vào những đám dân cư hai bên sông để xin được chôn cất vợ. Nhưng không một nơi nào chấp thuận. Họ xua đuổi gia đình ông như xua đuổi một thứ ma quỷ chuyên đi gieo rắc cái chết. Họ sợ bị lây bệnh dịch. Ông không còn biết về đâu. Ông sinh ra trên chiếc thuyền này. Ông chỉ biết con thuyền và dòng sông. Đến tối ngày thứ ba, ông ôm xác vợ khóc. Giữa dòng sông mênh mang, con thuyền vật vờ trôi với một ngọn đèn dầu héo hắt trên mũi thuyền. Cuối cùng chỉ còn lại dòng sông mở rộng lòng đón nhận mọi số phận. Ông chôn vợ xuống đáy dòng sông ở chỗ khúc sông rộng và êm nhất. Ông cùng hai đứa con dùng gàu sắt thường dùng để lấy cát đào một cái hố dưới đáy sông và để người đàn bà yên nghỉ ở đó. Họ chèo một thuyền đá xanh xếp lên thành chiếc mộ để tránh nước cuốn đi. Đêm đó ông xoa tóc, đốt hương lễ thần sông. Ông đổ hết một bầu rượu lớn xuống sông và nguyện rằng: tất cả những người trong gia đình ông sẽ không bao giờ đặt chân lên mặt đất. Họ sẽ sống một cuộc đời trên sông. Ông luôn luôn nói với con cái rằng: Nếu chúng nó để gót chân chạm vào mặt đất đôi bờ thì trái tim chúng sẽ biến thành trái tim quỷ, chúng sẽ trở thành những con thú độc ác. Hằng năm cứ đến ngày giỗ vợ, dù công việc bận thế nào gia đình ông cũng nghỉ. Ông sắm sửa lễ vật và khi mặt trời khuất núi thì cả gia đình chèo thuyền đến Bãi Yên. Ông xoa tóc và mặc áo, đây là ngày duy nhất trong năm ông mặc áo trừ những ngày đông rét mướt. Sau khi làm lễ ông cùng hai người con trai lặn xuống đáy sông sửa sang lại ngôi mộ. Ít năm sau người con trai cả lấy

vợ. Cô dâu là con gái một bạn thuyền của ông. Ngày cưới con, ông cho đưa con trai thứ hai bơi chiếc mảng nhỏ đi suốt mấy ngày dọc một bãi sông mời bạn thuyền. Đám cưới được tổ chức ở Bãi Yên với hàng chục chiếc thuyền các loại kết lại thành một chiếc bè lớn. Đêm hôm sau, khi vàng trăng cuối tháng hiện lên phía ven trời thì chiếc thuyền từ Bãi Yên trở lại bến Chùa.

__ Bó ! Ông nghe tiếng cô con gái út run run gọi ông ở phía sau. Cô ngồi xuống bên cạnh và ôm lấy cánh tay ông- Bó đưa mẹ lên bờ đi. Bó đừng để mẹ ở mãi dưới sông nữa.

Đã bao nhiêu lần cô nói như van lạy ông. Nhưng lần nào ông cũng nhìn cô bằng đôi mắt ngầu đờ, u uất.

__ Không đứa nào trong nhà này được nói đến điều đó- Ông rít lên- Không đứa nào được giẫm lên lời nguyện của ta.

Nhưng ngay sau đó chính lòng ông đầy đau khổ, giày vò. Ông nhìn con xót xa. Chinh, đứa con gái duy nhất của ông, đã sinh ra trong chiếc thuyền trong dòng sông này. Ngày Chinh ra đời, ông cất rón con thả xuống dòng sông và cầu nguyện cho con. Chinh lớn lên khỏe mạnh, dịu dàng và âm vang như dòng sông. Là đứa con gái duy nhất, nhưng cô xông xáo táo bạo hơn các anh cô. Những đêm trăng mùa hạ, cô thích thả mình xuống dòng sông. Cô bơi mềm mại như một nàng tiên cá trong chuyện cổ. Đâu đây có những đàn cá lạ lấp lánh ánh trăng xuyên qua mặt nước bơi theo cô. Thỉnh thoảng cô co người lại, hai tay ôm bó gối để cho cơ thể tuổi dậy thì lóng lánh như một giọt thủy ngân lắng dần xuống đáy sông. Rồi bất chợt, cô ngoi lên khỏi mặt nước gọi bố và cười vang. Ông Lư ngồi trên mũi thuyền nhìn về phía cô gọi, đôi mắt chợt non tơ đến ngỡ ngàng. Ông không lo lắng gì khi thả cô xuống dòng sông ngay cả mùa nước lớn, nhưng ông lại lo sợ nếu như con gái ông để gót chân chạm vào đất đôi bờ.

Nhưng cô thêm khát đôi bờ. Thờ mẹ cô còn sống, cô vẫn được mẹ cô đưa lên bờ đi chợ hoặc kiếm củi khô trên những bãi vãi, bãi ỏ ven sông. Sau ngày mẹ cô mất, các anh cô và cô không ai dám bước chân lên bờ. Và thế là hơn mười năm rồi, cuộc đời cô chỉ có con thuyền và dòng sông. Cô thêm khát được đặt chân lên dải đất mịn màng phù sa. Cô muốn được nằm trên thảm cỏ xanh ven đê làng. Có nhiều đêm cô bơi sát vào bờ và khi nghe thấy tiếng lá ngô khứa xào xạc, khi ngửi thấy mùi râu ngô non dịu ngọt và mùi cỏ non hăng hăng, người cô lại cảm thấy nao nao, nhịp tim cô dồn dập. Nhưng sau đó cô phải trườn mình quay lại con thuyền ngay khi nghe tiếng mõ gọi của bố. Có một lần cô nhìn thấy xác một người chết trôi qua thuyền. Mặt nạn nhân bị chém nhiều nhát, vết thương đã rửa tóa mùi tanh nồng nặc. Cô ôm lấy bố run lên: "Trời ơi, ai làm sao vậy bố ? Bố vớt người ta lên bờ đi". "Người trên mặt đất họ giết nhau đấy". Ông Lư trả lời lạnh băng và đẩy cô vào nhà thuyền. Suốt ngày hôm đó cha cô không cho ai chạm vào dòng sông. Ông nói: "Hãy để nước sông đêm cuốn đi mọi bẩn thỉu của mặt đất. Đừng chạm tay vào nước sông cho đến sáng mai".

Một lần khác cô hỏi Sỏi- người anh trai cả của cô: "Anh không thích lên bờ à ?"- "Trên bờ có cái quái gì mà lên"- Sỏi nói- "Cứ ở đây, chẳng phải động chạm đến đứa nào. Làm gì thì làm. Ngày xưa ở trên bờ tao thấy chúng nó suốt ngày cãi chửi nhau."- "Lúc nào anh cũng ngày xưa, thế còn anh Cát ?", cô quay sang người anh trai thứ hai. Cát đang nằm ngủ trên sàn thuyền: "Tao chán cảnh này lắm rồi, cứ như ở tù"- "Mày tưởng tên bờ là thiên đường chắc ? Nhà tù đấy em ạ, gà vịt cũng còn bị tù nữa đấy !". Sỏi nhìn Cát càu nhàu. "Nhưng chắc chắn đó cũng là cái nhà tù rộng rãi hơn cái nhà tù thuyền này !"- "Ai, ai tù mày ? Bố tù mày hay tao, hay con Chinh tù mày ?"- Sỏi thốt lên giọng the thé, Cát thủng thẳng: "Chẳng có ai tù ai hết cả. Ngu dốt nó tù tất cả". Nói xong anh ngửa mặt lên cười. Rồi anh chống tay đứng dậy đi lão đảo và cười. Rồi tiếng cười vụt tắt. "Trời ơi, - anh kêu lên nức nở- Một ông già độc đoán tự cho mình quyền ngự trị tất cả. Ông bỏ tù chính ông, bỏ tù một cặp đực cái, bỏ tù một thằng hèn hạ như tôi, bỏ tù cả con bé đẹp nhưng mù chữ. Tất cả ỉa đái xuống dòng sông rồi lại nói nước sông trong sạch, lấy nước sông ăn, lấy nước sông uống !"- "Câm đi đồ mất dạy. Bố mà ở nhà bố sẽ giết mày". "Mất dạy hả ? Có đứa nào được dạy dỗ gì đâu mà mất" !

Buổi tối ông Lư trở về. Cô con dâu thì thọt kể lại chuyện cãi nhau giữa hai anh em Sỏi cho ông nghe. Ông nhìn Cát rồi nói: "Mày muốn lên bờ hả ? Được. Tao sẽ chặt đứt đôi chân mày và

vứt mày lên bờ để xem mày có phải bò về với dòng sông không ?"- Nói rồi ông cầm lấy lưới riu ấn mạnh vào bắp tay, máu trào ra. Ông lấy lưới riu lau máu và chém phập vào mạn thuyền: "Hày nhìn lưới riu đi. Máu tao đã chảy ở đó. Sáng mai mày hãy trả lời xem mày có thích lên bờ không?"

Rồi Cát cũng không lên bờ. Con thuyền lại tiếp tục các công việc của nó. Thế rồi một mùa xuân lại đến. Chình đã lên tuổi mười bảy. Một buổi sáng thức dậy ra mạn thuyền vo gạo, cô bỗng thấy trên bãi sông Bến Chùa, một thảm màu vàng tươi, một màu vàng xôn xao, ấm áp ùa vào mắt cô. Hoa cải gặp gió ấm đêm qua đã bung nở. Mỗi khi có ngọn gió chạy qua, cả bãi hoa vàng rợn lên như sóng. "Đẹp quá"- Chình khe khẽ thốt lên. Cái rá gạo từ từ tuột khỏi tay cô trôi theo dòng nước. Suốt cả ngày hôm đó cô không thể nào rời tâm trí khỏi thảm hoa vàng kia. Một cái gì náo nức vẫy gọi cô. Cô đã bước sang tuổi mười bảy. Thỉnh thoảng có đêm thức giấc, cô cảm thấy một cái gì chập chờn, quán quít ở đâu đây. Không phải tiếng nước sông chảy trong đêm, không phải tiếng reo của ngọn lửa, không phải hương ổi chín từ bãi sông đưa lại, cũng không phải tiếng gọi nhau của bầy chim ri từ những lùm dứa dại ven đê. Một cái gì đấy làm cô đang chải tóc chợt dừng tay. Cái đó chợt đến, chợt đi, chợt rời ra, quán quýt. Một hôm, sau bữa cơm chiều, cô nói với bố là cô đi thả lưới câu. Ông Lư chịu con và dặn: "Đi về sớm, trời lạnh đấy". Cô vội vã cời dây thừng neo chiếc thuyền mủng. Cô không thả lưới mà bơi mủng vào bờ. Cô cắm mủng ở đó và đi về phía bãi cát. Đêm lạnh nhưng trời có trăng. Cô ngồi xuống bên cạnh luống hoa. Đôi tay nâng khẽ những chùm hoa cải ướt sương. Một ngọn gió lướt qua những bông hoa đong đưa chạm vào má cô. Người cô run lên. Những bông hoa nhảy múa và trò chuyện với cô. Cô khẽ áp đôi môi mình vào hết chùm hoa này đến chùm hoa khác. Bỗng cô nghe tiếng mõ tre từ chiếc thuyền cái. Tiếng mõ được quy định thay tiếng gọi nhau của những người sống trên sông. Một lúc sau tiếng mõ lại vang lên. Chình cuống quýt, cô quơ tay dứt những chùm hoa cải. Lần thứ ba, tiếng mõ nghe gấp và chói. Cô biết bố cô đã nổi giận. Cô ôm bó hoa gầy nhàu chạy xuống bờ sông. Vừa ngồi vào mủng, cô vội gõ trả lời và hối hả bơi về thuyền. "Mày đi đâu mà không trả lời". "Con tưởng bố gọi anh cả". Ông im lặng, nghi ngờ nhìn cô.

Rồi đêm sau cô lại tìm cách lên bờ. Và trước khi trở lại thuyền, cô lại ngắt những chùm hoa cải đem về. Nhưng đến đêm thứ ba thì có người phát hiện ra việc làm của cô. Đó là một chàng trai chừng ba mươi tuổi mặc một bộ quân phục đã cũ. Những ngày trước đó bà mẹ chàng trai thường xuống bến sớm và phát hiện những luống hoa cải bà để giống cho vụ sau bị ai đó ngắt nham nhờ từng quãng. Bà ca thán với con và chàng trai quyết rình bắt cho được kẻ phá hoại. Khi Chình đang quỳ trước đám hoa cải vừa vuốt ve chúng vừa thì thầm trò chuyện thì nghe tiếng quát khẽ nhưng rất gắt của chàng trai. Cô giật mình hoảng hốt quay lại, và vẫn trong tư thế quỳ, cô ngược mắt lên nhìn chàng trai, người run lên vì sợ hãi. Cô không khái niệm được sự sai trái do việc làm của mình, mà sợ hãi vì trước cô trong đêm trăng lạnh là một người lạ.

_ Cô là ai? Cô làm gì ở đây ?

Chàng trai hỏi và bước lại gần cô. Cô lúng túng đứng dậy. Chợt những làn mây mỏng tan đi. ánh trăng trong veo đổ tràn gương mặt cô. Bây giờ thì đến lượt chàng trai giật mình. "Đẹp quá!". Anh thầm kêu lên. Sao trong đêm tĩnh lặng trên bãi sông ở một làng quê hẻo lánh này lại xuất hiện một người con gái đẹp như thế ? Chiếc áo tối màu và ánh trăng làm ngời lên đôi bàn tay, cái cổ thon và gương mặt đẹp. Đôi môi cô khẽ mím lại còn đôi mắt thì mở to. Chàng trai hỏi hốt, liếc nhanh cơ thể cô và nhận ra dưới lớp trắng mỏng, dưới lớp áo tối màu, là tuổi dậy thì nóng hổi, dịu dàng và phập phồng thờ.

_ Em ở đâu đến ?- Chàng trai nói bằng hơi thở. Giọng nói và gương mặt đàn ông đầy độ lượng của anh đã làm cô hết sợ. Cô mỉm cười nhìn xuống dòng sông, ở đó tỏa một quãng sáng đèn dầu. "à", anh chợt hiểu. Hàng tuần về thăm mẹ, anh vẫn thấy chiếc thuyền cát ấy neo ở bến sông làng anh. Biết vậy nhưng anh vẫn hỏi lại:

_ Em ở dưới thuyền à ?

Cô gật đầu.

_ Em thêm ăn rau cải à ?

Chinh bật cười. Nụ cười ngộp lên người anh. Anh thấy mình mê đi trong khoảnh khắc.

_ Thế em muốn gì ? Anh lúng túng hỏi.

Chinh không trả lời mà giơ một nắm ngọn cải nhiều hoa ra trước anh.

_ Hoa cải ? Em thích hoa cải?- Anh ngạc nhiên hỏi. Cô gái lại gật đầu.

_ Em về đây. Bố em gọi !

Anh bỗng hoảng hốt sợ cô biến mất. Anh đứng lặng nhìn cô và rồi vội vã ngắt những chùm hoa cải. Chinh nhận bó hoa cải từ tay anh rồi quay người đi xuống bến.

_ Này em !- Chàng trai chạy theo- Tên em là gì?

_ Chinh.

_ Anh là Thao. Nhà anh ở kia kia. Mai em lên nhé. Hoa cải nhà anh đấy.

Chinh mỉm cười gật đầu và đi xuống bến. Anh nhìn theo. Đến lúc này anh mới nhận ra mái tóc như thiên thần của cô. Anh ngửa mặt lên trời. Có lẽ mái tóc ấy đã từ vàng trắng chảy xuống.

Sáng sau, Thao dậy sớm. Suốt đêm qua hầu như anh không ngủ. Anh nghe tiếng bà mẹ ca thán dưới bếp: "Không biết đũa nào lại phá luống hoa cải đêm qua". Thao mỉm cười sung sướng. Anh chạy theo con đường nhỏ xuống bờ sông. ở giữa sông, chiếc thuyền của gia đình Chinh nằm bình yên trên mặt nước. Một ngọn khói xanh tỏa ra từ con thuyền lặng lẽ tan xuống mặt sông như sương. Thao đứng trên bờ hồi hộp đợi, nhưng không thấy bóng một người con gái nào. Chỉ có hai người đàn ông đang loay hoay làm gì đó trên mũi thuyền. Hay là đêm qua anh nằm mơ. Có phải thật sự đêm qua anh đã gặp một người con gái như thế không? Thao chờ mãi và cuối cùng anh buồn bã trở lại bãi hoa cải. Bên luống hoa vẫn còn in những dấu chân. Và cạnh đó là những cánh hoa cải rụng lảm tảm vàng.

Rồi một đêm sau đó ít ngày, Chinh lại chèo chiếc mủng nhỏ lên bờ. Họ đứng nhìn nhau trong ánh sáng mờ mờ của trăng bị mây mỏng che khuất. Họ chưa biết gì về nhau nhưng cả hai đều nhận thấy có một cái gì đó mỏng, trong suốt đang quán vào họ như tơ nhện.

_ Bố em đi rồi- Chinh thì thào.

_ Đi đâu?

_ Bố đi có việc mấy ngày tận cuối sông.

_ Đêm nay em ở lại trên bờ với anh nhé. Em đừng về.

_ Bữa trước ở dưới thuyền em nhìn thấy anh, nhưng em không dám ra. u anh nhìn thấy em anh gọi thì bố em giết chết em.

_ Sao lại giết? Thao hỏi và bật cười.

_ Thật đấy. Cô nói và nhìn anh bằng đôi mắt buồn, rồi cầm tay anh đi về phía bãi hoa. Họ ngồi xuống giữa những luống hoa cải. Hơi thở họ phả nóng mặt nhau. Xung quanh họ hoa cải vàng lấp lánh dưới trăng.

_ Anh yêu em ! Anh nói như cố gắng hết sức mình. Cô nhìn anh lặng lẽ như không hiểu điều anh nói. Anh nâng gương mặt cô lên.

_ Anh yêu em.

Chinh vẫn im lặng. Gương mặt cô như đang ngủ trong lòng đôi bàn tay anh. Anh cúi xuống hôn cô và thấy cô rùng mình. Đôi môi cô khẽ mím. Cô không biết đó là tình yêu. Cô chỉ thấy rằng ngực cô như bị nén chặt. Người cô bừng nóng. Cô cảm thấy hơi nóng của mẹ cô từ những năm tháng xưa đang tỏa vào cô. Cô vội đứng dậy. Thao ngỡ ngác đứng theo. Bỗng cô ôm lấy anh khóc nức nở. Một lúc sau, cô ngước lên nhìn anh và hỏi:

_ Anh là người mặt đất à?

_ Trước đây, anh là một người lính- Anh nói.

*

Trời mỗi ngày một ấm lên. Những cánh hoa cải rụng xuống mỗi ngày một nhiều. Rồi đến một hôm anh giật mình nhận thấy hoa cải đang rụng gần hết, chỉ còn lại những bông nở muộn. Anh cứ cảm thấy rằng khi cánh hoa cuối cùng rụng xuống thì Chinh sẽ biến mất.

_ Em phải ở lại đây với anh. Em sẽ ở nhà anh với mẹ. Em không được đi đâu cả.

Cô nhìn anh lắc đầu. Anh rút trong túi ra một tờ giấy đưa cho cô.

_ Anh chép thơ tặng em đấy. Thơ Tago em biết không?

_ Em không biết chữ.

_ Sao, có thật thế không ?

Anh ngạc nhiên hỏi và lòng anh bỗng xót xa, anh đỡ cô ngồi xuống và ôm cô vào lòng.

_ Anh sẽ dạy em học. Anh cũng đang đi học đấy. Bây giờ anh giúp gì được em nào, em nói đi

!

Chinh xoay người ngồi tựa vào lòng anh. Cô kể cho anh nghe cuộc đời của gia đình cô. Cuối cùng cô quay lại nhìn anh và nói:

_ Em muốn nhờ anh một việc. Em muốn đưa mẹ em lên bờ.

_ Lên bờ ! Đúng rồi. Chúng mình sẽ đưa mẹ lên bờ. Chúng mình sẽ để mẹ yên nghỉ ở bãi sông này. Anh sẽ trồng nhiều hoa cải bên mộ mẹ.

Cô gật đầu cười hạnh phúc.

Thế là gần một năm gia đình ông Lư ở lại bên sông làng Chùa. Đôi khi họ cũng vắng bóng dăm ba ngày. Một mùa hè lại đến. Đêm đêm Chinh thích thả mình xuống dòng sông. Bơi bên cô là Thao. Anh có một cơ thể khoẻ mạnh cân đối. Năm năm rèn luyện trong lực lượng đặc công nước đã cho anh vốn sức khoẻ và sự phát triển cơ thể ấy. Sau ngày giải ngũ, anh thi vào đại học ngoại ngữ khoa tiếng Anh. Những đêm trên dòng sông dịu dàng chảy, họ quấn quýt với nhau như một đôi cá thàn. Dòng sông bí mật truyền vào cuộc đời họ sức mạnh hạnh phúc và sự khổ đau. Một lần khi đang bơi bên anh, Chinh thấy chóng mặt, cô ôm lấy vai anh thở dốc. Dòng sông chợt dừng chảy, im phất lắng nghe cô, rồi bỗng trào lên những ngọn sóng reo vui, nhảy nối nhau loan báo cho các loài thủy tộc biết điều hạnh phúc thiêng liêng. Quanh họ, có những con cá bay lên khỏi mặt nước như một mảnh trăng con lấp lóa.

Như thường lệ, vào ngày giỗ bà mẹ, cả gia đình ông Lư nghỉ việc nhỏ neo về Bãi Yên. Cũng chính ngày này Thao thay Chinh đốt những nén hương cắm trên mộ của bà mẹ. Thao đã bí mật đưa phần mộ của bà lên bờ mấy tháng nay và chôn ngay trong vườn nhà anh. Ở Bãi Yên sau khi làm lễ xong, ông Lư sai Sỏi lặn xuống đáy sông để kiểm tra lại ngôi mộ. Gần một phút sau, tấm nổi lên sùng sục và Sỏi nhao lên khỏi mặt nước kêu thảng thốt: "Mộ bị phá ! Mộ bị phá rồi". Một ngọn lửa bỏng rát tấp vào mặt ông Lư. Ông lao xuống sông hít một hơi dài và lặn xuống. Những hòn đá xanh đã bị vớt ngổn ngang. Ông Lư biết không phải nước mà có một người nào đó đã phá ngôi mộ. Nhưng ai đã làm việc đó ? Câu hỏi ấy làm máu ông sôi lên.

Không ai biết ngôi mộ này ngoài những người trong gia đình ông. Ông ngoi lên và ra lệnh: "Thả gàu xúc cát xuống". Họ bắt đầu đào. Sau gần nửa tiếng đồng hồ ông mệt mỏi trèo lên thuyền. Ông lấy bẫy bước đến cửa nhà thuyền đỡ lấy quả bầu khô đựng rượu, ngửa cổ lên uống.

_ Đưa nào ?- Ông gầm lên- Đưa... ư... ư... na... ào... ào?

Tiếng ông kéo dài như tiếng rú khản đặc dội vào đôi bờ, vọng lại rền rền trên mặt sông. Tất cả những người trên thuyền cúi đầu im lặng. Trong góc nhà thuyền, Chinh ôm chiếc gối vào lòng kinh hoàng.

Đến gần nửa đêm chiếc thuyền mới quay trở lại bến Chùa. Ông Lư ngồi gục đầu trên mũi thuyền, trông ông già đi hàng chục tuổi. Hai anh con trai im lặng chèo thuyền.

Buổi sáng hôm sau mọi người dậy rất sớm. ở ngoài mũi thuyền ông Lư vẫn ngồi đấy. Ông đã ngồi như thế suốt đêm qua. Bỗng cô con dâu chạy từ trong nhà thuyền ra.

_ Bố !- cô gấp gáp gọi ông và giúi vào tay ông một xấp giấy cũ nhàu.

_ Cái gì thế này ? ông hỏi và giơ những tờ giấy ra... Ông không biết chữ nhưng linh cảm thấy một điều không bình thường trong những tờ giấy.

_ Cả đâu !- Ông gọi. Sỏi đang hút thuốc lảo vợi chạy ra- Mà đọc xem cái gì đây.

Sỏi cầm lấy những tờ giấy và đọc. Trước khi mẹ Sỏi mất, ông Lư vẫn gửi Sỏi đến học một trường làng cùng con một ông bạn thuyền làm nghề chở đò ngang.

_ thưa bố. Đây là thư của một đứa nào đấy gửi cho con Chinh. Chúng nó nói chuyện yêu đương. nhưng con Chinh có biết chữ đâu nhỉ.

_ Con Chinh đâu ? Ra đây.

Ông Lư gầm lên, từ trong nhà thuyền, Chinh vừa khóc vừa chui ra. Cô đã nghe thấy câu chuyện vừa rồi.

_ Đứa nào ? Cửa đứa nào?- Ông gầm lên và giúi nắm giấy vào mặt cô. Cô khóc nức lên.

_ Cửa... của anh ấy. Con xin bố. Con lạy bố !

Ông Lư giáng một cái tát vào mặt cô. Chinh ngã vật xuống sàn thuyền. Cô chống tay ngồi dậy khóc nức nở. Cô chấp tay lạy ông.

_ Con xin bố. Con lạy bố. Con và anh ấy yêu nhau.

_ Trời ơi ! Ông Lư kêu lên- Thế là nó đã lên bờ rồi. Nó đã đạp lên lời nguyện của ta. Nó giết chết cả gia đình này rồi !

Ông túm lấy mái tóc dài của cô, giúi đầu cô xuống sàn thuyền và vung rìu chặt đứt mái tóc.

Ông nắm phần tóc bị đứt ném xuống sông. Một cơn gió ở đâu ào đến. Gió cuốn mái tóc lên không. Mái tóc bay rồi bời, quần quai.

_ Đánh tuốt xương nó ra- Ông nói và rút chiếc cần câu trên mái liếp của nhà thuyền quất vào cô vun vút. Chinh vòng tay ôm lấy bụng. Người cô giật lên từng cơn. Một lúc sau ông dừng lại, túm lấy áo cô giật mạnh. Chiếc áo rách chỉ còn lại hai đoạn vạt áo.

_ Tao sẽ lột hết quần áo và vứt mây lên bờ...

Ông nói đến đó bỗng dừng lại, mắt mở tròn. Những người trong gia đình cô cũng chứng người lại nhìn cô. Trước mắt họ cô đang ngồi khóc không thành tiếng, mái tóc đứt nhám nhờ dính bết vào lưng cô đầy máu. Đôi vú cô hơi sệ xuống, núm vú thâm lại, chiếc bụng chửa đã năm tháng của cô bây giờ bỗng to hẳn lên, hồng hên thở.

_ Nó có chữa. Nó có chữa, bố ơi !

Sồi thẳng thốt kêu lên. Đôi mắt ông Lư đờ đẫn. Chân tay ông run lên như bị bệnh thần kinh.

_ Thảo nào...- Cô con dâu chặt lưỡi- Đúng là con của ma của quỷ nên nhìn đẹp đến lạnh cả người.

Đúng lúc đó Thao bám mạn thuyền nhảy lên. Anh chạy lại ôm lấy Chinh.

_ Anh ơi !- Cô nức lên.

_ Các người không được làm thế. Các người thật dã man. Thao rít lên, lòng anh đầy đau đớn và uất hận. ở sân nhà, anh đã nghe thấy tiếng kêu gào, khóc lóc của Chinh. Anh chạy xuống bến và nhận thấy ông Lư đang đánh Chinh trên thuyền. Anh không kịp cởi quần áo dài, cứ thế bơi đến nơi con thuyền đậu.

_ Mày, chính là mày- Ông Lư bước lại trước Thao- Mày đã hại đời nó. Tao sẽ giết mày. Tao phải giết mày.

_ Chính ông đã giết chết cuộc đời cô ta. Ông đã chôn vùi bà mẹ dưới đáy sông lạnh lẽo tối tăm, ông đã chôn vùi cuộc đời con cái ông trên chiếc thuyền này.

_ Trời ! Ngôi mộ... ngôi mộ. ở đâu ? Mày, mày... ngôi mộ.

_ Đúng. Chính tôi đã đưa ngôi mộ bà mẹ lên bờ. Con gái của ông đã nhờ tôi. Cô ta đã làm đúng lương tâm và lòng hiếu thảo của một người con. Chính ông và gia đình này phải cảm ơn cô ấy. Bây giờ ông chỉ biết quyền lực của ông. Chỉ vài năm nữa ông chết đi. Nhưng ông đã và đang đẩy ả những người khác sống một cuộc đời tối tăm vô nghĩa. Bây giờ ông phải cho cô ấy lên bờ.

Anh cúi xuống nhìn xót xa tấm lưng cô, lưng Chinh bầm tím và ứa máu. Rồi anh ngẩng nhìn mọi người nói:

_ áo đâu ? Đưa áo cho cô ấy mặc.

Cát lặng lẽ đi vào nhà thuyền và mang ra một chiếc áo đưa cho anh. Anh mặc áo cho cô và đỡ cô vào nhà thuyền. Một lúc sau anh bước ra nhìn ông Lư và nói:

_ Ông phải cho cô ấy lên bờ và chính cả ông nữa. Tôi yêu cô ấy và tôi sẽ cưới cô ấy làm vợ.

_ Mày là một con quỷ. Mày đã phá hại gia đình tao. Mày phải mang trả lại cho tao ngôi mộ.

_ Nếu ông chấp nhận cho cô ấy lên bờ thì tôi sẽ chỉ cho ông biết ngôi mộ ấy ở đâu. Nhưng ông cũng không được đưa ngôi mộ ấy trở lại dòng sông. Bây giờ tôi về lấy thuốc cho cô ấy.

*

Khi Thao đi mua được thuốc cho Chinh trở về thì chiếc thuyền không còn trên bến Chùa nữa. Ông Lư đã cho chiếc thuyền nhỏ neo ngay sau khi anh rời chiếc thuyền. Anh không biết con thuyền đi về hướng nào. Anh quyết định chạy theo hướng dòng sông chảy. Ông Lư biết trước chuyện đó. Ông căng buồm cho thuyền chạy ngược dòng. Ông ngồi giữ bánh lái. Còn Sỏi và Cát phải lên bờ để kéo phụ cho chiếc thuyền đi nhanh hơn. Mây đen bồng cuồn cuộn đổ về. Mưa mùa hạ ập xuống như trút nước. Dòng sông rộng nên gió càng thổi mạnh. Thao vừa đi vừa thở trong mưa. Đất trời mù mịt. Trên dòng sông lác đác có những con thuyền cập vào hai bờ tránh bão. Cứ thấy bóng một con thuyền Thao lại cất tiếng gọi. Nhưng chỉ thấy gió bão trả lời anh. Anh rét run lên rồi trong ngực như có một ngọn lửa. Ngọn lửa đốt nóng rất lòng ngực. Ngọn lửa chui qua cổ anh lên mũi, lên mồm. Thao phải quay về nhà. Anh không đủ sức đi tiếp. Vừa về đến nhà thì cơn sốt lên đến lúc cao nhất. Anh cố gắng thay quần áo và nằm vật ra giường. Bà mẹ hốt hoảng đắp chăn cho anh và đi rang cám đánh giá cho anh. Mọi người vội vã đưa anh đi bệnh viện. Mỗi khi tỉnh lại anh lại hỏi:

_ Thuyền về chưa ?

Không ai hiểu câu anh hỏi. Mọi người nhìn anh lo lắng. Còn anh cứ mỗi khi nhắm mắt thiếp đi lại thấy chiếc thuyền, thấy dòng sông và Chinh bơi đến bên anh. Bỗng Chinh dừng bơi, ôm chặt lấy anh kêu lên khe khẽ. Gương mặt cô vừa đau đớn vừa hạnh phúc. Cô mỉm cười và trán đầm mồ hôi. Rồi anh nghe tiếng trẻ khóc. Tiếng khóc âm vang náo nức cả dòng sông. Anh bế đứa bé nâng lên khỏi mặt nước. Nhưng rồi đôi tay anh nhẹ bẫng. Anh giật mình, đôi mắt dài dại mở ra nhìn mọi người, môi anh thì thào:

_ Thuyền đã về chưa ?

Khi cơn sốt chưa kịp khỏi hẳn, anh quyết định đi tìm Chinh. Anh nói với bà mẹ rằng có lẽ hai tuần tới anh không về nhà. Anh phải đọc một số sách cho năm học mới. Anh lấy xe đạp và bắt đầu cuộc hành trình dọc sông Đáy nhưng suốt một tuần đầu anh không được một tin gì về Chinh. Anh la cà ở những nơi thuyền tụ tập đông đúc. Anh kể cho những người làm nghề sông nước về gia đình cô. Có người nói họ nhìn thấy chiếc thuyền đó qua nơi họ đã ở mấy hôm trước. ở trên mũi thuyền có một cô gái hai tay bị trói vào cọc. Có người lại kể rằng họ thấy một thuyền câu nhỏ cứ quay tròn trôi theo làn nước, trong thuyền có một đứa bé mới đẻ. Một đôi vợ chồng già không có con đã đón đứa bé ấy về nuôi. Rồi lại có người nói rằng họ nghe đồn có một người đàn bà chết trôi, trên bụng có một đứa bé mắt tròn như mắt cá. Đứa bé ấy nhìn vào bờ cứ cười ba tiếng lại khóc ba tiếng... Thao cứ đi mãi theo những lời đồn đại như chuyện cổ tích của những người dân chài cho đến khi ra đến biển. Biển tím tấp không bờ không bến và rền rĩ tiếng sóng.

Cho đến một buổi sáng Thao dậy sớm. Suốt cả bãi sông làng anh rực vàng hoa cải. Những bông hoa cải nhỏ nhắn, mềm mại, áp áp đung đưa trong gió. Thao bỗng thấy trái tim rung lên đập hồi hả. Anh chạy ủa xuống bến. Bỗng anh quỳ xuống bên luống cải. Trước mắt anh, trên mặt phù sa rụng lấm tấm những cánh hoa mỏng và từ đó kéo dài xuống bến sông là những dấu chân mỏng và nhỏ nhắn.

Người nhìn thấy trăng thật

Đêm nay ra đê chơi chúng mày nhé. Đêm nay trăng đẹp lắm. Tiếng các cô gái làng đi làm đồng về qua ngõ vọng vào. Sơn chợt tỉnh. "Đêm nay có trăng". Tiếng thì thào của ký ức vọng về từ đâu đó. Sơn dò dẫm bước ra ngoài sân. Anh từ từ ngửa mặt lên trời. Trước mắt anh mênh mông một màu tối đục. Đã ba năm nay anh không nhìn thấy gì. Một trận ốm làm mất anh lừa đi rồi dần dần tối lại. Cũng gần ba năm trước, các bác sĩ chuyên khoa mắt thực hiện cuộc phẫu thuật mắt cho anh, họ đã thất bại. Anh bỏ dở sự nghiệp học hành trở về quê. Nhiều lúc anh nghĩ đến cái chết. Anh quên mọi vui thú, mọi gặp gỡ, mọi trò chuyện.

"Đêm nay có trăng". Câu nói đó như một tiếng gọi. Nó thì thầm dẫn anh ra khỏi nhà. Anh lần ra đê và xuống bến sông. Gió hạ về đêm mát rượi thổi tung tóc anh. Anh ngược mắt lên lần

nữa. Trời trong mắt anh tối thẫm. Anh bước đi chệnh choáng. Anh đã thấy mình ở rất gần sông bởi hơi nước mát rượi trong gió. Anh như nghe thấy tiếng sông chảy. Tiếng chảy dịu dàng làm tan đi những mệt mỏi, u buồn. Anh cởi áo, bước từng bước xuống dòng sông. Nước sông êm chậm dâng lên trong cơ thể anh. Anh nhòai người bơi. Từ trên đê thoang thoang vọng lại tiếng cười của các cô gái đi chơi trăng, hóng gió. Cứ thế, anh như tan vào nước sông và thênh thang trôi. Ý nghĩ và da thịt anh như mê man trong nước mát rượi và sự tĩnh lặng mênh mang của trời đất đầy trăng.

- Ai thế này?

Một tiếng con gái thẳng thốt làm Sơn giật mình. Anh dừng lại, ngỡ ngàng. Xung quanh anh trời đất mờ đen. Anh lặng lẽ khỏa nước đi về phía tiếng người vừa cất lên.

- Ai thế này? Người ta đang tắm mà cứ sấn đến làm gì?

Sơn chột hiệu. Có một cô gái đang tắm đêm. Anh vừa thấy xấu hổ vừa thấy cay đắng. Anh vội nói:

- Xin lỗi cô. Tôi... tôi không nhìn thấy. Tối quá.

- Trăng vắng vặc thế này mà bảo tối. Giọng cô gái đầy vẻ tức giận.

- Tôi... tôi, tôi bị... hỏng mắt.

Dòng sông chột lặng phắc như không còn một giọt nước sau câu nói của Sơn.

- Tôi xin lỗi anh - Giọng cô gái rất khẽ - Tôi không biết.

Dòng sông lại lặng phắc sau câu nói của cô gái.

- Con gái mà lại tắm đêm một mình thế này, không sợ à?

- Tôi thích thế. Mà có gì phải sợ.

- Cô ở trên xóm Sóc à?

- Vâng.

- Lâu lắm tôi mới lại tắm sông, đã gần ba năm nay rồi, từ ngày mắt tôi bị hỏng.

Sau câu nói đó, hai người cùng im lặng. Họ nghe thấy tiếng những giọt nước chảy từ tóc họ xuống mặt sông.

- Trăng đẹp lắm phải không cô?

- Vâng. Cô gái đáp sau hồi im lặng rất lâu.

- Cô có thể kể cho tôi nghe trăng đêm nay đẹp như thế nào. Ba năm nay, tôi không được nhìn thấy ánh sáng, nhất là thấy trăng. Trước mắt tôi là màn đêm dằng dặc. Nhiều lúc tôi nghĩ lấy dao rạch mắt thì tôi có thể nhìn thấy ánh sáng...

- Anh đừng nói đại mồm - Cô gái vội kêu lên.

- Cô kể cho tôi nghe đi!

Cô gái lại im lặng rất lâu. Cuối cùng cô nói khẽ:

- Vâng, tôi sẽ kể cho anh, nhưng kể như thế nào nhỉ? Hôm nay là mười ba, sắp rằm rồi, trăng đêm nay...

Sơn từ từ ngược lên. Gió đêm như lòng sông thức dậy và khẽ rướn mình. Bầu trời mênh mang! Trăng như đang trôi miên man. Và hình như có những âm thanh như tiếng những chiếc chuông bạc, chuông vàng mỏng tang đang trôi bất tận không bờ bến. Sông như không còn đôi bờ đất nữa. Nước sông như dâng ngập cả đất trời hay đó là ánh trăng chảy giàn giụa xóa đi mọi giới hạn. Những lá cỏ bên bờ sông kia kia. Chúng đang hắt những tia sáng trong vắt. Và xa hơn một chút là những vòm cây như những vòm ánh sáng xanh mơ màng và run rẩy. Và xa nữa là dãy núi. Dãy núi đang thiêm thiếp trong trăng. Cả dãy núi như bằng kim cương. Và xa nữa, xa nữa, những dải mây mỏng, ánh bạc, run rẩy và mơ hồ như đang trôi về xứ sở của thần thoại. Và gần lại, gần lại, dòng sông như một dòng ánh sáng chói lòa. Và trong dòng nước ấy có những con cá làm bằng pha lê...

Sơn như trôi đến bến bờ của xứ sở trăng. Anh đưa bàn tay về phía trước. Những ngón tay của anh run rẩy. Trước anh, một thế giới của ánh sáng lại từ từ mở ra bất tận.

- Thôi anh lên bờ đi kẻo lạnh. Mình tắm lâu quá rồi. Em phải về.

- Đừng - Sơn vội kêu. Anh vừa chột thoát ra khỏi cơn mê ánh sáng. - Cám ơn em, anh cám ơn em...

- Về đi anh, lạnh lắm rồi đấy, ở dưới nước lâu ồm mát.
Cô gái nói và đi lên bờ.
- Nhà em ở ngay đây thôi. Anh trở lại bên nhà anh đi. Anh cứ đi dưới sông để hơn đi trên bờ.
- Anh muốn gặp lại em. Tối mai em có xuống sông không?
Im lặng.
- Anh muốn nghe em kể...
- Vâng. Em sẽ xuống bên.
Đêm hôm sau. Sơn lại ra sông và bơi về phía bên xóm cô gái.
- Anh đấy à?
Tiếng cô gái vang khẽ trên mặt sông.
- Anh đây.
- Mình lên bờ ngồi, kéo ở lâu dưới nước lạnh đấy.
Sơn đi theo tiếng khỏa nước của cô gái lên bờ. Họ ngồi xuống bãi cát. Và sau một hồi im lặng, cô gái lại kể cho Sơn nghe tất cả. Rồi cứ thế, theo lời kể của cô, Sơn lại trôi mê man vào thế giới của ánh sáng. Và anh lại giật mình thoát ra khỏi cơn mê khi nghe thấy tiếng cô giục anh về.
- Tên em là gì?
- Đừng hỏi tên em. Chúng ta gặp nhau thế này là được rồi.
Và cứ thế, đêm đêm Sơn lại xuống sông và bơi về phía bên xóm cô gái. Họ lại ngồi bên nhau.
- Cuối tuần trăng rồi - Giọng cô gái thoáng buồn.
- Đêm nay trăng ở xa lắm...
Trăng cuối tháng buồn hơn. Dòng sông như chảy chậm hơn. Những con cá sông bơi chậm hơn. Và cây đôi bờ như thẫn thức hơn. Mây như nặng hơn và gió như không muốn rướn mình nữa.
Đêm sau đó, Sơn lại gặp cô gái. Họ lại ngồi xuống bãi cát. Cô nói:
- Đêm nay em không kể cho anh nghe nữa. Mà anh hãy tự kể cho em nghe.
Cô gái đặt bàn tay mình lên tay anh, Sơn quay về phía cô. Anh như chợt thấy gương mặt cô hiện lên mỗi lúc một rõ.
- Anh kể đi, kể đi anh...
Tiếng cô gái thì thầm như từ trăng vọng xuống. Sơn ngược mắt lên. Và như từ đáy của bóng tối, vầng trăng lặng lẽ hiện lên và lặng lẽ tỏa sáng dần dần.
Khi Sơn dứt lời, cô gái ôm lấy cánh tay anh nói như thờ:
- Anh ơi, anh nhìn đúng trăng rồi đấy, thật mà... Anh ơi!
Sơn đưa tay vuốt mái tóc cô gái:
- Em tên là gì? Sao em lại không cho anh biết tên?
- Đừng hỏi tên em. Nếu anh cứ muốn biết tên em, em sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa. Anh hứa với em là không được hỏi tên em, anh nhé!
- Anh hứa.
Và rồi những đêm tiếp theo, cô gái ngồi nghe Sơn kể. Giọng anh rành mạch, mơ hồ, reo vui và buồn bã. Một đêm khi anh vừa dứt lời kể, anh nghe tiếng cô gái khóc. Cô cố kìm tiếng khóc nhưng Sơn vẫn nghe được.
- Làm sao em khóc? - Sơn hỏi hốt hoảng.
- Không... không... Ngày mai chúng ta không gặp được nhau nữa. Đêm mai gần sáng trăng mới lên.
- Nhưng anh không thể không gặp em được.
- Anh hãy nghe em nói đây. Anh hãy trở lại bệnh viện. Bác sĩ sẽ mổ mắt cho anh một lần nữa.
- Không còn hi vọng gì đâu - Giọng Sơn buồn bã.
- Nhất định lần này họ sẽ chữa khỏi mắt cho anh. Anh phải nghe em, đừng phụ lòng mong muốn của em. Anh hứa với em đi!

- Anh hứa.

Đêm ấy họ ở bên nhau rất lâu, im lặng. Cả hai cùng hướng về phía vàng trắng cuối tháng xa xăm. Gió vẫn thì thào đi qua họ.

- Anh về đi. Khuya rồi.

Cô gái nói và đứng dậy. Sơn đứng lên theo và bước lại gần cô gái. Anh thấy cô đang nhìn anh. Gương mặt cô đẹp như vàng trắng sau một lớp mây trắng mỏng. Anh thấy đôi mắt cô đẹp lạ lùng và thăm thẳm. Anh bước lại gần cô hơn nữa. Và anh thấy hơi thở cô nóng hổi phả vào một vùng đầu đó trên gương mặt anh thì cô nói:

- Về đi anh. Khuya lắm rồi. Em cầu chúc anh may mắn. Anh về đi...

Nói xong, cô vội quay người và bước đi như chạy về phía xóm cô dưới chân đê. Anh cảm thấy như cô đang vừa chạy vừa khóc. Các bác sĩ vui mừng khi ca mổ mắt lần thứ hai cho anh thành công. Trước ngày ra viện, họ hỏi anh trong suốt thời gian từ lần phẫu thuật trước đến lần phẫu thuật này anh đã điều trị bằng những loại thuốc nào. Khi anh trả lời họ rằng anh không hề dùng bất kỳ một loại thuốc gì thì họ không tin. Bác sĩ trưởng khoa nói với anh:

"Phải có một loại thuốc rất tốt mới làm cho một số cơ quan chức năng của mắt anh hồi phục. Bởi thế ca mổ của chúng tôi mới thành công. Anh hãy nói cho chúng tôi biết để chúng tôi có thể áp dụng giúp những bệnh án như của anh". Anh im lặng hồi lâu và khẽ nói: "Chỉ có một người con gái. Người ấy đã mang đến cho tôi niềm khao khát nhìn thấy ánh sáng và đã cho tôi thấy vẻ đẹp thật của ánh sáng".

Anh trở về làng. Tin anh chữa khỏi mắt sau ba năm bị mù lan khắp vùng. Sau một ngày ở nhà tiếp bà con hàng xóm đến chúc mừng, anh vội đi tìm cô gái. Anh không có một thông tin gì về cô ngoài một chi tiết là cô thường xuống sông tắm vào những đêm trăng mùa hạ, nhưng khi hỏi thăm những người xóm bãi của cô gái, anh không dám nói cho họ biết chi tiết ấy. Cuối cùng, vì khao khát gặp cô gái và để được nhìn thấy cô, anh phải nói ra sự thật ấy về cô. Nghe anh nói xong, mọi người à lên một tiếng, nhưng sau đó họ nhìn nhau im lặng. Cuối cùng, một người già bước đến trước anh. Ông nhìn anh vừa ái ngại vừa thông cảm:

- Nó là con Nhung - ông nói khẽ.

- Bác làm ơn chỉ cho cháu nhà của Nhung - Sơn vội vã nói như sợ ông già biến mất.

- Nó bỏ nhà đi đâu mấy ngày nay rồi.

- Cô ấy đi đâu hả bác? Tại sao cô ấy lại bỏ đi?

- Không ai biết nó đi đâu. - Ông già thờ dãi - Và cũng không ai biết vì sao nó bỏ đi. Tội nghiệp con bé, nó bị mù từ thuở lọt lòng mẹ!

Về trường phái thơ "Tân... con cóc" của Nguyễn Quang Thiều Trần Mạnh Hào



Trần Mạnh Hào

Tham luận của Trần Mạnh Hào gửi cuộc hội thảo: "Nguyễn Quang Thiều trong sự đổi mới thơ Việt Nam đương đại" do Viện Văn học tổ chức sắp tới. Có thể nói, trong làng báo, làng văn ở Việt Nam hôm nay, Nguyễn Quang Thiều là một trong những nhân vật nổi tiếng nhất. Về sự đa

tài của ông Thiều (nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch bản điện ảnh, họa sĩ, nhà dịch thuật văn học...)



Tác phẩm hội họa của
Nguyễn Quang Thiều

...chỉ kém trung tướng Hữu Ước (nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nhà điện ảnh, họa sĩ, nhạc sĩ, nhà nhiếp ảnh...)

Riêng về thơ, Nguyễn Quang Thiều đang được các nhà “Thiều học” ca ngợi còn hơn cả Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương; rằng Nguyễn Quang Thiều là “Cây ánh sáng” soi sáng cho nền thơ hiện đại Việt Nam; rằng Nguyễn Quang Thiều là người bẻ ghi cho con tàu thi ca Việt Nam ra với thế giới...

Công bằng mà nói, trong biển cả miên man vô tận của thứ thơ phi truyền thống, phi hình tượng, phi cấu tứ, phi tư tưởng, phi biểu tượng, phi nội hàm, phi truyền cảm... của Nguyễn Quang Thiều, ta vẫn tìm được đây đó một số câu và đoạn thơ hay:

Tôi hát bài hát về cố hương tôi
Bằng khúc ruột tôi đã chôn ở đó
Nó không tiêu tan
Nó thành con giun đất
Bò âm thầm dưới vại nước, bờ ao
Bò quần quại qua khu mồ dòng họ
Bò qua bãi tha ma người làng chết đói
Đất đùn lên máu chảy rờn rờn
Tôi hát, tôi hát bài ca về cố hương tôi
Trong những chiếc tiểu sành đang xếp bên lò gốm
Một mai đây tôi sẽ nằm trong đó
Kiếp này tôi là người
Kiếp sau phải là vật
Tôi xin ở kiếp sau làm một con chó nhỏ
Để canh giữ nỗi buồn - báu vật cố hương tôi.

....

ông Đáy chảy vào đời tôi
Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả
Tôi dụi mặt vào lưng áo người đấm mồ hôi mát một mảnh sông đêm
Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt
Cơn mơ vang tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc
Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn
Tỏa mát cơn đau tôi là tóc mẹ bến mồn đứng đợi
Một cây ngô cuối vụ khô gầy
Suốt đời buồn trong tiếng lá reo.

....

Mẹ tôi đã già như cát bên bờ - Ôi mùi cát khô, mùi tóc mẹ tôi - Tôi quì xuống vốc cát áp vào mặt - Tôi khóc - Cát từ mặt tôi chảy xuống dòng dòng”

....

Theo tiêu chuẩn tối thượng HAY -DỒ định giá trị thi ca, muốn tìm năm bài thơ hay của Nguyễn Quang Thiều để in vào tuyển tập thơ Việt Nam là điều không thể.

Theo tạp chí chuyên về văn học nghệ thuật: <http://www.tienvo.org>, nơi in tất cả các sáng tác của Nguyễn Quang Thiều, viết về tiểu sử của ông như sau:

"Sinh năm 1957 tại Hà Tây. Hiện sống ở Hà Đông. Nguyễn Quang Thiều là nhà thơ, nhà văn, kịch tác gia, và dịch giả, đã đoạt nhiều giải thưởng văn học ở Việt Nam.

Ông đã xuất bản nhiều tập thơ, gồm có: Ngôi nhà tuổi 17 (1990); Sự mất ngủ của lửa (1992); Những người đàn bà gánh nước sông (1995); Những người lính của làng (1996); Thơ Nguyễn Quang Thiều (1997); Nhịp điệu châu thổ mới (1997); và Bài ca những con chim đêm (2000).

Tập thơ The Women Carry Water (bản Anh ngữ của cuốn Những người đàn bà gánh nước sông) được University of Massachusetts Press xuất bản năm 1997, và được The National Translation Association of America trao giải thưởng vào năm 1998. Thơ của ông đã được dịch và đăng trên rất nhiều tạp san văn học trên thế giới.

Ông đã xuất bản 2 tiểu thuyết, 5 tập truyện ngắn, 3 tập truyện cho thiếu nhi, và 1 tập tiểu luận. Hai tập truyện ngắn của ông đã được dịch và xuất bản tại Pháp: La Fille Du Fleuve (1997), và La Petite Marchande De Vermaicelles (1998). Ông cũng tham gia vào lĩnh vực điện ảnh và sân khấu, và nhiều kịch bản của ông đã được dựng thành phim.

NGUYỄN QUANG THIỀU NỔI LÊN NHỜ HỮU ƯỚC

"Nguyễn Quang Thiều nổi lên nhờ Hữu Ước" là kết luận của Hai Xe Ôm (Phạm Viết Đào) trong bài viết: "Con bài Nguyễn Quang Thiều trong ván cờ chính trị của Hữu Thịnh" chúng tôi sẽ dẫn dưới đây. Trước hết, chúng tôi xin trích lời nhà thơ, nhà báo Hữu Việt in trong bài "Nguyễn Quang Thiều rời báo Văn Nghệ như anh kếp hát rời sân khấu" in trên <http://vietbao.vn> như sau:

Ông (tức Nguyễn Quang Thiều) tiếp tục cuộc chơi của mình, lần này trên An ninh Thế giới cuối tháng. Ông là người chủ chốt lập đề cương và tổ chức thực hiện.

Tờ báo này nổi đình nổi đám một thời gian dài có lẽ nhờ phần đóng góp không nhỏ của Nguyễn Quang Thiều. Còn nhớ, khi chiến tranh Mỹ - Afghanistan xảy ra, vào năm 2001, Thiều đã xung phong sang chiến trường này, và hoạt động như một phóng viên chiến tranh.

Bởi vậy, nhà văn, TBT Hữu Ước đã có những cách đối xử rất "anh Hai" với ông. Chính xác hơn, đây là cách ứng xử của một người anh với thằng em mà mình rất yêu quý. Cho dù có chuyện gì xảy ra thì Nguyễn Quang Thiều vẫn là "công thần" của ANTG.

Năm 2003, ông không tham gia ANTG cuối tháng nữa, nhưng hàng tháng, ông vẫn nhận được một khoản tiền thù lao. Khi ông cố từ chối thì nhà văn Hữu Ước đã nói, đại ý: Đây là tiền "bán quyền tác giả" ANTG cuối tháng của ông. Ông phải nhận nó khi nào Hữu Ước còn là TBT và tờ ANTG cuối tháng còn xuất bản...

"Trước khi về báo Văn Nghệ, đại khái người ta chỉ biết ông tốt nghiệp đại học ở Cuba và vào thời điểm ấy ông là một trong số hiếm hoi các nhà văn trẻ biết tiếng Anh khá.

Ông làm việc ở một cơ quan quan trọng nào đó, nhưng khi ra ngoài công khai, giấy tờ chính thức của ông là cán bộ Bộ Y tế. Ít ai ngờ, nhà thơ trẻ ấy sau này lại trở thành một người làm báo - và viết báo."

Đây là từ điển mạng <http://vi.wikipedia.org> viết về Nguyễn Quang Thiều:

"Ông được coi là người cùng với nhà văn, trung tướng công an Hữu Ước sáng lập nên hai tờ báo phổ biến ở Việt Nam hiện nay là tờ An ninh thế giới cuối tháng và cảnh sát toàn cầu"

Nhà thơ Phạm Khải trên tờ Công an nhân dân viết về Nguyễn Quang Thiều như sau:

Với nhà văn Hữu Ước, Nguyễn Quang Thiều nhớ lại lần anh để xảy "tai nạn nghề nghiệp" khi phụ giúp ông làm tờ An ninh thế giới Cuối tháng: Nhà văn Hữu Ước, mặc dù - nói như Nguyễn

Quang Thiều "nổi tiếng là người thẳng tính và nóng tính", song lúc ấy "ông chỉ hút thuốc lào vật hết điếu này đến điếu khác. Những lúc ấy tôi có cảm giác như ông đã làm xong mọi việc mà cuộc đời ông phải làm hoặc là trong cuộc đời này ông chẳng có việc gì phải làm cả. Chỉ có hút thuốc lào và uống rượu trong im lặng".

Từ đây, Nguyễn Quang Thiều có những khái quát về bản lĩnh của ông nhà văn đang giữ cương vị Tổng biên tập: "Bây giờ tôi hiểu ra rằng: Có những lúc ông rơi vào những hoàn cảnh khó khăn như vực thẳm, như núi cao mà ông vẫn thanh thản đối mặt và thanh thản đi qua với một thái độ "chẳng có gì quan trọng".

"Chẳng có gì quan trọng" không phải là không có gì quan trọng mà bởi trong lòng ông ngập tràn lòng tin và thanh thản chấp nhận mọi điều có thể xảy ra như ông đã từng chấp nhận". (Nhân đọc tập sách " Người" của Nguyễn Quang Thiều và Lê Thiết Cương - Phạm Khải)

Trên trang mạng của Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, nhà báo Mai Hồng viết về Nguyễn Quang Thiều như sau:

"Nhà văn, Thiếu tướng Hữu Ước có mặt tại triển lãm cười thật tươi mà nói rằng: "Lê Thiết Cương và Nguyễn Quang Thiều là những người bạn, người em của tôi."

(Bài Chung niềm yêu thương với Người- Mai Hồng)

Trên trang mạng của báo Công an nhân dân, nhà báo Duy Hiền viết về Nguyễn Quang Thiều như sau:

"Nói về những kỷ niệm làm tờ An ninh thế giới cuối tháng (sau thêm số giữa tháng), nhà thơ Nguyễn Quang Thiều kể: Khi tờ An ninh thế giới hằng tuần đã có vị thế lớn, anh Hữu Ước quyết định làm một tờ báo sang trọng hơn và chúng tôi đã giúp anh thực hiện quyết định đó. Đến nay, tờ An ninh thế giới cuối tháng (giữa tháng) vẫn giữ vị trí đáng nể trong số vô vàn các ấn phẩm báo chí..." (Bài: Gặp mặt những người làm nên thương hiệu An ninh thế giới và Văn hóa Văn nghệ công an - Duy Hiền)

Nhà thơ đại tá công an Hồng Thanh Quang viết về Nguyễn Quang Thiều trên tờ Công an nhân dân như sau:

Tổng biên tập Hữu Ước giao cho nhà thơ Nguyễn Quang Thiều (người danh chính ngôn thuận biên chế thuộc báo Văn nghệ nhưng từ lâu đã gắn bó với ANTG, được Tổng biên tập biệt đãi vừa như em, vừa như khách) và tôi phác thảo đề cương tờ báo mới. Khi đã thống nhất được những chuyên mục chính của báo, anh lập tức "bật đèn xanh" cho ra đời một ban biên tập do anh trực tiếp nắm.

(Bài: "An ninh thế giới cuối tháng- 5 năm là bấy nhiêu tình-Hồng Thanh Quang)

Một bài trên tờ Lao động viết về chuyến đi thực tế cuộc chiến tranh ở Afghanistan của đại tá công an Nguyễn Như Phong và Nguyễn Quang Thiều như sau:

Đây là sáng kiến của Hữu Ước, Tổng Biên tập báo An Ninh Thế Giới và Văn Nghệ Công An Nhân Dân. Cái đáng kể nhất là tài chính, cũng do báo này lo hết.

Trích bài: (Hai nhà báo đến với chiến trường Afghanistan)

Nhà thơ đại tá công an Hồng Thanh Quang viết trên tờ Công an nhân dân như sau:

"Tôi không rõ anh đã phải uống hết bao nhiêu ly rượu nhưng anh đã nghĩ ra được một độ chiều: biết là kiểu gì Mỹ cũng sẽ tấn công Afghanistan (lúc ấy đang do Taliban cai quản), anh cử ngay hai cây bút vào hàng cựu phách của toà soạn là nhà thơ Nguyễn Quang Thiều và Phó Tổng biên tập ANTG Nguyễn Như Phong sang Pakistan với nhiệm vụ làm sao thổi được không khí nóng bỏng từ đó lên những trang báo các ấn phẩm của ANTG, cả tờ tuần lẫn tờ cuối tháng." (bài: ANTG cuối tháng-5 năm là bấy nhiêu tình-Hồng Thanh Quang)

(DVT.vn) - 9 giờ ngày 5/2, Hội Nhà văn Việt Nam đã khai mạc Liên hoan Thơ châu Á - Thái Bình Dương lần thứ nhất và Ngày Thơ Việt Nam lần thứ 10. Đây là hình ảnh Nguyễn Quang

Thiều trong ngày hội liên hoan thơ châu Á Thái Bình Dương lúc 9 giờ sáng ngày 5/2/2012 tức 14 tháng Giêng âm lịch, tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội, Hội Nhà văn Việt Nam đã long trọng khai mạc Liên hoan Thơ châu Á - Thái Bình Dương lần thứ nhất và Ngày Thơ Việt Nam lần thứ 10. yễn Sơn.

Bài: "Liên hoan Thơ châu Á - Thái Bình Dương và Ngày Thơ Việt Nam"-

Chủ nhật, 05/02/2012 19:35

Trên mạng của nhà văn Phạm Viết Đào trong bài "CON BÀI NGUYỄN QUANG THIỀU:

TRONG VẤN CỜ CHÍNH TRỊ CỦA HỮU ƯỚC THỈNH?" có đoạn viết như sau:

Nguyễn Quang Thiều một thời đầu quân cho Hữu Ước làm tờ An ninh thế giới cuối tháng. Còn Nguyễn Quang Thiều nổi lên là nhờ Hữu Ước và Vietnamnet chứ nếu xem xét dưới góc văn chương thì Thiều cũng chưa chứng minh được gì nhiều trong những năm gần đây.

"Quan Văn" Thiều vốn là một chiến binh có kinh nghiệm và khả năng chinh phạt thương trường qua thức thách của những việc làm tại làm 2 tờ báo Vietnamnet và An ninh cuối tháng; hiện nay Thiều đang làm tờ Cảnh sát Hình sự"

Khi làm An ninh cuối tháng, Cảnh sát Hình sự, Thiều chỉ lo phần bài vở còn phần hậu cần quân lương đã có Hữu Ước lo.

Trúng cử được vào Ban chấp hành và chức vụ Phó Chủ tịch, rất nhiều người thấy ngộ khi nhìn thấy Thiều ngay lập tức xuất hiện trên báo Công an nhân dân với trang phục Comple cà vạt.

Nhìn nét mặt Thiều quả rất ngộ: quắc thước, mắt ngược nhìn lên như Stalin, như Gorbachop nhưng thần thái thì vẫn chưa dấu được cái đuôi sĩ; tức đuôi hề...

Trong 5 năm gần đây, giới văn chương không thấy văn chương của Thiều phát tiết gì nhiều"

Trên trang mạng <http://vnexpress.net> có bài viết về những lời ca tụng của Nguyễn Quang Thiều với Hữu Ước như sau:

24 chân dung bằng chữ của Nguyễn Quang Thiều và 10 bức chân dung bằng đường nét và màu sắc của Lê Thiết Cương hội tụ trong triển lãm mang tên "Người", khai mạc tại Gallery 39 Lý Quốc Sư, Hà Nội, chiều 27/10. Cuốn sách của Nguyễn Quang Thiều tập hợp 24 bài viết về những nhân vật nổi tiếng trong giới văn nghệ mà anh từng gặp gỡ như: Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm, Bảo Ninh, Hữu Ước...(Bài: Nhà thơ và họa sĩ vẽ " Người")

Trên website <http://vietbao.vn> Nhà thơ, nhà báo Hữu Việt đã hé mở VÙNG TỐI NGUYỄN QUANG THIỀU, từ VÙNG TỐI hết sức bí mật này, ông Thiều được những cơ quan chức năng siêu bí mật làm giả hồ sơ, biến ông từ một nơi CƠ QUAN QUAN TRỌNG- hoạt động bí mật sau khi học ở Cu Ba về VỚI MỘT LÝ LỊCH GIẢ để ông ra công khai, rằng ông Thiều từng làm ở cơ quan y tế, nay được chuyển sang hoạt động văn học nghệ thuật như sau:

Trước khi về báo Văn Nghệ, đại khái người ta chỉ biết ông tốt nghiệp đại học ở Cuba và vào thời điểm ấy ông là một trong số hiếm hoi các nhà văn trẻ biết tiếng Anh khá.

Ông làm việc ở một cơ quan quan trọng nào đó, nhưng khi ra ngoài công khai, giấy tờ chính thức của ông là cán bộ Bộ Y tế. Ít ai ngờ, nhà thơ trẻ ấy sau này lại trở thành một người làm báo - và viết báo. (Trích bài: "Nguyễn Quang Thiều rời báo Văn Nghệ: Nỗi buồn của anh kếp rời sân khấu"- nhà thơ, nhà báo Hữu Việt")

QUAN ĐIỂM THI CA CỦA NGUYỄN QUANG THIỀU

Trong bài viết: "Trong khu vườn của người đàn bà tên Thúy", như một định đề nghệ thuật, một xác tín thi pháp, một ẩn dụ tiêu chí thi ca, một định hướng thi pháp, một tuyên ngôn thơ thông qua trường hợp sáng tác của nhà thơ nữ trẻ Đinh Thị Như Thúy, Nguyễn Quang Thiều trang trọng đến rưng rưng thơ hóa lý luận, như sau:

"Nhưng quan niệm về nghệ thuật thơ ca của tôi đang tiến đến điểm cuối của một quan niệm mà tôi đã từng đọc, đã từng chống đối, đã nhìn lại, đã bị thuyết phục và trở thành đồng nhất. Đó là: ngôn ngữ thơ ca gần với tiếng nói đời thường nhất

....

Sự quyến rũ của ngôn ngữ không phải là sự tầng tầng lớp lớp những nghĩa và những cấu trúc đầy tính hình thức mà chúng ta cố tạo ra cho nó hay tìm cách gán ép cho nó. Mà sự quyến rũ của ngôn ngữ là khi nó bị ném thẳng vào bức tường của sự thật và ngay lập tức bật trở lại như chúng ta ném một quả bóng.

...

...

Với cách nhìn đó, [Đinh Thị Như Thủy](#) là một trong không nhiều những nhà thơ tôi đọc đi đọc lại. Đinh Thị Như Thủy là nhà thơ của ai và thuộc thể hệ nào của thơ ca Việt Nam?

....

Tôi đọc tất cả những tập thơ Đinh Thị Như Thủy đã xuất bản. Có những bài thơ của chị tôi đọc đi đọc lại nhiều lần. Có những lần đọc nhưng không chú tâm để hiểu và cũng không lợi dụng những điểm tương đồng để tự tạo những cảm xúc cho mình. Đọc như đi qua một cánh đồng, một dòng sông hay một thị trấn mà không có mục đích. Và chính xác hơn, đọc như đứng trong một ngôi nhà đã mở hết các ô cửa, không có ai ở đó, không có bất kỳ sự chỉ dẫn nào, mà đứng với một sự mở bốn phía để bắt đầu cuộc trò chuyện. Sự đọc ấy giống như người ta vẫn đi trên con đường từ nhà ra cánh đồng và trở về trong suốt cuộc đời mình. Và hành trình liên tục như sự tự nhiên của đời sống này làm cho ta một ngày không thể rời xa được. Nhưng trong bài viết này, tôi lấy bài thơ dài [Nơi ngày đông gió thổi](#) để trò chuyện. Mà thực ra, tôi cũng không dùng những câu thơ trích để nói về thơ chị hay con người chị. Đó thực sự chưa hẳn là mục đích của bài viết này. Tôi nói về thơ chị như bấy lâu nay những bài thơ của chị vẫn chập chờn đâu đó. Nó nhiều lúc chẳng rõ ràng trong tôi. Nó luôn luôn tạo ra một cảm giác “ở đâu đấy” quanh tôi. Vừa gần gũi vừa xa lạ. Vừa đóng lại và vừa mở ra. Vừa như những bài thơ có khả năng giấu đi mọi phô diễn của kỹ thuật ngôn từ và vừa như là sự liên tiếp của những hành động vụng về nhưng chính xác đến không tưởng. Nhưng có một điều bất biến kể từ khi tôi đọc tập thơ đầu tiên cho đến những bài thơ mới nhất của chị. Điều bất biến đó là tôi chưa bao giờ đi ra khỏi ý nghĩ của mình khi đọc những câu thơ của chị — ý nghĩ về người đàn bà mang tên Thủy chỉ sống trong một khu vườn từ lúc sinh ra đến bây giờ và chắc chắn đến giây phút chị rời bỏ sự hiện hữu của chị trên thế gian. Nhưng quả thực, ý nghĩ đó không phải là trí tưởng tượng và tôi tệ hơn nữa nếu Có lại lại sự suy đoán. Ý nghĩ ấy là một hiện thực minh bạch đến kỳ lạ.

...

Và trong khu vườn nhỏ của mình, người đàn bà tên Thủy đã lúc nào cũng mở to đôi mắt nhìn đời sống này như một đứa trẻ nhiều đau ốm và sợ hãi và hoang sợ và khát vọng. Tất cả những ngỡ ngàng, những đau ốm, những hoang sợ, những tuyệt vọng và những khát vọng của người đàn bà tên Thủy là của chúng ta. Những trạng thái ấy chính là đức hạnh thực sự của con người. Những điều đó đẩy chúng ta trở lại nguồn gốc đời sống của con người. Khi chị viết: Người đàn bà chăm chú dõi tìm trái đỏ trong cây là tôi hiểu chị viết về những người đàn bà trong mùa thu hoạch cà phê. Nhưng ánh sáng của câu thơ đã rời khỏi thân xác của một hiện thực đen tối như ánh lửa rời thân xác của một khúc gỗ. Khó có thể tìm một hình ảnh nào giản dị hơn và đẹp hơn câu thơ này khi viết từ hiện thực thô lược ấy. Nó giản dị đến mức làm cho rất nhiều các nhà thơ có thể cười khẩy với tôi. Điều đó thật hiển nhiên và thật dễ hiểu. Nhưng để viết câu thơ đó, chị đã mở đôi mắt đến không còn khả năng mở hơn nữa và nhìn thẳng vào cái trái đỏ trong vòm lá thẫm tối kia với một lượng thời gian bằng đúng tuổi đời chị. Cái nhìn đó giống như người ta điều chỉnh ống kính máy ảnh vào một điểm để cuối cùng để nó hiện lên sắc nét như một sự tinh kết cao nhất. Hình ảnh ấy ngày từ đầu đã dựng lên trong tôi hình ảnh một Nữ thần ái tình đang bay trong vòm trời màu lục và vươn những ngón tay mảnh rẻ và run rẩy để chạm vào ngôi sao lấp lánh kia. Chị không áp đặt tình yêu những người lao động vào tôi, không lên tiếng với tôi về sự khổ hạnh của những người đàn bà vất vả và nghèo đói, chị không được phép làm thế vì chị là một nhà thơ.”

Và tiếp tục vào hai mươi đợt, sẽ đọc được bài thơ dài miên man “Nơi ngày đông gió thổi” của Đinh Thị Như Thúy, hay đánh vào <http://google.com> tiêu đề “ Nơi ngày đông gió thổi Tiên vệ” sẽ đọc được bài thơ dài này)

Với Nguyễn Quang Thiều, sau bao nhiêu năm tìm kiếm, vật vã, phản biện, day dứt, cuối cùng ông mới chợt ngộ ra chân lý nghệ thuật nói chung, chân lý thi ca nói riêng là làm sao cho: “NGÔN NGỮ THƠ CA GẦN VỚI TIẾNG NÓI ĐỜI THƯỜNG NHẤT”. Tưởng chuyện gì ghê gớm, hóa ra là tiêu chí của các trào lưu hiện thực trong nghệ thuật đã ra đời từ rất sớm, quyết đưa thi ca trở về gần với ngôn ngữ thường nhật, ngôn ngữ bình dân, mà một đứa trẻ học cấp hai ở Việt Nam đã học: tính hiện thực của văn học, của thi ca.

Về chuyện “ngôn ngữ thi ca gần với ngôn ngữ đời thường” thì từ thời cổ đại, khi chưa có chữ viết, nhân loại đã sáng tạo ra dòng VĂN CHƯƠNG TRUYỀN MIỆNG là ca dao tục ngữ, như ca dao Việt Nam hay Kinh Thi của Trung Quốc, kinh Vệ đà Ấn độ... dân gian đã thực thi nhiệm vụ mà Nguyễn Quang Thiều vừa đặt ra: “đưa thi ca về gần với tiếng nói thường nhật”.

Khi nhân loại có chữ viết, dòng văn chương bác học xuất hiện, những nhà lập thuyết nghệ thuật đầu tiên như Aristote thể kỷ thứ bốn trước công nguyên, với cuốn “ Thi pháp” (Poetics) đã đưa ra một khẩu hiệu tuyệt vời cho Thi Ca: “Văn học hay thi ca là sự mô phỏng (phản ánh) cuộc sống” cổ xúy cho việc đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ (nhưng phải chọn lọc) đó sao? Nhà lập thuyết văn học cổ đại Ấn độ là Bharata trong cuốn “Natyasastra” (sách dạy lý thuyết sân khấu) cũng lấy tiêu chuẩn chân thực, đưa ngôn ngữ bình dân lên kịch, lên thơ nhưng phải mài giũa, mở ra ba thế giới là thế giới thực tại, thế giới tâm linh và thế giới thần linh, gọi là cảm thức linh hồn của kịch thơ (bi hài kịch) đó sao?

Thế kỷ thứ sáu sau công nguyên thời Ngụy-Tán, nhà lý luận văn nghệ đầu tiên của Trung Quốc là Lưu Hiệp, trong chương “Nguyên đạo” mở đầu cho tác phẩm “Văn tâm điều long” phê phán thứ nghệ thuật hoang đường, đưa nghệ thuật thi ca từ mộng xuống hòa với thực, tuy văn phải đẹp như vẩy rồng (điều long) nhưng xuất phát từ Tâm (Văn tâm), mà Tâm thì bắt nguồn từ thực đó sao?

Nói chung, yêu cầu của nhà thơ, nhà thi pháp Nguyễn Quang Thiều vừa phát hiện ra được ông coi như sẽ chân động thi đàn, tựu trung đã có từ thời cổ đại. Về việc này, cũng giống như ông Thiều vừa phát hiện ra một chân lý và vội công bố với toàn thế giới rằng: mặt trời cư ngụ nơi ban ngày, mặt trăng cư ngụ nơi ban đêm vậy.

Nhưng Nguyễn Quang Thiều đã vượt qua tiêu chuẩn “đưa thi ca xuống GẦN với ngôn ngữ thường nhật” bằng bước “đại nhảy vọt” như sau:

“Sự quyến rũ của ngôn ngữ không phải là sự tầng tầng lớp lớp những nghĩa và những cấu trúc đầy tính hình thức mà chúng ta cố tạo ra cho nó hay tìm cách gán ép cho nó. Mà sự quyến rũ của ngôn ngữ là khi nó bị ném thẳng vào bức tường của sự thật và ngay lập tức bật trở lại như chúng ta ném một quả bóng.”

...

Từ đây, Nguyễn Quang Thiều đã làm cuộc đại cách mạng văn hóa thi ca: đơn nghĩa hóa sự đa nghĩa của thi ca từ trước đến giờ. Tức là làm thơ là nói như người ta nói hàng ngày, không cần chọn lọc, không cần trau chuốt, không cần nghệ thuật, không cần ẩn nghĩa, hàm nghĩa, tức xóa sổ nghĩa bóng của thi ca, đã đảo đa ngữ nghĩa thi ca, đã đảo khẩu hiệu “thi tại ngôn ngoại” của cổ nhân, đã đảo các biểu tượng, ẩn tượng, hàm tượng thi ca. Thơ với Nguyễn Quang Thiều là có gì nói toẹt ra ngay, hoan hô nghĩa đen, nghĩa đen tuyệt đối, xử tử bọn phản động HÀM NGÔN, bọn lên đồng có tên là NGHĨA BÓNG.

Làm thơ, với Nguyễn Quang Thiều là hành vi ném thẳng NGÔN NGỮ vào BỨC TƯỜNG SỰ THẬT NHƯ NÉM MỘT QUẢ BÓNG, nó sẽ bật trở lại ngay lập tức một quả bóng: “như chúng ta ném một quả bóng”. Nghĩa là, sự vật được phóng chiếu qua đôi mắt, qua tư tưởng, tâm hồn nhà thơ, bật ra y nguyên như hình ảnh ban đầu nhà thơ ngó thấy. Thơ đối với Nguyễn Quang Thiều là nhìn thấy sự vật tồn tại, hoạt động như thế nào thì viết ra như thế, thật hơn cả máy chụp hình. Chẳng hạn, khi nhìn thấy con mèo đen leo lên lưng một con mèo trắng, ông Thiều

sẽ viết y như lý luận thơ phi thơ ông vừa công bố với thế giới mà rằng:
Một con mèo đen bò lên mái nhà sau khi ôm bầu trời gào thét
Nó thấy một con mèo trắng cũng gào như cha chết
Ồi tình yêu khởi thủy từ những tiếng gào
Chú linh miêu của thần linh bước qua mái nhà lợp bằng ngói nâu quê hương ta
Để sợ chưa cả loài người ơi
Hai con miu miu ngừng gào im lặng như chú kiến đang ngủ
Chúng leo lên lưng nhau như leo lên chiếc thang hạnh phúc

....

Viết thơ như thế này, trước Nguyễn Quang Thiều hàng mấy trăm năm, tác giả (hay tập thể tác giả) đã làm nên bài “thơ hay” là “Bài thơ con cóc”, sáng tác ra phương pháp “tuyệt đối chân” trong thi ca mà Nguyễn Quang Thiều vừa khám phá:

Con cóc trong hang
Con cóc nhảy ra
Con cóc nhảy ra
Con cóc ngồi đấy
Con cóc ngồi đấy
Con cóc nhảy đi

Xin quý bạn đọc tham khảo bài viết ca ngợi bài thơ này của nhà phê bình văn học, giáo sư Nguyễn Hưng Quốc: “Nguyễn Hưng Quốc - thơ con cóc, một bài thơ hay”

Thi pháp Nguyễn Quang Thiều là thi pháp phản truyền thống: truyền thống cho thơ phải đa nghĩa thì ông Thiều quyết làm thơ đơn nghĩa; truyền thống cho thơ phải kiệm lời thì thơ ông Thiều rất lắm lời; truyền thống cho thơ phải hàm súc thì ông Thiều làm loài thơ lạnh tanh, xóa mọi hàm ngôn (tâm hồn lạnh tanh máu cá/ nhiệt tình xuống quá độ âm - Chế Lan Viên); truyền thống cho thơ phải êm tai, phải có nhạc tính thì thơ ông Thiều chủ trương phải gắt như mắm tôm; truyền thống cho thơ phải có âm dương điều hòa trong ngữ nghĩa thì ông Thiều chủ trương thơ phải độc âm hay độc dương, không có thể đưa chủ nghĩa hài hòa của đồng chí Hồ Cẩm Đào vào đây được à ghen (!)

Tuy cùng thi pháp NÓI TOÉT RA như trường thơ Con cóc, nhưng Nguyễn Quang Thiều (có lẽ) còn phải cách tân TRƯỜNG THƠ CON CỐC thêm một lần nữa là tuyệt đối cấm kiệm lời trong thơ; rằng thơ thì phải rậm lời, lắm lời, lắm điều, cần phải kéo dài câu thơ ra như kéo dài kẹo kéo. Có lẽ, rồi đây, chủ soái trường phái thơ TÂN CON CỐC, sẽ sửa lại bài thơ “tuyệt bút” Con cóc theo “thi pháp kẹo kéo” của ông cho hợp với môn phái TÂN HÌNH THỨC - TÂN CON CỐC mà ông vừa sáng tạo ra.

Kể viết bài này xin phép học theo lối thơ ông Thiều mà thử múa riu qua mắt thợ, chuyển bài thơ Con cóc từ cổ điển sang trường phái HẬU HIỆN ĐẠI-TÂN CON CỐC của ông Thiều, xem ông có hài lòng hay không về món “TÂN ...CON CỐC”, tức thơ con cóc hiện đại, như sau:

“Con cóc ngồi trong hang tư duy về thế giới sao mà có mặt nơi đây
Con cóc bò ra ngó lên vũ trụ thắc mắc: tồn tại hay không tồn tại
Con cóc nhảy đi tìm hư vô, tìm sự cô đơn vô nghĩa có tên là vũ trụ
Con cóc nhảy đi cũng như không nhảy vì sự giới hạn không cho phép nó vô hạn
Con cóc bèn tọa thiền ngồi im thít thít như cục thịt đông của cái thế giới mà lửa cũng đóng thành băng tuyết
Con cóc nhảy vào hư vô mà cái hang chính là bầu trời, thi ca ơi, thượng đế ơi trả ta con cóc siêu hình con cóc nhân văn

...

Chúng tôi xin thông báo một điều mà chắc ông Nguyễn Quang Thiều sẽ giật thót: trước ông mấy chục năm, thi hào Xuân Diệu (Thơ thơ, Gửi hương cho gió) sau khi được giác ngộ cách mạng từ bỏ chủ nghĩa lãng mạn trong thơ, đi theo tiêu chí văn nghệ phục vụ chính trị, đã cách tân bài thơ con cóc trước cả Nguyễn Quang Thiều. Thực ra, chủ nghĩa hậu hiện đại tân thời

con cóc trong thơ phải lấy Xuân Diệu làm tiên sư chứ không phải ông Thiều như ông đang nhầm lẫn.

Chúng tôi nhớ cách đây hơn 50 năm, vào đầu những năm sáu mươi của thế kỷ trước, lúc còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng tôi đã tập tành làm thơ theo khẩu hiệu “duy thật” của Xuân Diệu: Chân chân chân - thật thật thật, với “thi pháp con đĩa” lấy câu thơ mà đi đâu Xuân Diệu cũng bình là một câu thơ hay nhất của đời ông làm chuẩn mực thi ca: “CON ĐĨA BÒ QUA MỒ ĐẤT CHẾT”... Cũng như Nguyễn Quang Thiều lấy câu thơ của Đinh Thị Như Thúy:

Khi chị (Đinh Thị Như Thúy) viết câu thơ: “NGƯỜI ĐÀN BÀ CHĂM CHÚ DỐI TÌM TRÁI ĐỔ TRONG CÂY” là tôi hiểu chị viết về những người đàn bà trong mùa thu hoạch cà phê. Nhưng ánh sáng của câu thơ đã rời khỏi thân xác của một hiện thực đen tối như ánh lửa rời thân xác của một khúc gỗ. Khó có thể tìm một hình ảnh nào giản dị hơn và đẹp hơn câu thơ này khi viết từ hiện thực thô lợc ấy. Nó giản dị đến mức làm cho rất nhiều các nhà thơ có thể cười khẩy với tôi. Điều đó thật hiển nhiên và thật dễ hiểu. Nhưng để viết câu thơ đó, chị đã mở đôi mắt đến không còn khả năng mở hơn nữa và nhìn thẳng vào cái trái đổ trong vòm lá thẫm tối kia với một lượng thời gian bằng đúng tuổi đời chị. Cái nhìn đó giống như người ta điều chỉnh ống kính máy ảnh vào một điểm để cuối cùng để nó hiện lên sắc nét như một sự tinh kết cao nhất. Hình ảnh ấy ngày từ đầu đã dựng lên trong tôi hình ảnh một Nữ thần ái tình đang bay trong vòm trời màu lục và vươn những ngón tay mảnh rẻ và run rẩy để chạm vào ngôi sao lấp lánh kia...

(đã dẫn)

Câu văn trần thuật đơn giản, tầm thường “Người đàn bà chăm chú dối tìm trái đổ trong cây” của Đinh Thị Như Thúy chợt lóe sáng trong đầu nhà lập thuyết thi ca Nguyễn Quang Thiều một ẩn dụ triết học thi thiên để sinh ra trường phái thơ “Tân... con cóc”, quả tình là điều bí hiểm mà người trần mắt thịt chúng ta hầu như chưa lĩnh hội được. Như thế này, chắc sẽ có hàng ngàn nữ thi hữu trẻ bất chước câu văn đơn giản: “Người đàn bà chăm chú dối tìm trái đổ trong cây” mà ông Thiều cho vào hàng câu thơ hay kiệt xuất, để xuất hiện hàng nghìn sự kiện văn học khác làm chấn động thế giới; ví như: “Em gái mê mẩn vọc đất săn tìm một củ khoai lang tím sốt”, “ Mẹ ngược mắt lên bầu trời tìm xem có ngôi sao nào con của mình không?”, “Anh đi đâu mà không đi vô đường làng em xem hội”...

Bất chước Xuân Diệu xưa dùng câu văn trần thuật thô thiển rồi hoang tưởng gọi là thơ: “CON ĐĨA BÒ QUA MỒ ĐẤT CHẾT” để tạo ra trường thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa, nay Nguyễn Quang Thiều cũng dùng một câu văn trần thuật thô thiển của Đinh Thị Như Thúy: “NGƯỜI ĐÀN BÀ CHĂM CHÚ DỐI TÌM TRÁI ĐỔ TRONG CÂY” làm hứng khởi cho nguồn sáng tạo ra thi pháp “TÂN... CON CỐC” của mình. Chỉ có điều, Nguyễn Quang Thiều đã thó thi pháp này của Xuân Diệu.

TRƯỜNG THƠ “TÂN CON CỐC” ĐANG LÀM CHỦ THI ĐÀN

Là người chủ soái của trường thơ “Tân con cóc”, tất nhiên Nguyễn Quang Thiều hằng làm gương sáng cho các thi hữu noi theo. Chúng tôi xin dẫn ra mấy bài thơ theo trường phái “Tân con cóc” của ông Thiều để bạn đọc kiểm chứng:

Trích bài thơ “H. đang về nhà” của Nguyễn Quang Thiều:

Phía trên những vòm lá bất ổn

Treo một bầu trời

Những con chim vừa bay

Vừa xé rách những lông vũ

Và một con khóc

Và một con không đập cánh

Trôi tựa đám mây theo chiều gió

Và một con khác ngủ

Và con bay cuối đàn
Không nói gì

Các từ ngữ (sáo) hay motif (cải lương) được lặp đi lặp lại trong thơ Nguyễn Quang Thiều:
“em ung thư vú”, “thân xác em”, “điên dại”, “da thịt”, (khóc: con mèo khóc, anh khóc, em khóc, chiếc gối khóc, cái chăn khóc, con voi khóc, con kiến khóc, con rệp khóc, gười khóc, chim khóc, bướm khóc, một tí cái cùnng khóc trong thơ NQT)

“chiếc giường”, “bộ phận sinh dục”, “loạn luân”, “con chó đái”, “thủ dâm”, “bán dâm”, “trần truồng”, “khỏa thân trong giường”, “làm tình ban ngày”, “kỳ vĩ”, “tinh khiết”, “ngập tràn”, “chuyển động”, “mộng du”, “miên man”, “ngươi đàn bà tội lỗi”, “ác mộng”, “vô vọng”, “trống rỗng”...

Bài thơ: “Những công việc của tháng mười một” của Nguyễn Quang Thiều:

“Cuối cùng ngươi cũng phải cất giọng, hỏi những lừa, lạc đà, những ngựa của con đường vô định

Những sư tử, những báo gấm, những hổ của rừng mang dáng vẻ kỳ vĩ đang mục ruỗng từ bên trong

Những dê, những chim ưng, những ong của mùa đông khan hiếm phấn hoa

Những chim non của tổ chim xác xơ vì gió, những bướm của những cái kén thẫm tối

Những cá của nước xiết, những côn trùng của lá mục

Và những chúng ta của ngôn từ chết mai táng trong thân xác chuyển động

Không thể nào còn nghe thấy lời của tháng Mười vừa mới lướt trên những cái lưới ướt và nóng

Tháng Mười Một mạnh hơn tất cả bởi sự trần trụi hơn cả những bộ xương bò nấu phở

Chưa có chút dấu vết gì của tháng Mười Hai. Đừng lục tìm trong cổ thư

Lưới dao sự thật của tháng Mười Một rạch một đường dọc những cái lưới phản bội

lại những ngôn từ nổ ra từ đó với một cái bóng hoang tưởng rướn chạy

Kìa những cái cây lộng lẫy và kiêu hãnh trong gió gào rít giữa đêm

Và một kẻ đang gắng sức tìm lối đến Thiên đường nhưng lại không ngược được mắt lên

Bởi gã bị đôi giày mới mua ở cửa hiệu bán đồ Trung Quốc xoá mất đôi mắt

Và sự nhầm lẫn tồi tệ khi đưa tay lần tìm tháng Mười Hai theo thứ tự của số đếm

Từ thế gian tội lỗi và lú lẫn đến Thiên đường không phải là những bậc cầu thang ốp bằng loại đá Tây Ban Nha gã lựa chọn

Gã không phải là một kẻ điên. Gã làm âm bản của chúng ta. Một lần nữa

Chúng ta lại không nhận ra một sự thật là không có cái gì gọi là tháng Mười Hai lúc này

Và những công việc của tháng Mười Một vẫn tiếp tục cho đến khi bắt đầu một lối rẽ

11/2007

Bài thơ: “Hoa tiêu” của Nguyễn Quang Thiều:

Thư gửi một người đã chết

hãy nhắm mắt và đặt từng bước chân như đặt từng quân cờ

nếu mở mắt anh sẽ chẳng thể nào đi qua cái quảng trường ấy được

chúng sẽ lao vào anh — những kẻ rồ dại của thế kỷ trên xứ sở chúng ta

hãy đi thật nhẹ và tự đọc bản thảo cuốn sách anh viết trong sợ hãi mê dại

một con rắn rúc vào đám tóc anh và nằm phục cái lưới anh lộ ra

nó muốn giết anh khi đơn âm đầu tiên của anh phát nổ

hãy rẽ sang bên trái. Có nghe thấy tôi nói không. Nhưng đừng mở mắt chỉ hé mở một lần anh sẽ suốt đời không dám bước thêm một bước anh có nhớ cái cây ở ngã tư đường nơi có một kẻ đi theo anh và gã viết một con số vào chiếc sổ nhỏ hơn lòng tay của gã

hãy rẽ trái một lần nữa. Anh không nhìn thấy tôi đâu. Vì thế đừng ngoái lại và đừng mở mắt. Phía trước có rất nhiều kẻ đang lao tới nhưng chúng sẽ không đâm vào anh chúng vẫn nghĩ anh là một gã mù và chúng sẽ không tức tối vì nghĩ anh cản đường chúng

hãy rẽ trái một lần nữa. Chúng nhỏ nước bọt trước mặt anh. Nhưng đừng cho chúng biết anh đã nhìn thấy chúng phóng một cú đấm gió về phía mặt anh. Đừng giật mình. Anh phải làm như là một gã mù thực sự nghĩa là anh không nhìn thấy gì kể cả khi một người yêu dấu của anh đang đứng khóc trước anh

nếu anh mở mắt ra, dù mở giống một cái chớp mắt, chúng sẽ rú lên trong sự khoái trá chúng đánh mất từ lâu giờ tìm lại được với bằng chứng là anh đã mở đôi mắt của mình và sự khoái trá ấy chỉ ăn một thứ thức ăn là máu

tôi vẫn đứng ở nơi anh xuất phát. Tôi không hề thay đổi dù một cái nhích chân tôi đang dõi theo anh với đôi mắt mở không được phép nhắm lại dù cái khoảnh khắc nhắm mắt ấy chỉ bằng 1/10 thời gian của một cái chớp mắt khoảng thời gian ấy đủ cho anh bị nghiền nát

anh lại phải rẽ trái một lần nữa. Đừng dừng lại ngờ vực, và chuẩn bị rẽ trái một lần nữa tôi đã thấy anh cố giấu bước chân lưỡng lự. Anh cố giấu sự nghi ngờ nhưng tôi vẫn nhận ra bởi cái nuốt nước bọt của nặng nhọc và khó khăn anh. nào, chuẩn bị rẽ thêm lần nữa. Nhưng vẫn là rẽ trái. Chỉ có rẽ trái. Đây là lần rẽ trái cuối cùng và bây giờ anh hãy mở mắt ra

Thị xã Hà Đông, đêm 4/10

Bài thơ: “Những con mồi” của Nguyễn Quang Thiều:

Đêm qua những con cá bơi quanh chiếc giường
Người chúng ta rồi bỏ đi
Và bực dọc nói:
Chúng ta không bao giờ ăn những con mồi chết

Chúng ta có chết không?
Một người thức giấc hỏi.
Nhưng chẳng có câu trả lời nào.
Ngoài bóng một bác sỹ tâm thần ghi bệnh án
In trên bức tường phía đông

Trên đầu chúng ta những con cá
Bơi lùi về quá khứ
Chúng muốn xem lại hồ sơ những chiếc lưới câu
Nhưng chỉ còn lại một nhà kho mục nát

Trong đó một chiếc đồng hồ
Chạy từ lúc chúng ta chưa biết đến thời gian

Giữa bất tận những con mồi
Bầy cá nhắm mắt
Chỉ mở ra khi nghe lệnh
Nhưng một con không chịu nhắm mắt
Trong suốt cuộc săn tìm
Rời bỏ bầy quay lại
Và nói với một con mồi
Người đã hết thời gian chết

Bài thơ “Lịch sử tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ” của Nguyễn Quang Thiều:
Người hướng dẫn: Được dệt thủ công bởi một người đàn bà mù Thổ Nhĩ Kỳ
Người mua: Mua lại từ một ông già da đen Cuba ở Havana năm 1986
Chủ nhân: Quà tặng của con trai tôi. Được treo trên bức tường này 21 năm.

Lúc gần sáng tiếng những cành khô gãy
Những con nai cái mùa động đực
Chủ nhân bức thảm 87 tuổi tỉnh giấc uống trà nguội
Những con nai đực ngùn ngụt
Ngôi nhà như không bao giờ mở cửa
Một bà già đi tiểu lần thứ 5, nói:
“Mẹ đau lắm”

21 năm tấm thảm không thay đổi chỗ treo
Người đàn ông 50 tuổi thường trở về và đứng
Trong ngôi nhà nửa bóng tối
Trần ngập tấm thảm tiếng hô hoán
Và phía sau tấm thảm
Một lưỡi dao lạnh lòng đọi
Và một cái chảo sùng sục sôi

Người hướng dẫn: Những ngón tay người đàn bà mù Thổ Nhĩ Kỳ giờ bị liệt
Người mua: Ông già da đen Cuba đã tự vẫn
Chủ nhân: Tôi chỉ nhớ gương mặt con trai tôi khi nó mở bức thảm ra

Có một người lúc nào cũng rét
Đứng nhìn tấm thảm
Hai bàn chân bị đông cứng trong vũng máu
Ở chân tường

Người hướng dẫn: (đã bỏ nghề)
Người mua: Hình như không phải tấm thảm tôi đã mua
Chủ nhân: Tôi nhìn thấy những người thân đã chết chạy nấp sau những gốc cây trong tấm thảm

Bây giờ là năm thứ 22.
Một nhà “Thieu học” là ông Nguyễn Chí Hoan, hiện phụ trách ban lý luận phê bình báo Văn Nghệ, đã viết một bài giải mã thơ Nguyễn Quang Thiều có tên: “Lịch sử tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ”- “THƠ KHÔNG ĐỂ HIỂU” in trên báo Văn Nghệ tết Canh Dần, như một chìa khóa siêu đẳng

giúp mọi người biết cách thưởng ngoạn thơ của vị chủ soái trường thơ “Tân...con cóc” này. Rằng Nguyễn Quang Thiều làm thơ bằng vô thức nên không dùng sự hiểu để tiếp cận được. Hãy nhắm tít tịt mắt lại, ngó co người vào mà tưởng tượng, may ra mới thưởng thức được siêu thơ “Lịch sử tám trăm Thổ Nhĩ Kỳ” trên.

Chúng tôi đã viết bài phê phán quan điểm tầm phào này của Nguyễn Chí Hoan, một nhà lý luận phê bình giỏi nhất của Hội nhà văn, còn giỏi hơn ông đại tá Lê Thành Nghị hiện là chủ tịch hội đồng lý luận phê bình Hội nhà văn VN. Xin các bạn vào trang mạng này:
“ <http://dohoang.vnweblogs.com/post/3360/365172>”, <http://dohoang.vnweblogspot.com>

Hoặc đánh vào công cụ tìm kiếm <http://google.com> tiêu đề: “Tám trăm Thổ Nhĩ Kỳ” - Thơ không thể hiểu” sẽ đọc được bài của chúng tôi phê bình quan điểm tào lao của Nguyễn Chí Hoan.

Nhân việc công bố trường thơ “tân con cóc” của Nguyễn Quang Thiều, chúng tôi cũng muốn ăn theo mà làm ngay lập tức một bài thơ theo trường thơ “Tân... con cóc”, ngõ hầu tranh đua tài cán với chủ soái thi đàn Nguyễn Quang Thiều:

Bài thơ ứng tác: NGƯỜI ĐÀN BÀ ÔM NỠI BUỒN CỔ HƯƠNG MÀ NGỦ

Người đàn bà Làng Chiền mang một âm hộ cũ từ dưới sông lên

Những con cá khỏa thân quẫy trắng sông đành đập vỡ tay đưa tiễn nàng tiên cá lên bờ u uẩn

Bà đi vào Làng Chiền thu không cả buổi chiều quên mặc yếm

Hai bầu vú của bà thõng xuống làm bọn mướp sắp hái trên giàn xấu hổ trốn sạch

Làng Chiền của tôi khóc bằng con mắt chó con ngòi tửa nước bọt xem bà mẹ rán mỡ

Bà nghe Làng Chiền thơm khen khét mùi lông cháy từ những căn bếp bồ hóng đang âm mưu đen

Rồi người đàn bà trút hết quần áo vào hoàng hôn

Bà trút cả guốc dép vào con đường giun để đang mừng mủ vì cơn sốt tư tưởng

Người đàn bà ôm chiếc gối làm chồng, ôm cái chăn làm tình nhân bà rưng rức đau thương

Người đàn bà nghe chiếc bình vôi khóc miếng trầu vừa tạt sát

Bà hôn hên mơ thấy mình hôn hên

Than ôi quê hương tôi- tôi ôm vào lòng cả nỗi buồn của con nhái bén

Những con đế tí tê với bà vì chuyện ông trời góa vợ

Và mặt trăng Làng Chiền là cái muối lâu ngày không được mức canh

Cái thìa của quê hương tôi nằm ngửa lên mà khoe bụng rỗng

Người đàn bà ôm khói bếp Làng Chiền ngủ vui cho sao đêm tiết canh

Nhưng khói bếp đã bay rồi chỉ còn con mèo mướp trong lòng bà gào đòi làm tình

Người đàn bà ôm cả nỗi buồn cổ hương mà ngủ

Ngủ như khi nằm mơ bà vẫn thấy mình ngủ

Ngủ như giun đế trong đất thi thoảng thức bằng giấc mơ

Ôi cát đỏ một ban mai Làng Chiền tương tự quá khứ

Bà ôm những hồn ma ngủ vui cho đến khi ngày xưa xuất hiện

Ngày xưa đến đập cửa gọi người đàn bà có bầu vú dài như sông Đáy:

Dậy nào, bà ơi, cổ hương không còn chỉ còn nỗi buồn tím chiều hoa xoan tang lễ

(hết mô phỏng trường thơ “ Tân ...con cóc”)

Cứ đà ngoáy bút nhanh hơn sóc chạy này, trong hai ngày hai đêm, có lẽ tín đồ mới (TMH) của trường thơ “Tân...con cóc” này sẽ đuổi kịp ba mươi năm làm thơ “Tân... con cóc” của Nguyễn

Quang Thiều chẳng?

Trong bài: Việt Nam là một cường quốc thơ in trên báo văn hóa thể thao ngày 01/02/2012, Nguyễn Quang Thiều tuyên bố với thế giới:

“Tôi có thể nói không ngần ngại rằng VN là một cường quốc về thơ, ít nhất là trong khuôn khổ châu Á”.

Ồi cường quốc thơ “tân... con cóc”: cường quốc thơ dễ dãi miên man, cường quốc thơ ngô ngọng, cường quốc thơ giả cây, cường quốc thơ tào lao xích bột... muôn năm...

Sài Gòn ngày 18-6-2012

Trên đỉnh đồi mùa đông

Những cái cây trên đỉnh đồi lá đã ngả sang màu đỏ. Cơn gió bắc đầu tiên tràn tới vùng đồi vào lúc gần sáng. Cả hai bà cháu Miên cùng tỉnh giấc. Bà Hạo quờ tay tìm coi trầu. “ Để cháu lấy cho”, Miên nói và ngồi dậy. Nó đã quá quen công việc này. Những lúc tỉnh giấc như thế, bà nó lại tìm trầu và nhai tới sáng. Suốt mấy chục năm nay bà không hề bỏ trầu một ngày nào. Mỗi lần đi đẽ, bà vẫn ngậm miếng trầu trong miệng, đau quá thì cắn chặt hai hàm răng vào miếng bã trầu mà qua khỏi cơn đau. Chỉ có một lần duy nhất bà bỏ trầu ba ngày. Đó là ngày bố Miên mất. Bố Miên là người con duy nhất của bà. Bố Miên lấy vợ từ năm mười bảy tuổi. Mẹ Miên là một người đàn bà có nhan sắc. Nhưng mẹ Miên nổi tiếng vì nét na hơn nhan sắc của mình. Khi Miên lên hai tuổi, mẹ nó bỏ bố đi theo một người đàn ông khác. Bà Hạo không thể nào tin vào chuyện đó. Bà nghĩ, một người đàn bà đức hạnh như vậy không thể làm chuyện ấy. Chỉ đến năm năm sau kể từ ngày mẹ nó bỏ bố con nó đi biệt tăm, bà nó mới tin đó là sự thật. Cũng từ ngày đó, bố nó thường xuyên đau ốm. Đêm đêm, người đàn ông không ngủ, đi dật dờ quanh vùng đồi. Thú vui của người đàn ông này là bầy những con gà rừng. Nhưng không bao giờ người đàn ông ăn thịt những con gà đó. Anh ta nuôi những con gà rừng đến khi chúng chết thì mang chôn. Rồi một buổi chiều, hai bà cháu Miên đi bẻ ngô về thấy người đàn ông chết ngồi ở góc nhà trong tay vẫn cầm một nắm lá độc ăn dở. Từ ngày đó, ngôi nhà nhỏ trên đỉnh đồi chỉ còn lại hai bà cháu. Vào những đêm trời nổi gió, Miên tỉnh giấc, sợ hãi ôm chặt bà, giọng nó đầy nước mắt :

“ Cháu sợ lắm bà ạ ”.

“ Sợ cái gì cháu ? ”

“ Cháu không biết, nhưng cháu sợ “

Nói xong, nó khóc. Bà nó ôm chặt nó vào lòng :

“ Có bà đây rồi, cháu chẳng phải sợ cái gì cả “

Nhưng khi nó thiếp vào giấc ngủ hồn nhiên của trẻ thơ thì bà không làm sao nhắm mắt được nữa. Và lúc đó bà thấy sợ hãi hơn cả nó. Một nỗi sợ hãi mơ hồ . Nếu chỉ có một mình, bà đã tìm cách trốn chạy khỏi đời sống này. Nhưng bên cạnh bà còn một đứa cháu nhỏ. Bà phải cười, phải nói, phải tỏ ra mạnh mẽ để che chở cho nó. Nhiều đêm, bà bước ra ngoài sân. Bà thấy thế gian như chỉ còn lại hai bà cháu bà. Thế gian hoang vu và cô đơn khủng khiếp. Con người sinh ra như chỉ để chứng kiến sự cô đơn của chính mình mà thôi.

Bà Hạo sinh ra và lớn lên ở một thành phố. Bà theo gia đình lên tản cư ở vùng đồi này. Chồng bà là một trí thức. Ông là người hiểu biết sâu sắc đời sống. Chính vì thế mà ông không chịu được tẻ nhạt và những dối lừa của đời sống đó. Đêm đêm ông uống rượu say ngoài phố và lê về nhà. Ông ôm lấy bà khóc và hỏi : “ Đời sống chúng ta đang sống có phải là đời sống không ? . Bà không trả lời được câu hỏi ấy. Bà là một cô giáo dạy văn cấp hai. Bà chỉ biết an ủi ông. Nhưng mọi cố gắng của bà không cứu nổi nỗi cô đơn và tuyệt vọng của ông. Trước khi chết, ông cầm tay bà, nói như van xin : “ Em hãy mang con đi khỏi thành phố này, đừng để con ở lại

đây, người ta sẽ giết chết nó “. Sau chôn cất chồng, bà bế đứa con độc nhất của vợ chồng bà bỏ thành phố lên vùng đồi này cùng những gia đình di khai hoang, nơi ngày trước gia đình bà tản cư. Bà già từ thành phố không chỉ bởi lời trăng trối của chồng mà còn bởi chính bà không chịu nổi đời sống nơi đô thị ấy. Nhưng cho đến giờ, bà nhận thấy rằng: dù chạy đi đâu trên thế gian này, con người cũng không thoát khỏi sự cô đơn và nỗi hoang sợ. Có lẽ càng ngày con người càng tuyệt vọng. Có lần bà nói với Miên về nỗi cô đơn của con người. Thực ra không phải bà nói với đứa cháu gái bé bỏng về câu hỏi mà chính những người lớn như bà cũng khó tìm được câu trả lời, mà bà đang độc thoại. Cuộc độc thoại như thế thường kéo dài cho tới khi bà cảm thấy bà tìm thấy câu trả lời.. Những lúc như thế Miên thường hỏi bà:

“ Bà ơi, cô đơn là gì mà có thể giết chết người ? ”

“ Cháu chưa thể hiểu được điều này bây giờ, nhưng lớn lên cháu sẽ hiểu. Bà chỉ nói với cháu đơn giản như thế này; khi ta ở giữa hàng triệu người mà chẳng có ai hiểu ta thì ta thấy cô đơn “.

“ Bà có thấy cô đơn không ? ”

“ Có ”

“ Nhưng bà không chết “

“ Vì bà biết nó ”

Những câu hỏi của bé Miên cũng giống của bà trước kia. Ngày ấy, đêm đêm chồng bà thường thức giấc. Ông ra khỏi giường, bước ra ngoài ban công , ngồi trên một chiếc ghế mây đã cũ, im lặng hút thuốc. Những lúc như thế, bà đến bên ông. Bà đặt hai bàn tay mềm mại và ấm lên ngực ông.

“ Sao anh không ngủ ? ”

“ Anh thấy hoang sợ “

“ Ai làm anh sợ ? “

“ Không có ai cụ thể. Nhưng cái người không cụ thể ấy muốn giết chết anh. Nó dồn anh đến chân tường. Nó đe dọa anh ”.

“ Em không hiểu lắm những điều anh nói. Em biết những lúc như thế này, chỉ mình anh biết anh đang ở đâu và phải làm gì. Có một nơi chốn em không tới được, chỉ có mình anh thôi, đừng trách em ”.

Như để an ủi bà, ông rời ban công vào bàn viết. Ông nói với bà ông đang viết một cuốn sách. Và cuốn sách đó là công việc duy nhất có ý nghĩa đối với ông. Nhưng chưa bao giờ ông cho bà đọc dù một dòng trong bản thảo. Sau khi chồng mất, bà gói kỹ những trang bản thảo và mang theo. Nhiều lúc bà muốn mở gói bản thảo của ông ra để xem ông viết những gì nhưng bà lại gói vào. Bà tự hứa với mình rằng: bà chỉ đọc những trang bản thảo đó vào ngày cuối cùng của đời bà. Bà tin rằng, bà biết được lúc nào thì bà sẽ ra đi vĩnh viễn.

Bà Hạo ngồi tựa thành giường nhai trầu trong bóng tối. Miên nằm gối đầu lên đùi bà. Gió thổi ràn rạt qua ngôi nhà. Những đêm như thế này, bà thường nhớ về thành phố cổ hương của bà. Những lối phố nhỏ với những cây sấu già. Một quán bán chè đỗ đen. Một chiếc tủ kính đựng ô mai ở đầu phố. Một cây phượng gốc nham nhờ vết dao. Một rạp chiếu bóng tối om và ngọt ngào...Tất cả bây giờ trong bà chỉ là những ký ức mờ nhạt. Gần bốn mươi năm nay, bà không trở lại thành phố ấy. Nếu trở lại, bà cũng chỉ là một người xa lạ. Thành phố ấy với bà như một cuốn sách cũ. Có những cuốn sách cũ đôi lúc bà mở ra không để đọc. Bà chỉ mở đôi ba trang đã ố vàng. Tiếng sột soạt của giấy vang lên tiếng gọi xa lắc của ký ức.

“ Sao bà không về thành phố, bà có nhà ở dưới đó cơ mà ? “

“ Bà quên đường rồi, cháu ạ ”

“ Quên thì hỏi chứ khó gì ”

“ Biết hỏi ai bây giờ ”

Đúng như vậy. Thành phố cổ hương chỉ giống như tiếng một con chim ăn đêm trên vùng đồi

này. Tiếng chim chập chờn trong gió đêm như tiếng của một linh hồn. Nó làm bà thức giấc. Bà như vừa lắng nghe nó vừa như thờ ơ. Bà ngồi trong đêm nhai trầu và nhớ về người chồng và đứa con trai đau khổ của bà. Đến lúc này, bà không còn đau đớn và khóc thầm về cái chết của những người thân yêu ấy. Bà nghĩ về họ như nghĩ về những con đường của số phận.

Một người đàn ông theo bà lên tận vùng đồi này. Ông nói với bà rằng ông muốn bà đưa tập bản thảo của người chồng quá cố cho ông. Ông nói với bà đây là nhiệm vụ của ông. Đây không phải lần đầu tiên bà gặp người đàn ông này và cũng không phải lần đầu tiên ông yêu cầu bà như thế. Nhưng lần nào bà cũng im lặng để cuối cùng chỉ nói một câu :

“Hãy để cho linh hồn người chết được thanh thản.”

“ Bà có biết ông ấy viết những gì không ? ”

“ Tôi không đọc. Nhưng có đọc tôi cũng không nói ”

“ Bà đừng gây khó khăn cho công việc của chúng tôi”

“ Ông về đi , đừng làm cho con tôi sợ ”

Người đàn ông nhìn bà lạnh lùng :

“ Tôi vẫn còn lên đây. Bà hãy nghĩ kỹ đi”

Khi người đàn ông ra về, bà muốn đọc tập bản thảo của chồng. Nhưng lời hứa lại vang lên trong lòng bà. Và bà lại để tập bản thảo về chỗ cũ trên ban thờ. Chồng bà viết những gì trong đó mà để người đàn ông kia theo đuổi nó đến thế. Sau khi con trai bà chết, người đàn ông lại đến tìm bà với lời yêu cầu cũ. Tóc ông đã bạc gần hết. Gương mặt ông mệt mỏi và ông thở nặng nhọc khi leo từ chân đồi lên tới ngôi nhà. Nhưng bà nhận thấy giọng nói của ông không hề thay đổi khi yêu cầu bà trao cho ông tập bản thảo. Bà rót nước cho ông và nói : Công việc của ông chỉ có thể thôi à ? Câu hỏi của bà làm người đàn ông thoáng lúng túng. Và khi ra về, người đàn ông mệt mỏi nói : Chắc tôi không lên đây nữa, tôi sắp về hưu, nhưng người khác thay tôi sẽ lên tìm bà . Lúc đó bà thoáng rung mình. Và bà muốn chạy vào nhà lấy tập bản thảo đưa cho người đàn ông nọ. Nhưng bà đã không làm thế. Những đêm sau đó bà gần như thức trắng. Bà tự hỏi vì sao người đàn ông đó lại cần tập bản thảo của một người chết đến thế. Những gì người quá cố viết chỉ mình người ấy biết mà thôi. Tất nhiên sẽ có một người khác đọc. Đó là bà. Nhưng bà cũng chỉ đọc nó trước khi từ giã cõi đời. Rồi bà sẽ để lại tập bản thảo đó lại cho cháu bà với lời trăng trối là cháu bà chỉ được đọc tập bản thảo đó trước khi nó từ giã cõi đời. Và như vậy tập bản thảo sẽ mãi mãi là sự bí ẩn đối với những người ở ngoài gia đình bà. Bé Miên lại tỉnh giấc vào lúc gần sáng. Nó đưa tay sờ lên mặt bà.

“ Bà vẫn thức hả bà ? “

“ Người già thường ít ngủ cháu ạ “

“ Vì sao hở bà ? “

“ Vì người già hay nghĩ “

“ Thế bà nghĩ gì ?”

“ Bà nghĩ về những người bà đã gặp “

“ Bà có nghĩ về con thú không “

“ Có cháu ạ “

“ Bà ơi, đêm nay bà có thấy con thú nó về không ? “

“ Ngủ đi cháu “

Bà không muốn trả lời câu hỏi của đứa cháu. Bà không ngủ bởi bà nghe bước chân con thú trở lại và đi vòng quanh ngôi nhà của hai bà cháu bà. Từ cuối thu, bà phát hiện ra cứ đêm khuya là có một con thú từ rừng mò đến nhà bà. Bà nghe rõ tiếng bước chân nặng nề của nó đi vòng quanh ngôi nhà và tiếng nó đánh hơi như người kịt mũi. Bà không biết nó là loại thú gì. Buổi sáng bà đi quanh nhà để tìm dấu chân nó. Nhưng bà không tìm được dấu vết gì của con thú để lại. Có thể đó là một con gấu, có thể là một con hươu, có thể là một con hổ. Bà chưa bao giờ nghe thấy tiếng nó kêu. Nhưng bà không tin đó là một con hổ vì đã lâu lắm rồi khu rừng này không có hổ. Và những loài thú khác cũng chẳng còn bao nhiêu. Người ta phá rừng và săn bắn tất cả những gì họ nhìn thấy.

“ Sao con thú lại cứ về và đi vòng quanh nhà mình ? “

Bé Miên hỏi, giọng nó sợ hãi như sắp khóc. Câu hỏi của Miên cũng là câu hỏi của bà. Bà không hiểu tại sao như vậy. Con thú trở về và không hề phá phách gì. Tiếng chân chậm chậm và tiếng đánh hơi của nó mệt mỏi chứng tỏ nó không có ý định làm hại hai bà cháu. Thi thoảng bà nghe như nó nằm xuống trước bậc cửa ngôi nhà. Tiếng nó thở phì phò đều đều. Những lúc như thế, bà cố tình đánh tiếng để xem con thú có phản ứng gì không. Nhưng bà không thấy nó có phản ứng gì đặc biệt ngoài tiếng cọ nhẹ vào cánh cửa gỗ. Bà không biết nó dụi đầu hay cọ lưng. Nhiều lúc bà muốn mở cửa để xem con thú ấy hình thù ra sao. Nhưng bà sợ nếu có mệnh hệ nào thì đứa cháu gái bé bỏng của bà sẽ sống ra sao. Một hôm bà gặp một toán người đi săn qua nương ngô của bà. Bà định nói cho họ biết về con thú đó và nhờ họ bắn con thú. Nhưng bà vội dập tắt ngay ý định đó. Sau này có lúc bà thấy ân hận. Rõ ràng là con thú không có ý hại bà cháu bà. Nếu đó là một con thú dữ nó đã phá tan cái cửa gỗ cũ mà xông vào nhà khi nó đánh hơi thấy có người trong nhà.

Những buổi buổi sáng mùa đông trên vùng đồi đầy mây mù. Năm nay là một năm rét khủng khiếp. Hai bà cháu đi kiếm thêm củi để sưởi cho hết mùa đông. Bà cảm thấy mùa đông năm nay là mùa đông lạnh nhất trong đời bà. Buổi tối hai bà cháu phải đốt một đống lửa trong nhà. Bà nướng gừng đập nhỏ bỏ vào cái ấm trà uống cho ấm. Nhiều đêm hai bà cháu ngồi uống nước chè rừng ủ với gừng nướng đến khuya. Những đêm như thế, bà thường mang gói bản thảo của chồng để lại đã mấy chục năm để bên bếp lửa. Bà mở tấm vải mưa nhỏ bọc tập bản thảo. Những dòng chữ chập chờn trong ánh lửa. Nhiều lúc bà muốn đọc những dòng chữ kia. Nhưng bà nghĩ : Nếu mình đọc xong những trang bản thảo kia mình sẽ chết. Cháu mình còn nhỏ quá. Và thế là bà lại gói tập bản thảo lại. Khi hai bà cháu đi kiếm củi ở bên kia mé đồi nơi có một đoạn suối chảy qua. Ở đó mọc đầy những bụi cây chỉ cao ngang đầu người. Trước kia đó là phần rừng rậm. Khi hai bà cháu nghỉ bên bờ suối, bà cảm thấy có ai từ trong một bụi cây bên kia bờ suối nhìn bà. Bà ngược mắt lên tìm kiếm. Và bà giật mình nhận thấy có một con hổ đang nhìn bà. Con hổ bị những lùm cây che khuất chỉ để lộ ra cái đầu. Nó im lặng nhìn về phía hai bà cháu bà. Bà cũng im lặng nhìn nó. Khoảng cách giữa bà và con hổ chỉ cách một dòng suối nhỏ. Con hổ chỉ nháy hai nhíp là đã tới nơi hai bà cháu bà ngồi.

“ Bà nhìn gì thế ?” Bé Miên hỏi.

“ Không, không. Bà không nhìn gì cả”.

Bà nói nhỏ nhưng rất nhanh. Nếu bà bảo với đứa cháu của bà có một con hổ thì đứa cháu sẽ kêu rú lên. Như vậy chỉ kích động thói hung dữ của con hổ. Bà lặng người một lúc và nói khẽ :

“Cháu về nhà trước đi”

“ Cháu về cùng bà”

“ Bà ở lại một lát. Bà có việc. Về đi cháu”

Vốn là một đứa trẻ ngoan ngoãn, bé Miên lặng lẽ bước đi. Lúc đó, mắt bà không rời con hổ, tay bà cầm lấy con dao chặt củi và tai bà lắng nghe tiếng chân của đứa cháu xa dần. Khi biết đứa cháu đã xa nơi nguy hiểm, bà mới thở nhẹ nhõm. Con hổ vẫn không hề nhúc nhích. Nó đứng nhìn bà. Và bà cảm thấy đó là một con thú dữ có bộ mặt buồn. Bà tin đó chính là con thú vẫn mò về và đi vòng quanh ngôi nhà của bà. Bà băn khoăn tại sao con hổ lại không tấn công hai bà cháu bà. Đây là cơ hội tốt nhất cho nó thực hiện bản năng săn mồi của nó. Bà từ từ rời khỏi bờ suối. Đi được một đoạn bà quay lại. Con thú cũng rời bụi cây đi xuống bờ suối. Nó đứng nhìn bà rồi cúi xuống uống nước. Con thú uống những ngụm nước nhỏ một cách dụi dàng. Cái lưỡi của nó chỉ như chạm khẽ vào mặt nước. Lúc này bà nhận thấy con hổ đã quá già. Bước đi của nó uể oải, cơ bắp nó như đã teo hết, chỉ còn lại tấm da trùm lên bộ xương.

Buổi tối con thú tìm đến ngôi nhà. Bà Hạo nghe rõ tiếng thở của nó ở bên ngoài bức tường gỗ. Bà ngồi dậy khơi đống lửa. Hơi lửa tỏa ấm ngôi nhà nhỏ. Bà nghe tiếng con thú rên khe khẽ như vì cái lạnh khủng khiếp của rừng núi. Nghe tiếng rên của nó, bà băn khoăn không biết nó có phải là con hổ bà gặp bên bờ suối không. Một con thú hung dữ lẽ nào lại rên buồn bã như thế. Tiếng rên của nó trong đêm gió rét cô đơn và tội nghiệp. Phải chăng bà có thể coi nó như một con mèo để có thể mở cửa cho nó vào sưởi. Càng gần sáng, trời càng rét. Sương mù như

xóa mất ngôi nhà trên đỉnh đồi. Tiếng rên của con thú mỗi lúc một buồn bã và tội nghiệp. Lòng bà ngổn ngang. Một con hổ quá già không có bầy đàn trong một đêm lạnh giá ở một chốn hoang vu như thế này thật khó sống nổi. Nếu không có đứa cháu ngây thơ đang ngủ thì bà không chịu đựng được khi nghĩ đến cảnh đó. Bà sẽ ra mở cửa. Bà sẽ kiểm tra lại suy nghĩ của mình về nỗi cô đơn có thể bằng chính cái chết của mình.

Buổi sáng hôm sau, bé Miên lại hỏi bà về con thú. Bà không nói gì. Cả ngày hôm đó bà nói cho đứa cháu về gia đình nó. Và cuối cùng bà mang tập bản thảo từ bàn thờ xuống:

“ Đây là gia sản duy nhất của ông nội cháu ”

“ Tập bản thảo mà bà nói với cháu chứ gì ? ”

“ Đúng thế. Bà dặn cháu một điều: khi bà chết cháu phải giữ cẩn thận, không được đưa cho bất kỳ ai ngoài con cháu của cháu sau này. Và cháu chỉ được đọc khi đã già như bà...”

“ Ông viết gì thế hở bà ? ”

“ Bà chưa đọc. Bà chỉ đọc khi bà biết mình sắp chết. Sau này cháu cũng vậy. Cháu phải nhớ lời bà. Nếu cháu không làm đúng như bà nói thì ông bà rất buồn ”

Bé Miên không nói mà chỉ gật gật đầu. Nó ngồi hai tay bó gối, gương mặt trẻ con bỗng trầm tư như người lớn.

Đêm hôm sau nữa tất cả gió rét như dồn hết vào vùng đồi. Con thú tìm về ngôi nhà sớm hơn mọi lần. Tiếng rên của nó vẫn như những đêm trước nhưng yếu hơn. Đến khoảng nửa đêm thì tiếng rên ngừng hẳn. Bà Hạo lắng nghe một lúc lâu không thấy gì. Bà lên giường đi ngủ. Bà mơ thấy chồng và đứa con trai trở về. Xe ngựa đỗ trước sân nhà. Hai con ngựa trắng hí lạnh lạnh như kèn đồng. Chồng bà bảo bà sửa soạn để đi chơi một chuyến xa. Bà xách chiếc làn cói bước lên xe và vẫy tay tạm biệt đứa cháu gái. Chiếc xe song mã đi như bay xuống chân đồi. Buổi sáng hôm đó bà dậy sớm hơn mọi ngày. Bà nhóm lửa đun trà và nhớ về giấc mơ đêm trước. Bà biết bà sắp ra đi. Uống xong trà, bà ra mở cửa. Bà kinh hãi nhận ra con hổ đang nằm trên hiên nhà. Bà đứng như trời trồng. Mãi sau bà mới từ từ trấn tĩnh và nhận ra con hổ đã chết. Nhưng bà vẫn lùi vào bên trong bậc cửa. Bà khép cánh cửa lại chỉ để một khe nhỏ có thể nhìn thấy con hổ. Rồi bà đập đập vào cánh cửa. Con hổ vẫn nằm im lặng, đầu ngoẹo sang một bên. Lúc đó bà mới tin là con hổ đã chết. Bà bước từng bước đến bên nó và ngồi xuống. Bà đặt tay lên mình con hổ và thấy thân thể nó lạnh giá. Lúc này bà nhận ra rằng con hổ đã quá già yếu và cô đơn. Bầy đàn của nó đã bị tiêu diệt hết. Có phải vì thế mà nó tìm đến ngôi nhà để chống lại nỗi cô đơn của nó chăng.

Gần tối hôm đó hai bà cháu chôn cất con hổ ở sau nhà. Bà không muốn một người nào đó nhìn thấy con hổ. Họ sẽ đào xác nó lên để lột da và lấy xương nấu cao.

“ Tại sao con hổ lại cứ tìm đến nhà mình và chết ở đây ? Sao nó không chết trong hang của nó, hở bà ? ”

“ Nó không có bạn. Cả khu rừng này không còn con hổ nào nữa. Nó không chịu được cảnh sống một mình ”

Đêm ấy trời bỗng ấm hẳn lên. Hai bà cháu vẫn đốt lửa và chuyện trò đến khuya. Sau khi bé Miên đi ngủ, bà Hạo cảm thấy có một điều gì đó lạ thường. Bà mang tập bản thảo từ bàn thờ xuống và mở tập bản thảo ra. Bà muốn đọc những gì chồng bà viết. Đây là lần đầu tiên bà thanh thản mở tập bản thảo như mở một cuốn sách bố bà mua cho bà thuở ấu thơ. Bà bắt đầu đọc. Và càng đọc gương mặt già nua của bà càng trở nên thanh thản lạ kỳ. Mái tóc bạc của bà như một đám mây trắng trôi trên bầu trời mùa thu. Khoảng ba giờ sáng thì bà đọc xong tập bản thảo. Bà lặng lẽ gói tập bản thảo lại và đặt lên bàn thờ. Bà thắp mấy nén hương. Bà đứng lặng im trước bàn thờ rất lâu. Rồi bà lên giường đi ngủ. Bà hôn lên trán bé Miên và mỉm cười trong bóng tối. Trong giấc ngủ bà nghe thấy tiếng ngựa hí lạnh lạnh dưới chân đồi. Bà mở cửa chạy ra. Chồng bà đang ngồi trên chiếc xe song mã vẫy bà. Bà lao xuống chân đồi như một cô

gái. Chồng bà đỡ bà lên chiếc xe và huầy lên một tiếng. Hai con ngựa bạch tung vó như bay lên. Chỉ trong chớp mắt, chiếc xe đã trôi bên những đám mây trắng phía chân trời rồi mất hút khỏi thế gian.

Sang sau bé Miên tỉnh dậy thấy bà vẫn ngủ. Nó lặng lẽ ra khỏi giường nhóm lửa đun nước cho bà nó pha trà. Khi nước sôi, nó gọi bà dậy uống trà như mọi ngày. Nhưng bà Hạo không bao giờ tỉnh lại nữa. Bà đã từ giã thế gian, nơi mà bà đã sống ở đó gần tám mươi năm.

Ba năm sau người di của Miên đón nó về thành phố. Miên để lại tất cả những gì có trong ngôi nhà. Nó chỉ mang theo tập bản thảo của ông nội nó. Nhưng nó đã không thực hiện lời dặn của bà nó. Nó đã mở tập bản thảo của ông nó ra và đọc. Đọc xong, nó đốt tập bản thảo. Năm ấy, nó vừa bước sang tuổi mười tám.

Phụ đính:



Mưa ẩm tháng giêng

Thường vào lúc những cơn mưa tháng giêng bay mờ trắng và ẩm áp, thì bầy chim đi tránh rét từ mùa đông năm trước trở về. Cả bãi vải rộng và chạy dài gần một cây số dọc trên triền sông quê Ngàn trở thành nơi nghỉ cánh của bầy chim. Không hiểu vì sao, bầy chim di cư lại chọn bãi vải ấy làm nơi nghỉ trước khi bay chặng cuối cùng về một vùng đất ngập nước cách làng Ngàn khoảng 50 cây số. Chúng sống trên vùng đất ngập nước ấy từ mùa xuân cho đến đầu đông. Suốt thời gian ấy, chúng kiếm ăn và sinh nở. Bầy chim bay về những vùng ẩm áp ở phương nam theo một đường khác. Khi trở về, chúng chọn một đường khác và nghỉ lại bãi vải vào giữa chiều. Người làng chạy ra mặt đê xem chim về. Bà nội Ngàn kể: Ngày trước, có mùa chim về nhiều quá, bãi vải không đủ chỗ cho chúng, bầy chim phải đậu tràn vào những khu vườn trong làng, nghỉ lại đúng một đêm, và mờ sáng hôm sau lại ra đi. Cả làng như thức giấc bởi tiếng đập cánh ngòm ngộp của bầy chim. Chúng bay cất qua làng và cất tiếng kêu trong như tiếng sáo trúc. Bà nội Ngàn bảo, đó là lời cảm ơn của chim. Những buổi sáng như vậy, Ngàn dậy sớm. Cô chạy ra sân, ra ngõ và đường làng để nhặt những chiếc lông chim rụng.

"Tại sao bầy chim chỉ ở lại bãi vải làng mình có một đêm hờ bà?". Ngày còn bé, Ngàn hỏi bà nội như thế. Và bà nội kể câu chuyện về bầy chim do cụ nội Ngàn kể lại.

Từ thuở xa xưa, bầy chim di cư đã chọn đường bay trở về vùng đất bãi quê Ngàn. Chúng chỉ bay qua chứ không nghỉ lại bãi vải. Nhưng một buổi chiều, người làng thấy bầy chim đỗ xuống bãi vải. Thấy lạ, cả làng đổ ra xem. Trên ngọn của một cây vải to nhất, cao nhất, bầy chim lượn thành hình tròn như một dải mây khổng lồ. Gió từ cánh của bầy chim rào rào vào những

vòm lá vải. Chúng vừa bay vừa kêu thảm thiết. Trên tán lá dày nơi ngọn cây, một con chim lớn nằm xõa cánh. Đây chính là con chim Chúa. Trong chặng bay cuối về vùng đất ngập nước, con chim Chúa đã hạ cánh xuống bãi vải. Nó biết nó không còn đập cánh được nữa. Và nó chọn bãi vải quê Ngần làm nơi yên nghỉ. Đàn chim bứt những chùm vải phủ kín lên con chim Chúa. Đêm ấy bầy chim ở lại bãi vải. Và sáng sớm hôm sau thì chúng ra đi.

Sau khi bầy chim ra đi, dân làng đổ ra bãi vải và mang xác con chim Chúa xuống. Con chim Chúa to hơn những con chim khác. Đặc biệt, nó có một đôi cựa như một đôi ngà voi nhỏ xíu và một chiếc lông đỏ trên đỉnh đầu. Dân làng chôn con chim dưới gốc cây to nhất, cao nhất ấy và hương khói như đối với một con người. Lạ thay, năm ấy làng được mùa vải chưa từng có. Hình như cái hoa nào cũng đậu quả, và vải quê Ngần là giống vải to và hơi chua, bồng trở nên ngọt và thơm lạ thường. Cho đến bây giờ, ngoài giống vải thiều ra, không có loại vải nào ngọt như vải quê Ngần cả.

Và từ đó, làng Ngần đã chọn ngày 13 tháng giêng làm ngày hội làng, hội thi cây cảnh. Những cây chuối được uốn, tía thành hình con chim, có cái lông đỏ trên đỉnh đầu. Buổi sáng, người làng đổ ra mặt đê thấp hương và đợi chim về. Sáng sớm hôm sau, khi bầy chim ra đi, người làng ra bãi vải nhặt những chiếc lông chim rụng. Nếu ai nhặt được chiếc lông chim màu đỏ thì sẽ gặp phước lành. Người già nhặt được thì sẽ không bệnh tật và sống đến trăm tuổi. Trẻ con nhặt được thì ngoan ngoãn, thông minh. Con trai nhặt được thì khỏe mạnh, tài trí, làm ăn phát đạt. Và con gái nhặt được thì mỗi ngày một đẹp, một thảo hiền và sẽ lấy được người mình mong ước. Nhưng mỗi lần chim về, trong hàng ngàn chiếc lông chim rụng, chỉ có mỗi chiếc màu đỏ.

Sau khi nghe bà kể, năm nào cũng vậy, đêm trước ngày hội làng Ngần hầu như chẳng ngủ được vì thấp thỏm. Nhưng cho tới bây giờ, Ngần vẫn chưa nhìn thấy chiếc lông chim ấy. Bởi thế mà Ngần vẫn chỉ ru rú ở nhà với bà. Đám trai làng hầu như chẳng để ý đến cô. Nếu có, cũng chỉ là những câu đùa cho vui mà thôi. Ngay cả khi ở tuổi 17, Ngần vẫn như một cô gái lên mười.

Đã có thời gian dài, có lẽ cũng phải 15 năm, bầy chim không trở về bãi vải. Vào một đêm trong chiến tranh, đúng cái đêm mà bầy chim nghỉ lại bãi vải thì bị bom đánh. Hàng chục quả bom đã ném xuống bãi vải. Sáng sớm hôm sau, người làng chạy ra bãi vải. Một cảnh tượng đau lòng hiện ra. Bãi vải xơ xác, cây đổ ngổn ngang. Trên mặt đất, rụng kín hoa vải và la liệt xác chim. Người làng nhìn cây đổ, hoa rụng và chim chết mà nước mắt ròng ròng. Sau đêm ấy, bầy chim di cư không thấy bay về nữa.

Vào những ngày đầu tháng giêng, Ngần vẫn đôi lúc tha thẩn dọc bãi vải. Chính ở đó Ngần đã gặp Thư. Đó là một buổi chiều cách đây bốn năm. Họ làm quen nhau và Thư hỏi:

- Cô có biết bầy chim di cư không?

Ngần đã kể cho Thư nghe về bầy chim ấy, cả câu chuyện về con chim Chúa và chiếc lông chim màu đỏ.

- Cô đã nhặt được chiếc lông chim ấy chưa?

Ngần buột miệng:

- Chưa. Năm nào em cũng tìm.

Nói xong, Ngần đỏ mặt và vội bỏ đi.

Hôm sau, một cán bộ xã đưa Thư đến nhà Ngần. Lúc đó cô mới biết Thư là một người nghiên cứu về những bầy chim di cư. Thư đến để được nghe bà nội Ngần kể về bầy chim.

- Tôi đang đi tìm bầy chim ấy - Thư nói.

- Bầy chim nào? - Ngần hỏi.

- Bầy chim trước kia đậu lại làng mình một đêm ấy.

- Chúng nó ở tận trên trời, làm sao anh tìm được?

- Tìm được chứ - Thư nói hồ hởi - Tôi đã tìm thấy chúng rồi.

- ở đâu hở anh? Chúng ở đâu?

- Chúng đã về bãi vải ven sông, nhưng không như ngày xưa, chỉ có vài chục con thôi.

Thư đưa Ngần ra bãi vải. Anh chỉ cho Ngần thấy một hai chiếc lông chim. Rồi cả làng xôn xao lên sau buổi Thư nói chuyện ở đình làng về bầy chim, rằng chỉ một vài năm nữa, bầy chim sẽ lại về. Những ngày sau đó, có những buổi Ngần và Thư lang thang dọc bãi vải cho đến tối. Thư nói với Ngần:

- Chúng sẽ trở về. Bầy chim biết rõ chúng phải bay theo nguồn gió nào và hạ cánh ở đâu.

Vào mùa xuân năm sau, Thư lại lĩnh kính đồ đạc về làng Ngần từ mùng 5 tết. Suốt ngày Thư ở trên đê nhìn trời. Thi thoảng, anh qua sông và đạp xe vào sát chân núi Mối. Mỗi khi trở về, mặt Thư tím đi vì gió lạnh. Ngần thường đun một ấm nước nóng cho Thư rửa mặt.

- Anh có thấy chúng về không? Lần nào thấy Thư dắt xe đạp từ ngõ vào sân, Ngần cũng hỏi như thế.

- Chưa thấy gì - Thư đáp - Nhưng anh tin năm nay chúng sẽ về đông hơn...

Thư bỏ lửng câu nói và im lặng nhìn Ngần.

Một buổi tối, Thư ở lại nhà Ngần rất khuya. Hai người ngồi nói chuyện với nhau bên bếp lửa.

- Đúng là những con chim này có một chiếc lông đỏ phải không anh? - Ngần hỏi.

- Anh tin là có - Thư nói - Anh cũng muốn nhặt được chiếc lông chim màu đỏ.

- Để làm gì?

- Để anh thực hiện được ước mơ của anh.

Câu ấy, Thư như nói bằng hơi thở. Và sau câu nói ấy, cả hai người im lặng cho đến lúc Thư đứng dậy. Khi hai người bước ra sân, Thư chợt kêu lên:

- Mưa ầm quá!

Hai người đứng ở sân và cùng ngửa mặt lên bầu trời tháng giêng tối thẫm. Mưa tháng giêng từ xa thẫm đang thì thầm phủ vào mặt họ. Cả hai thấy ẩm rục lên như đang ngồi bên bếp lửa.

- Mưa ẩm quá! Thư nói như reo khế. Mưa ẩm thế này là bầy chim sẽ về!

Nói xong, Thư nắm lấy bàn tay Ngân. Và họ nhận ra, hai bàn tay họ cũng đang ẩm rục. Sau khoảnh khắc bàng hoàng qua đi, Ngân vội rút tay mình ra khỏi tay Thư.

- Anh về đi, khuya rồi! - Ngân nói vội vã.

- Ngân, Ngân! - Thư gọi thảng thốt.

Ngân bước lên hiên nhà. Cô đứng nép vào cột hiên. Chưa bao giờ cô lại thờ như thế. Khi biết Thư đã đi xa, và khi hơi thở dần dần trở lại đều đều, Ngân đẩy cửa vào nhà. Cô bước lại bên giường bà nội và nói:

- Bà ơi, bà ngủ chưa? Cháu đốt cho bà chậu lửa nhé!

- Bố cô! Bà nội mắng yêu. Chờ được cô đốt lửa cho thì tôi đã chết cồng rồi!

Ngân cười khúc khích và chui vào màn. Cô ôm lấy bà nội.

- Bà ơi, mưa ẩm lắm. Mưa ẩm như thế bầy chim sẽ về!

- Ai bảo thế? - Bà nội hỏi.

- Anh Thư nói thế bà ạ!

- Thằng Thư à - Bà nội nói - Cháu à, bà bảo nhé, con gái mà da khô, tóc cứng và nóng như cháu thì đường tình duyên khổ lắm. Đứa nào nó yêu cháu thật thì nó phải là người đức độ lắm.

Đêm ấy, Ngân thao thức mãi không ngủ được. Tiếng Thư gọi Ngân lúc ở ngoài sân làm cho Ngân thấy chóng mặt. Chưa ai gọi Ngân với giọng như thế bao giờ.

Đúng chiều ngày 13 tháng giêng năm ấy. Ngân theo Thư ra đê. Mưa tháng giêng bay mờ cả triền sông. Vải đang trở hoa. Họ đứng im lặng nhìn về phía trời xa. Bầy chim trở về thật, chừng vài chục con từ từ đậu xuống ngọn cây vải cao nhất. Thư nắm tay Ngân chạy xuống chân đê. Cả hai rón rén đến dưới gốc vải và nhìn lên. Bầy chim đậu sát bên nhau và khế kêu lên, tiếng trong như tiếng sáo trúc. Thư say sưa ngắm nhìn bầy chim cho đến khi trời đổ tối. Thư dắt tay Ngân đi lên mặt đê. Ngân để yên tay mình trong tay Thư. Lên đến mặt đê, Thư vừa thờ vừa nói:

- Anh dự báo đúng. Bầy chim đã trở về rồi, Ngân ơi!

Nói xong, Thư ôm choàng lấy Ngân. Ngân gục đầu vào vai Thư. Cô thấy tim mình đập vang vang tận đỉnh đầu.

Sáng sớm hôm sau bầy chim rời bãi vải ra đi. Ngân lên ra bãi vải. Cô vừa hời hợt vừa ngượng ngùng tìm dưới gốc cây vải xem có chiếc lông chim màu đỏ không. Dù trong lòng cô nghĩ chiếc

lông chim màu đỏ có lẽ chỉ là chuyện cổ tích. Nhưng khi không tìm thấy chiếc lông chim ấy thì lòng Ngàn dâng lên một nỗi lo âu mơ hồ. Và rồi, cô buồn hết cả tháng giêng.

Bầy chim ra đi được mấy ngày thì Thư cũng ra đi. Anh phải trở về vùng đất ngập nước, cùng các đồng nghiệp tiếp tục công việc của mình. Đêm ấy, trong bếp lửa nhà Ngàn, nghe Thư thổ lộ tình yêu của anh, Ngàn đã khóc. Lời tỏ tình mà Ngàn đã chờ đợi bao năm tháng lại làm cho Ngàn hoảng sợ và đau khổ. Nếu Ngàn tin rằng mình xinh đẹp như các cô gái khác, cô đã chạy ủa đến đón nhận tình yêu của Thư.

- Làm sao em khóc? - Thư hỏi.

Ngàn không thể nói cho Thư biết vì sao cô khóc. Cô ngược mắt nhìn Thư. Cô nhìn thấy đôi mắt Thư đang nhìn cô đắm đuối và ấm áp vô cùng. Lúc đó, Ngàn muốn gào lên với Thư rằng: "Tại sao anh có thể nhìn gương mặt xấu xí của em đắm đuối như thế kia được". Nhưng Ngàn không gào lên được. Cô chỉ biết khóc. Thư kéo đầu Ngàn vùi vào ngực mình. Anh vuốt ve mái tóc Ngàn. Lúc đó, Ngàn cảm thấy mái tóc mình khô giòn và khét đắng. Đến khi Thư vuốt ve bàn tay Ngàn thì Ngàn vùng khỏi vòng tay Thư và nghẹn ngào:

- Tại sao em lại không nhặt được chiếc lông chim màu đỏ?

Câu hỏi của Ngàn vừa tủi thân, vừa oán hận. Thư nhìn Ngàn và nhận ra tất cả. Anh thì thào:

- Em sẽ nhặt được, chắc chắn là nhặt được.

Nửa tháng sau ngày Thư đi. Ngàn nhận được thư anh. Thư say sưa kể cho Ngàn nghe về những bầy chim di cư trở về trong những ngày đầu xuân ấm áp. Ngàn thấy hạnh phúc và nhớ Thư vô hạn. Đêm ấy, cô đọc thư của anh bao nhiêu lần cũng không thấy chán. Nhưng khi cô lấy chiếc gương ra soi thì cô lại gục đầu mệt mỏi. Cô luôn luôn cảm thấy da cô khô và sạm, tóc cô cứng và khét, mắt cô hơi xéch, đôi môi cô có những vết rộp. Nhưng sao anh ấy lại yêu mình? - Cô thầm hỏi. Hay anh ấy chỉ yêu bầy chim thôi? Ngàn nhận được thư của Thư, nhưng cô không viết lại cho anh.

Thư viết cho Ngàn mỗi lúc một thưa và bật hẳn. Lá thư nào, Thư cũng xin được cưới Ngàn và mong câu trả lời của Ngàn. Nhưng Ngàn đã im lặng suốt cả một năm. Những lúc thấy Ngàn thẫn thờ, bà nội lại bảo: "Bà biết cháu chờ nó. Nhưng cháu ơi, người ta khác mình lắm. Xem có đứa nào trong làng tốt bụng hỏi thì lấy. Tuổi cháu đứng rồi, đừng viển vông. Trong nhà, bà lo và thương nhất mày. Nếu xinh đẹp như người ta thì lại đi một nhẽ, đặng này... Thôi, ông trời cho thế nào thì được thế, cháu ạ".

Năm ấy, bầy chim di cư trở về đông lắm, có tới hàng trăm con. Cả làng xôn xao. Những người già trong làng họp lại để bàn về lễ đón chim năm sau. Sau khi bầy chim bay đi, chẳng có ai ra bãi vải tìm chiếc lông chim màu đỏ, chỉ có Ngàn. Nhưng Ngàn không tìm được chiếc lông chim mong ước ấy. Và năm đó, thời gian đối với Ngàn trôi đi quá chậm.

Nhưng rồi mùa xuân lại trở về, dù rằng năm nay mùa đông như về quá muộn. Nhưng mùa đông phải trả lại thời gian cho mùa xuân đúng quy luật của nó. Mới chỉ ngoài Tết mấy ngày mà mưa phùn đã ẩm như hơi nước nóng. Cũng vào lúc đó, có một người tìm đến Ngàn. Đó là một người đàn ông tóc đã điểm bạc. Ông là một nhà nghiên cứu chim di cư. Ông làm cùng viện với Thư:

- Cậu Thư đang lặn lội tận đồng bằng sông Cửu Long - Người đàn ông nói vậy. Sau đó ông

không hề đả động gì đến Thư, mà chỉ chăm chú hỏi về bầy chim.

- Tôi đọc hồ sơ của cậu Thư về bãi đỗ chim làng cô và cả câu chuyện về chiếc lông chim màu đỏ...

- Chuyện cổ tích ấy mà, bác quan tâm làm gì. - Ngân buồn bã nói.

- Tôi lại tin chuyện đó là thật.

- Thật, sao chẳng thấy chiếc lông chim màu đỏ? - Ngân nói, giọng chột xa xăm, - có người tìm cả đời chẳng thấy.

- Người nào có lòng tin thì sẽ gặp được điều mình mong muốn - Người đàn ông nói. Mỗi người phải tin vào một điều đấy. Trước hết phải tin vào chính mình.

Đêm ấy, Ngân lại mở thư của Thư ra đọc. Cô biết, cô vừa mong đợi những lá thư như thế, lại vừa nghi ngại những gì Thư viết cho cô.

Sau bao nhiêu năm, ngày 13 tháng giêng năm nay, làng Ngân lại tổ chức lễ đón bầy chim. Khoảng hai giờ chiều, người làng đã tụ tập kín mặt đê. Một chiếc bàn phủ gấm điều bày bánh trái, hoa quả và một chiếc lư đồng. Trầm được đốt lên tỏa thơm ngát, Ngân cũng có mặt trên đê. Nhưng cô chỉ đứng ở phía cuối đoàn người, khăn len che kín mặt. Với mặc cảm về sắc đẹp của mình, cô luôn luôn né tránh đám đông. Cô đứng đợi bầy chim trở về mà lòng buồn bã.

Khoảng ba giờ chiều thì bầy chim trở về. Chúng xuất hiện phía xa như một đám mây. Đám mây mỗi lúc một lớn. Và những người đứng trên mặt đê nghe thấy tiếng đập cánh của bầy chim như tiếng mưa rào đang đổ xuống. Và trong khoảng khắc, bầy chim có lẽ đến vài ba ngàn con ngòm ngợp đập cánh trên đầu họ. Tiếng kêu của bầy chim vang lên như tiếng sáo trúc rộn ràng. Bầy chim lượn một vòng quanh làng Ngân rồi từ từ đậu xuống bãi vải. Mọi người đứng trên mặt đê reo hò.

Ngân đứng lặng im, mắt không chớp nhìn bầy chim.

- Tôi đã nhìn thấy con chim Chúa.

Nghe tiếng người nói sau lưng. Ngân quay lại và nhận ra người đàn ông cùng viện với Thư.

- Bác nhìn thấy thật à? - Ngân hỏi. - Sao bác biết?

- Con chim bay ở giữa đàn. - Người đàn ông nhìn về phía bãi vải, nói. Nó có đôi cánh dài, rộng gấp đôi những con khác. Nó bay nhanh nhưng đập cánh rất ít. Chỉ có con chim Chúa mới có chiếc lông màu đỏ.

Câu nói của người đàn ông bỗng làm cho Ngân dâng lên một cảm xúc lạ lùng. Cô mở chiếc khăn ra. Gió xuân ấm áp phủ lên mặt cô. Và từ đó cho tới lúc đi ngủ, Ngân náo nức lạ thường. Ngày mai cô sẽ dậy thật sớm để đi tìm chiếc lông chim màu đỏ.

Và Ngân đã khóc nức lên trong buổi sớm mùa xuân. Khi bước ra sân, cô thấy những chiếc lông chim rụng ngay ở sân nhà cô. Sáng sớm hôm nay, bầy chim từ bãi vải đã bay cất qua làng cô để trở về vùng đất ngập nước. Và giữa những chiếc lông chim màu trắng là một chiếc lông chim màu đỏ như lửa. Ngân nhặt chiếc lông chim lên. Cô để chiếc lông chim trong lòng

bàn tay. Chiếc lông chim khe khẽ rung lên bởi hơi thở của Ngàn. Cô vội mang chiếc lông chim màu đỏ vào nhà, mở chiếc khăn tay và đặt chiếc lông chim lên đó ngắm nhìn, lòng ngập tràn hạnh phúc. Suốt ngày hôm đó, Ngàn cười nói khác thường. Đến khuya, khi tin chắc mọi người đã ngủ say, Ngàn rón rén trở dậy. Cô vịn to đèn, run rẩy lấy ra chiếc gương rồi lại áp chiếc gương vào ngực, người run bắn. Cuối cùng cô đưa chiếc gương lên ngang mặt mãi lâu sau mới lấy hết can đảm và từ từ mở mắt ra. Cô nhìn vào gương. Và thật kỳ lạ, cô thấy mình không hề xấu xí như những ngày xưa, nước da không phải khô và sạm, mà rám nắng, khỏe mạnh, đôi môi không hề có vết rộp mà mọng ướt. Cô từ từ đưa tay lên mái tóc. Mái tóc cô dày và mềm mại.

Cô soi gương, rồi bỏ gương đi. Rồi cô lại soi, lại bỏ, mỗi lúc lòng tin về nhan sắc của mình càng mạnh mẽ.

Ngày hôm sau, cô đi chơi khắp làng. Bạn gái cô kéo cô lại và thì thầm: "Yêu rồi phải không?", "Yêu ai mà yêu", - cô cãi. Bạn gái cô nói: "Đừng có giấu tao, mày đẹp ra như thế này thì chỉ do hơi đàn ông chứ còn gì". Cô đỏ mặt sung sướng. Cô không muốn nói về chiếc lông chim màu đỏ. Cô không tin chuyện thần tiên. Nhưng cô không lý giải được vì sao lại thế. Chỉ có điều không ai cho là cô xấu. Chỉ có cô nghĩ mình xấu xí và tự ti về nhan sắc của mình.

Điều ấy chỉ mình Thư biết. Và anh yêu cô lạ lùng. Anh phải kéo cô ra khỏi sự mặc cảm ghê gớm đó. Chỉ làm như thế, anh mới có được cô. Và anh đã bỏ mọi công sức lang thang đến nhiều vùng để tìm được một chiếc lông chim màu đỏ. Anh đã nhờ một đồng nghiệp về làng Ngàn trong mùa chim di cư trở về và bí mật thả chiếc lông chim màu đỏ xuống trước cửa nhà cô. Mấy ngày sau, người đàn ông cũng ra đi. Ngàn viết lá thư đầu tiên cho Thư và nhờ người đàn ông ấy chuyển giúp. Lá thư chỉ vền vện mấy dòng: "Em yêu anh. Ngày nào em cũng mong anh trở về. Hãy về với em! Ngàn".

Hai người đàn bà xóm trại

Vào lúc lên đèn thì trời có mưa.

Có lẽ đây là cơn mưa cuối đông, vì chỉ còn mười ngày nữa là Tết. Gió từ bãi sông rộng thổi hất từng làn mưa bụi về phía chân đê. Tiếng mưa mỏng và nhẹ, như tiếng người thì thào đầu đó. Cả triền bãi rộng chạy ven đê làng Chùa chỉ còn lại một ngôi nhà nhỏ. Trong ngôi nhà ấy có hai người đàn bà đã sống với nhau mấy chục năm nay. Bây giờ tóc họ đã bạc trắng. Và lúc này họ đang ngồi trong chái bếp nhỏ ẩm áp bởi hơi rơm, lá chuối khô và lửa bếp. Chiếc mâm gỗ có một vết nẻ to được đặt trên nền bếp bằng đất lâu ngày cứng lại như đá. Trên mâm chỉ độc một bát canh dưa nấu tép bốc hơi nghi ngút. Hai bà lão ngồi ở hai phía mâm đối diện nhau. Hai cặp đầu gối xương xẩu nhô cao đỡ lấy hai gương mặt nhăn nheo và sạm đen.

- Bà mua mớ tép này của ai? Bà lão ân hỏi và lấy đũa đảo bát canh.

- Mấy đứa trẻ trâu - Bà lão Mật trả lời - Chúng nó mang vào tận đây.

- Mớ tép này mấy đồng?

- Hai ngàn.

- Bà cứ có tật mua nhiều. Không bảo chúng nó sẽ lấy một nửa.

- Có dùm tép bằng dùm muối, sẽ một nửa còn lại chúng nó bán cho ai.

Hai bà lão lặng lẽ bưng hai bát cơm xới vơi như cơm cúng và nhón nhén ăn.

- Nấu tép dưa phải nấu cho dừ - Bà lão ân cầu nhàu - Xương cứng ê cả răng.

- Tép bằng lỗ mũi xương ở đâu ra.

- Bà còn khỏe răng, chứ tôi sờ mãi chẳng được một cái.

Hai bà lão vừa ăn vừa lầm rầm những chuyện như thế. Bên ngoài ngôi nhà mưa vẫn thì thào. Trong tiếng mưa vắng lên tiếng chó từ mấy gia đình ở chân đê bên kia.

- Đấy, tôi nói rồi - Bà lão ân khế kêu lên và ho - Hóc xương cá rồi đấy. Khổ.

- Bà cứ khạc mấy cái là nó ra - Bà lão Mật lo lắng. Bà lão ân đặt bát cơm ăn dở xuống mâm và quay sang phía khác khạc mấy cái.

- Có khỏi không?

- Có được đâu. Không khéo lại chết vì hóc xương tép.

- Bà cứ hay dở mồm - Bà lão Mật nói. Và chọt reo lên - A, để tôi chữa mẹo cho.

Bà lão Mật vội vàng cầm lấy hai chiếc đĩa cả dính cơm và lom khom đến bên bà lão ân.

- Bà ngồi im nhé. Cứ nhắm mắt lại.

Bà lão Mật vừa nói vừa đưa hai chiếc đĩa cả cách đỉnh đầu bà lão ân chùng gang tay. Rồi vừa gõ hai cái đĩa cả vào nhau và vừa lầm rầm như người niệm chú: "Gần ra, xa vào". Đọc đúng bảy lần thì bà dừng lại và hỏi:

- Được chưa bà?

Bà lão ân không trả lời. Bà vất vả nuốt nuốt nước miếng. Một lát sau bà nói:

- Được rồi. Chả ăn nữa. Sáng mai đun lại cho kỹ. Ịn xong bữa cơm tối, hai bà lão bỏ thêm cái gốc tre vào bếp và lấy trầu ra ăn. Bà lão ân lấy một miếng cau tươi đưa cho bà lão Mật.

- ở đâu mà cau tươi thế này? Bà lão Mật hỏi.

- Cau từ hôm cưới con nhà Phấn. Chúng nó nhét đầy cả túi.

- Con nhà Phấn à?

- Con nhà nó chẳng ra đón bà vào ăn cỗ là gì. Bà ốm bà không đi mà lại còn không nhớ?

Sau đó hai bà lão im lặng nhai trầu. Ngọn lửa ăn dần vào gốc tre khô. ánh lửa gần gũi và xa xôi chập chờn trong hai đôi mắt đục mờ.

- Thế Tết năm nay định gói bao nhiêu bánh? - Bà lão ân quay lại phía bà lão Mật hỏi.

- Gói bao nhiêu thì gói. Nhưng vừa vừa thôi. Năm nào cũng bỏ mốc meo cả.

- Cứ nấu ba chục cái.

- Gói, bà làm như nấu cho cả làng.

- Cứ nấu thế. Trẻ con trong làng ra chơi thì cho chúng nó. Rồi... nhớ có ai về...

Nghe bà lão ân nói vậy, bà Mật từ từ ngược đôi mắt đục mờ lên nhìn một lúc lâu rồi hỏi khẽ:

- Ai về?...

Mấy chục năm về trước. Cũng những đêm mùa đông giáp Tết ở trong chái bếp như thế này. Hai bà lão ngồi trước bếp lửa và hồ hởi nói với nhau về chuyện gói bánh chưng. Ngày ấy họ còn trẻ lắm. Cả hai người mới ngoài hai mươi tuổi.

"Năm nay thế nào hai anh ấy cũng về - Mật thì thăm - chị ân nhỉ"

"Tao cũng mong quá - ân nói như bằng hơi thở - đêm qua tao mơ thấy con gà trống mổ vào ngón tay út. Năm năm rồi chẳng có ai về ăn Tết".

"Em phát ốm vì chờ thôi".

"Giá như có đứa con... thì họ bao giờ về cũng được". "Chị ân ơi - Mật chợt kêu lên và ôm lấy ân - Mỗi đêm trước em cũng mơ. Em thấy anh ấy về và ... ngay đêm đó...".

Nói đến đó mặt Mật ửng đỏ và đôi mắt Mật vừa lấp lánh vui, vừa bối rối.

"Đêm đó thì sao" ân lờm mắt, mắng yêu Mật - "Con khi".

"Ngay đêm đó em mơ em có mang. Lúc tỉnh dậy sờ bụng em thấy khang khác. Em sợ lắm".

"Con này nói chuyện vớ vẩn"

"Thật đấy mà, đến hôm nay em vẫn thấy bụng mình khang khác như thế - Mật nói và cầm tay ân kéo đặt lên bụng mình- Chị sờ mà xem. Đây, chị thấy khác không?"

Vì tò mò, ân đưa tay ấn vào bụng Mật. Và một lúc sau ân cũng hoảng hốt vì cảm thấy hình như trong bụng Mật cũng không bình thường.

"Này... ân thì thảo - Chồng đi vắng, hay mày trót đại..."

"Chị bảo đại cái gì?..."

"Có thằng nào nó rủ rê mày không?"

"Không, làm gì có chuyện ấy. Có mà trôi sông?"

"Tôi phải trông nom cô - ân nói - Có chuyện gì thì tôi và cô cứ là bỏ xóm bãi này mà lên rừng

đấy nhé"

ân và Mật đều mò côi bố mẹ. Và lớn lên lấy chồng, họ đưa nhau ra xóm bãi lập nghiệp. Rồi một đêm hai người đàn ông của họ khăn gói theo một đơn vị bộ đội vượt sông Đáy về phía núi Miếu Môn. Trước khi qua sông hai người đàn ông dặn: "Hai chị em dọn về mà ở với nhau. Đến Tết, kháng chiến thành công chúng tôi về". Từ ngày đó Mật dọn sang ở với ân. Họ sống như hai chị em ruột với nhau.

Và khi Tết đến, cả hai lại xuống bến rửa lá dong và vo gạo. Má họ rục đồ trong gió lạnh cuối đông. Tiếng cười họ trong trẻo và rạo rục vang trên mặt sông mùa nước cạn yên tĩnh. Nhất là vào đêm luộc bánh, cả hai đều thấy hồi hộp lạ lùng. Họ cảm thấy da thịt họ thấm đầy hơi lửa bếp. Khi bánh chín, họ chọn những chiếc bánh đẹp nhất, chắc nhất để phần hai người đàn ông của họ. Nhưng những ngày Tết thường vụt đi như tên bắn. Cánh bãi không còn tiếng pháo tếp của trẻ con nữa. Và những bầy sáo tháng Giêng đã loáng thoáng bay về, ân và Mật mang những chiếc bánh đã khô lá luộc lại. Cho đến khi ở đầu góc bánh đã lấm tẩm mốc xanh thì họ không còn bình tĩnh chờ đợi nữa. Cả hai cùng khóc. Đêm xuống, hai người đàn bà trẻ nằm xoay lưng vào nhau trên giường lót rơm và giấu tiếng thở dài.

"Chị ngủ à, chị ân" - Mật thường bắt đầu câu hỏi như thế trong đêm.

"Chưa". ân trả lời trong chần.

"Sao Tết năm nay các anh ấy lại không về nhỉ?"

"Có gười mà biết - ân giận dỗi - Chắc chiến dịch bận"

"Mai mình cứ luộc lại bánh chị ân ạ"

"Luộc bánh thành cháo à. Bỏ ra mà ăn hết đi"

"Ìn làm sao hết những hai chục cái"

Sau những câu chuyện như vậy cả hai chị lại chìm vào giấc ngủ lơ mơ. Thường sang Giêng gió sông ấm hơn và đất bãi phủ hương phù sa dễ chịu làm giấc ngủ của họ thường có những cơn mơ. Trong mơ, ân lại thấy con gà trống tía với chiếc mào đỏ rực, cái ức rộng, và đôi cựa bóng như gà mổ mổ vào ngón tay út của mình. Còn Mật vẫn cơn mơ vừa hạnh phúc vừa lo sợ. Mật thấy người lính trở về và ngay đêm đó Mật có mang. Và cứ tỉnh giấc, Mật lại dè dặt đặt tay lên bụng. Rồi Mật mơ hồ lo lắng khi cảm thấy bụng mình khang khác.

Rồi vào một ngày giáp Tết, chồng ân đột ngột ghé qua nhà. Tiếng gõ cửa gấp gáp trong đêm làm Mật choàng tỉnh.

"Ai đấy? Ai đấy?" Mật quỳnh lên hỏi.

"Tôi đây. Bác đây"

"Giời ơi! Mật lập cập kêu lên - Anh Bác..."

Khi cánh cửa vừa mở thì người lính ứa vào ôm lấy Mật.

"Anh Bác - Mật hoảng hốt - Mật đây. Em đây mà"

Vòng tay người lính vội rời ra và buông thõng xuống.

"ân đâu?"

"Chị ân đi Kim Bôi sáng nay cùng mấy chị trong xóm, xem có lá dong rẻ hay quýt cam gì đấy mua về bán chợ Tết. Em ở nhà trông nhà".

"Bao giờ ân về?"

"Có lẽ mai chị ân về, thế bao giờ anh đi?"

Bắc đưng lặng không trả lời. Gió sông lạnh thổi xốc vào ngôi nhà tranh bé nhỏ.

"Vào nhà đi anh, để em đốt đồng lửa cho ấm"

Một lát sau ngọn lửa đã chui qua những cành củi khô và vươn lên.

"Em nấu cho anh bát cơm nhé?"

"Anh ăn rồi. Liệu ngày mai ân có về kịp không?"

"Chị ấy sẽ nóng ruột mà về. Sao các anh biệt tin lâu ngày thế? Nhà em ra sao rồi anh?"

Mặt rụt rè hỏi và đợi câu trả lời.

"Sau ngày sang sông, chúng tôi cùng nhau ở một đơn vị được một tháng. Sau đó mỗi người đi một đơn vị. Nghe đâu Ngử đang ở Bắc Cạn. ở nhà không nhận được tin gì của nó à?"

"Không - Mặt nói như khóc - Em và chị ân Tết nào cũng mong các anh về. Năm nào hai chị em cũng gói nhiều bánh..."

"Minh sắp đánh lớn. Đơn vị tôi đang chuyển quân lên mặt trận Hòa Bình. Hai chị em ở nhà có khỏe không?"

"Chúng em thế nào cũng chịu được. Chỉ lo cho các anh hòn đạn mũi tên. Sao anh về chẳng tin cho chị ân biết trước?"

"Đang kháng chiến mà cô cứ làm như... - Người lính cười. Gió thổi mạnh hơn qua những tàu chuối ngoài vườn. Sương như xuống dầm dề trên mái rạ. Ngọn lửa như ngái ngủ cháy lò đờ trên củi.

"Anh nghĩ một tí đi, kéo mệt - Mặt nói - Hết canh ba rồi".

"Cô đi nằm đi. Tôi ngồi đây. Cũng sắp sáng rồi".

Mặt không trả lời. Chị ngồi im lặng nhìn những mẩu than nhấp nháy như những ngôi sao mùa đông. Giá như đêm nay ân ở nhà thì ân hạnh phúc biết bao nhiêu. Và giá như người lính kia là chồng chị. Nghĩ đến đó máu trong người chị dào lên chảy xiết. Chị thấy mặt mình nóng rát. Chị nhớ đến cơn mơ thường gặp và chị muốn khóc.

"Chúng em ở nhà khổ lắm - Mật thôn thức - Giá như có mụn con thì đỡ khổ"

"Sắp hòa bình rồi. Chúng tôi sẽ về cả thôi. Rồi không có sức mà đẻ".

Người lính nói và cười vang. Mật cũng bật cười theo. Nước mắt chị giàn giụa. Ngọn lửa cuối cùng đã chui vào đồng than đỏ và ngủ vùi trong đó. Mật ngồi trong bóng tối, miệng lầm rầm: "Chị ân ơi về mau lên. Anh Bắc đang đợi, chị ân ơi, mau lên".

Cái gốc tre đã cháy hết, hai bà lão vẫn ngồi im lặng. Hai gương mặt sạm đen và nhăn nheo như nằm bất động trên hai đầu gối xương xẩu. Một con chuột nhắt bé như hạt mít từ góc bếp bò ra. Nó rón rén leo trên chiếc mâm gỗ. Rồi bất chợt nó nhảy phóc lên miệng bát làm chiếc bát ăn cơm đổ kèn:

- Bà ngủ rồi đấy à? Bà lão ân quay sang phía bà lão Mật hỏi.

- Ngủ đâu mà ngủ - Bà lão Mật mở mắt nói và lại nhai tiếp miếng trầu còn ngậm trong miệng - ịn miếng trầu thế mà say say.

- Chiều bà có che kỹ cái chuồng gà không?

- Che rồi. Tôi cho uống cả nước vôi trong. Sương thế này sợ rù mất mấy con gà.

- Mẹ Phấn nó bảo Tết năm nay đón hai cụ vào nhà nó ăn Tết. Nó bảo hai cụ sống ngoài bãi như ma ấy.

- ịn uống được gì đâu mà vào. Nó còn con cháu, khách khứa, thì giờ đâu mà hầu mình. Thôi chết, tôi bỏ quên cái rổ có cái áo giặt dở lúc chiều.

- Bà lú lẫn hơn cả tôi - Bà lão ân nói.

- Chiều đang giặt dở thì bà Mên tưới trên bãi gọi chuyện. Thế rồi cứ quên mà về. Tôi phải xuống bên tôi lấy.

- Thôi mưa gió tối tăm thế này, đi rồi ngã ra đấy. Có cái rổ rách với cái áo nát, ma nó lấy.

Nhưng thấy bà lão Mật cứ khăng khăng đòi đi, bà lão ân với lấy cái nón đưa cho bà lão Mật và dặn: "Đi chậm chậm thôi, bà ạ". Trời đêm mênh mang. Bà lão Mật lom khom xuống bến. Bà đã đi không biết bao nhiêu lần trên con đường này. Và con đường đã ăn sâu vào trí nhớ bà.

Khi cấp rổ định quay về thì có tiếng cá quẫy mạnh sát bờ. Một vật gì đó vô hình rơi vào ký ức bà tựa như cái quẫy của đuôi cá. Và rồi những vòng sóng kỷ niệm cứ loang ra, loang mãi. Bà từ từ ngồi xuống nhìn dòng sông trong đêm. Nơi đây, mấy chục năm về trước bà đã tiễn chồng theo bộ đội sang sông. Và chính nơi đây, bà đã tiễn Bắc đi trong làn người lính ghé qua nhà không gặp vợ mình.

Suốt cả ngày hôm ấy vẫn không thấy ân về - Bao nhiêu kỷ niệm đều mờ đi theo tuổi tác, nhưng những đêm như thế vẫn bám dai dẳng trong bà lão Mật - Hôm ấy, cứ thỉnh thoảng Mật lại chạy lên mặt đê ngắm về phía xa. Buổi tối ăn cơm xong, Bắc nói:

"Khuya tôi phải đi. Mai ân về bảo tôi vẫn khỏe".

"Chỉ sáng mai là chị ấy về thôi - Mật nói như van - Tối mai anh hãy đi".

"Không được đâu. Tối nay tôi phải có mặt nơi đóng quân".

Khoảng chín giờ tối thì Bắc lên đường. Mật tiễn Bắc xuống bến sông. Khi sát mép nước Bắc quay lại. Anh đặt tay lên vai Mật. Những ngón tay người lính như bầu chặt vào vai chị. Mật thấy rét run lên, hai hàm răng chị va vào nhau lập cập.

"Anh đi nhé - Người lính thì thảo - hai chị em ở nhà thương nhau. Anh và Ngữ sẽ về sớm".

Bắc đi được một tiếng đồng hồ thì Ân về. Nghe tiếng Ân gọi cửa. Mật run bắn và òa khóc. "Chị Ân ơi, anh Bắc về, Bắc về".

"Đâu, đâu? Anh ấy đâu?... Đâu?"

"Anh ấy đi rồi. Anh Bắc chờ chị suốt cả đêm qua. Anh vừa sang sông".

Bó lá dong lớn và sọt quít đòi đồ xuống như người ngã. "Anh ấy đi lâu chưa? - Ân hỏn hển - Anh ấy đi lối nào".

"Anh Bắc lội qua bến nhà mình". Vừa nói Mật vừa nắm tay Ân đi như chạy xuống bến. Đến bờ sông, Ân giật tay chị ra khỏi bàn tay Mật và lội ào ào xuống nước.

"Chị ơi! Anh ấy đi xa rồi - Mật đứng trên bờ ôm ngực khóc gọi - Đứng sang sông nữa, chị ơi".

Mật ngồi thụp xuống bờ cát ướt lạnh và bưng mặt nước nở cho đến tận khi chị nghe tiếng khò nước mệt mỏi vào bờ. Ân rét ướt nghiêng ngã bước lên bờ. Hai người đàn bà trẻ đứng im lặng trước nhau. Rồi cả hai lao vào ôm lấy nhau nước nở. Gió sông như ấm hơn thổi dạt dào qua bãi về phía chân đê. Và đâu đó thoảng mùi cỏ lên mầm hăng hăng.

Tết năm ấy, Ân và Mật vẫn lặng lẽ gói nhiều bánh. Nhưng Tết năm ấy, cả hai người lính của họ vẫn không về. Sang giêng, hai người đàn bà mấy lần mang bánh luộc lại và mấy lần nhìn nhau khóc.

Mấy năm sau ngày hòa bình lập lại. Mật nhận được báo tử chồng. Nhưng Tết đến họ vẫn gói nhiều bánh. Trong mơ chị vẫn thấy người lính trở về. Và tỉnh giấc vẫn rụt rè đặt tay lên bụng mình và thấy khang khác. Nhiều lần Ân khuyên Mật nhận lời lấy một người đàn ông nào đó. Những lần như thế, Mật chỉ nở một nụ cười xa xăm và ngơ ngác như một nụ cười của một người vừa thức giấc trong giấc ngủ trưa. Và sau đó thì Mật nói với Ân: "Bao giờ anh Bắc về với chị thì em đi lấy chồng".

Đợi lâu không thấy bà lão Mật về, bà lão Ân sốt ruột ra đầu ngõ hướng xuống sông gọi:

- Bà Mật ơi! Bà Mật.

- Tôi về đây.

- Đã bảo đêm hôm rồi còn mò xuống - bà lão Ân cần nhằn - Già rồi còn thích làm tội thân, tội mình.

Nói vậy nhưng bà lão Ân vẫn đứng lại đợi cho đến khi bà lão Mật lên đến đầu ngõ.

- Vào đi ngủ thôi bà ạ - Bà lão Ân nói - Tôi đau hết cả lưng rồi.

Gian nhà nhỏ trong đêm như rộng mênh mông. Hai bà lão nằm quay lưng vào nhau và thỉnh thoảng lại khúc khắc ho.

- Bà vẫn nhai trầu đấy à? - Bà lão Ân hỏi.

- Tôi nhai cho hết kéo phí.

- Nhai thế mà không mồm mồm.

Đâu đó trên mái nhà có tiếng chuột đuổi nhau rinh rích. Và từ cỗ áo quan có tiếng mọt nghiến gỗ trèo trẹo.

- Bà có cảm bao diêm đấy không? Bà lão Ân hỏi.

- Có, làm gì nữa bây giờ?

- Tôi xem con mọt. Có khi lúc mình chết thì mọt cũng cắn nát cỗ áo ra rồi.

- Nó nằm trong gỗ chứ nó lại chui ra cho bà xem.

Nói vậy nhưng bà lão Mật vẫn lấy bao diêm đưa cho bà lão Ân. Bà lão Ân bật diêm châm đèn soi cỗ áo quan. Bà nghiêng đầu nghe ngóng một lúc rồi lấy tay đập đập vào cỗ áo: tiếng mọt chợt im bật. Bà đứng bên cỗ áo quan cho đến khi yên tâm là con mọt không còn dám cắn nữa thì mới tắt đèn lên giường.

Gần sáng những ngọn gió cuối đông tuy còn lạnh nhưng đã chớm chớm xuân thổi rạo rục qua ngôi nhà của hai bà lão. Và bà lão Mật lại mơ thấy người lính trở về. Nhưng khi nhìn rõ mặt thì bà nhận ra đó không phải Ngữ mà là Bắc.

Vào đầu năm 1960, Ân nhận được thư Bắc gửi về, trong thư anh nói đang đóng quân ở Quảng Bình bên cạnh một dòng sông đẹp như sông Đá quý anh.

"Chị Ân ơi - Mật cuống quít - Chị đi vào tìm anh ấy đi. Đi ngay đi. Mọi việc đồng áng cứ để em".

Suốt mấy ngày đó, cứ chốc chốc Ân lại mang thư chồng ra đọc và khóc. Cuối cùng chị quyết định khăn gói đi thăm chồng.

Nhưng cuộc đời thật trở trêu. Ân đi được dăm ngày, thì Bắc về.

"Anh Bắc, anh gặp chị Ân không? - Mật hốt hoảng hỏi khi chị linh cảm thấy điều không bình thường - Chị Ân vào Quảng Bình tìm anh rồi".

"Tìm anh hả? Đi bao giờ?"

"Chị Ân đi được dăm ngày rồi"

Nghe Mật nói, Bắc đứng chết lặng. Mãi sau anh mới nói:

"Người lính nay đây mai đó, tìm sao được"

"Anh Bắc ơi, lần này anh phải ở nhà chờ chị ấy - Mật nói và khóc - Em không cho anh đi đâu cả. Anh Bắc ơi! Anh Ngữ hy sinh rồi!"

"Ngữ hy sinh rồi ư! Hy sinh bao giờ? ở đâu?"

"Có giấy báo tử rồi anh ạ. Hơn ba năm rồi"

Đêm ấy Bắc nói với Mật:

"Sáng sớm mai anh phải đi rồi. Lần này anh đi rất xa và có lẽ lâu lắm". "Không. Anh phải ở nhà chờ chị ấy về rồi đi đâu thì đi. Nếu không chị ấy chết mất."

"Không làm sao khác được Mật ạ. Anh phải đi."

Khoảng canh tư thì Bắc khoác ba lô lên đường. Mật tiễn Bắc lên đến mặt đê. Bỗng Mật ôm lấy Bắc và khóc nức lên.

"Anh Bắc ơi! Em thương chị Ân quá. Em thương anh hu ... hu ... và thương cả cái thân em nữa. Nếu anh Ngữ về được một lần thì em đỡ khổ, đỡ ân hận biết bao. Anh Bắc ơi, sao em không phải là chị Ân, sao anh không phải là anh Ngữ, hả anh? hu ... hu....".

Bắc không nói được gì. Anh ghì Mật vào lòng. Cả hai người run lên. Mật vội đẩy Bắc ra và vội vã nói:

"Anh đi đi, anh Bắc, anh đi đi".

Nói xong, Mật chạy nhào xuống chân đê. Chị vừa chạy, vừa ngã và nức nở gọi tên Ân và tên chồng chị.

Rồi Bắc cũng không trở về, khi Ân và Mật vừa bước qua tuổi bốn mươi. Đêm đêm hai người đàn bà thường xuống sông ngồi khóc. Và Tết lại đến, những ngọn gió chớm xuân thổi đầm ấm và rạo rực qua ngôi nhà của họ suốt đêm. Và những ngày giáp Tết là những ngày họ thường mơ nhiều hơn. Trong mơ có tiếng gà gáy và tiếng gõ cửa gấp gáp, có ngan ngát mùi lá dong xanh và hương ẩm đậm của gạo nếp đã vo sạch. Họ vẫn ở lại ngoài bãi sông, mặc dù những gia đình khác đã dọn vào làng theo quy hoạch của chính quyền xã và để tránh những năm nước sông lên to. Có một điều gì đó thiêng liêng và đau khổ đã gắn chặt họ với ngôi nhà nhỏ và bến sông.

- Này, bà Mật! Bà Mật, ngủ mê đấy à? Bà lão Ân lay gọi bà lão Mật - Kêu gì mà khiếp thế.

- Tôi ngủ ... mê à? Bà lão Mật ú ớ hỏi - Sáng chưa bà?

- Còn chán.

- Bà cho tôi mượn bao diêm - bà lão Mật ngồi dậy nói.

Bà lão Mật lục đục tìm đèn và bật diêm. Ngọn đèn dầu tỏa một quầng sáng vàng ấm trong nhà.

- Bà dậy mà đi.

- Không.

- Già thì phải chịu khó mà đi. Không nhớ ra quần, ra áo khai lắm.

- Ôi giờ! Bà lão Ân cựa mình và chép miệng - Bệnh già nó thế, ai mà muốn.

Khi gà trong xóm bên kia chân đê thi nhau gáy ran thì hai bà lão lại tỉnh giấc. Bà lão Mật lại nhóp nhép nhai cái bã tràu vẫn ngậm trong miệng khi ngủ.

- Thế bà định Tết này gói bao cái bánh? - Bà lão Mật hỏi.

- Cứ bảo mẹ Phấn nó mua cho đủ lá gói ba chục cái. Mình thì ăn là mấy, nhưng nhớ có ai về...

Nghe bà lão Ân nói vậy, bà lão Mật ngừng nhai tràu và hơi nghiêng đầu về phía bà lão Ân như định hỏi điều gì đó. Nhưng bà lại thôi.

Và bên ngoài, những ngọn gió sông đã chớm chớm xuân vẫn rạo rục thổi qua ngôi nhà nhỏ. Thuyền tỉnh giấc lúc gần sáng. Chị nằm yên lặng trong chăn một hồi lâu và nhận ra những cơn gió lạnh thổi vật vờ đêm qua đã đi xa. Chắc chúng đã thổi dọc theo sông Đáy và đi ra biển. Trong đêm gần sáng tĩnh lặng. Chị nghe mơ hồ như có tiếng ai gọi. Tiếng gọi ầm ập lạ thường. Đã mấy năm rồi chị mới có một đêm hồi hộp lạ thường và náo nức đến diệu kỳ. Trong căn phòng của khu tập thể nhà máy tơ tằm còn tối om, bên cạnh hai đứa con nhỏ, hình như chị thấy có ai đó đang ở rất gần chị, phả những hơi thở ầm ập và nồng ngát hương cỏ cây vào chị. "Chẳng có ai cả, sao mình lại mơ mộng như thế nhỉ". Chị nghĩ và mỉm cười. "Còn sớm lắm" chị đoán vậy và nhắm mắt định ngủ tiếp. Nhưng những hơi thở ầm ập kia cứ lùa vào chị. Chị nghe thấy bằng giác quan có tiếng gọi chị. Tiếng gọi mênh mang và đậm ảm.

Chị khẽ khàng ngồi dậy. Sau khi áp lại chăn cho con. Chị mở cửa bước ra ngoài. "Mùa Xuân" chị thốt lên. Trời đã mờ sáng. Những hạt mưa li ti như không có thật tỏa mờ không gian. Chị hít một hơi thật sâu và nghe người nhẹ bồng. Chị thấy có ai đang thở trong lồng ngực của chị. Chị khẽ đặt tay vào ngực. Chị thấy hình như ngực mình bồng đầy lên, căng tròn và rục nóng.

Chị đứng thở một lúc rồi đi ra phía bờ sông. Con sông Đáy trong mưa bụi và sương sớm trông như một dòng sữa. Những ngọn cỏ trên đê sông cọ vào cổ chân chị mát lạnh. Chị ngửa mặt lên trời. Mưa khẽ khàng đậu mơ hồ trên da thịt chị. Chị run lên. Tất cả những vất vả dằn vặt và lo âu trong lòng chị chợt tan đi. Chị đứng lặng trên mặt đê nhìn sang bờ bên kia. Trong những lùm cây xanh thẫm đã le lói ánh lửa. Những ngọn lửa bên kia quen thuộc với chị biết chừng nào. "Tết lại sắp đến rồi" chị nghĩ và chợt như muốn khóc.

Trời sáng dần. Chị ra lối mòn quen thuộc từ một ngôi nhà nhỏ bên bờ sông chạy xuống bến nước. Chính con đường nhỏ ấy đã dẫn chị đến hạnh phúc và cả khổ đau.

Quê chị ở một làng quan họ ven thị xã Bắc Ninh. Khi học xong phổ thông, chị thi vào trường Đại học Nông nghiệp. Ra trường chị về công tác ở Sở Nông nghiệp của một tỉnh khác. Và cuối cùng chị về làm việc ở bến sông này trong khu nhà máy tơ tằm. Với chị làm ở đâu cũng được. Chị chỉ biết yêu công việc và chị luôn nghĩ "ở đâu có con người thì đều có niềm vui trong cuộc sống cả". Khi đến nhận công tác ở nhà máy tơ tằm, chị vô cùng hạnh phúc. Chị ngỡ ngàng trước thiên nhiên đầy thơ mộng và yên tĩnh ở đây. Những bãi dâu bát ngát. Một dãy núi tím xa

xa. Một con sông đầy quuyến rũ.

Chiều chiều, sau một ngày làm việc mệt nhọc, chị thường ra bờ sông ngồi và nhìn sang bờ bên kia. Chị say sưa ngắm nhìn những sợi khói xanh bay lên từ những vòm cây um tùm, xanh thắm. Những đàn trâu tắm trên sông. Những con thuyền lững lờ trôi dọc dòng sông trong sắc chiều tím như những quả dâu chín.

Nhưng có một hình ảnh làm chị xúc động hơn tất cả. Và nếu chiều nào không nhìn thấy thì lòng chị không yên. Đó là bóng một bà mẹ. Chiều chiều chị nhìn thấy bà đi từ ngôi nhà nhỏ theo con đường đò phù sa xuống bến. Thường thường bà dắt theo một con trâu. Khi con trâu đã dầm mình xuống sông thì bà giặt giũ hay rửa rau, vo gạo. Trong suốt một thời gian dài chị không thấy ai đỡ đần bà. "Bà sống một mình à? Hay con cái bà đi công tác xa hết?" Nhiều lần Thùy tự hỏi. Chị bị ám ảnh với những câu hỏi ấy.

Nhiều lần đi công tác xa mấy ngày, khi trở về nhà máy dù đã rất muộn, nhưng chị vẫn chạy ra bờ sông đứng nhìn sang bên kia sông. Chỉ khi chị nhận ra ánh lửa mà chị tin là từ bếp của bà hắt ra, chị mới yên tâm trở về phòng ở.

Tự nhiên như có một sợi dây vô hình đã nối chị với bà cụ bên kia sông mà chưa một lần chị biết mặt.

Cho đến một lần, trên con đường nhỏ đò phù sa kia vắng bóng bà mẹ, chị chờ đợi suốt chiều. Và tối đến chị chạy ra bờ sông để mong tìm thấy ánh lửa quen thuộc. Nhưng không thấy. Chị đi mãi xuống mép sông, mắt căng ra tìm kiếm cho đến khi chân chị chạm vào nước sông đêm chị mới dừng lại. Những đêm ấy chị lo lắng. "Mẹ ốm hay mẹ đi thăm con cháu ở đâu xa?" chị tự hỏi. Nhưng không tin câu trả lời của mình.

Cuối cùng chị quyết định hỏi thăm ông lái đò.

- Bà ấy bị ốm. Cô con gái lớn lấy chồng ở trong Nam. Còn cậu con trai chẳng mấy khi về. Cô quen bà ấy hả?

- Thế ai nấu nướng, thuốc thang cho bác ấy ạ? - Chị lo lắng hỏi.

- Họ hàng, làng xóm. Bà ấy ăn uống được là bao.

Ngay chiều hôm đó, Thùy mua chục trứng gà, nửa cân đường và mấy viên thuốc. Chị quyết định sang sông thăm bà.

Vừa bước đến chiếc sân gạch nhỏ chị chợt đứng lại. Lá vàng rụng lác đác trên sân. Từ trong bếp chiều, khói tỏa ra lặng lẽ. Chị bước rón rén đến trước cửa bếp. Chị nhận ra bóng dáng quen thuộc của bà mẹ. Bà ngồi im lặng trước bếp lửa. Mái tóc bạc gần hết. Đôi vai nhỏ của bà như sụp xuống. Tự nhiên Thùy thấy ngại ngùng. Chị sẽ nói với bà như thế nào về mình? Trong lúc chị đang lúng túng thì bà quay lại. Chị nhận ra gương mặt nhỏ nhắn đầy phúc hậu của bà. Và trong một khoảnh khắc chị ngỡ mẹ chị đang ngồi đó.

- Cháu... cháu chào bác ạ - chị lúng túng.

- Chào cháu. Cháu hỏi ai đấy? - Giọng bà nhỏ và ấm như hơi lửa.

- Nghe bác ốm... cháu đến thăm bác...

- à, bác cũng đỡ rồi - Bà mỉm cười - cháu vào đây. Thế cháu là con nhà ai nhỉ?

- Cháu ở bên kia sông. Cháu... cháu làm ở trại tằm...

- Có phải cháu là bạn học của thằng Đán nhà bác không?

- Vâng... vâng ạ - Thùy nói dối bà mẹ. Gương mặt chị ửng đỏ.

- ờ bác cũng chẳng biết ai là ai. Thằng Đán nhà bác có khối bạn học thuở xưa ở bên đó. Lần nào về nó chẳng sang sông thăm bạn, thăm bè.

Nói rồi bà lấy ấm nước vối ủ trong giỏ rót cho chị một bát.

- Cháu uống nước đi. Từ lúc sinh ra cho đến giờ bác chỉ quen uống nước vối, lành lấm cháu ạ. Cũng may nhà trồng được một cây. Bác phơi khô rồi treo trên gác bếp. Lúc uống thì lấy xuống cho tiện, tuổi già leo trèo làm sao được.

Thùy không biết nói gì. Chị cứ ngồi im lặng nghe bà. Bao nhiêu điều dự định từ trước để nói chuyện với bà, chị quên biến cả. Một lúc sực nhớ, chị lấy những thứ quà chị mua biếu bà.

- Chết, tiền đâu mà mua thế này. - Bà kêu lên - Bác chỉ xin mấy thìa đường để nấu cháo. Còn đâu cháu mang về.

- Bác phải ăn chục trứng cho khỏe, không thì...

- Năm nay bác làm được chum tương. Thế là khỏi lo, ốm đau có cái mà ăn. Chiều ở lại ăn cơm với bác, hôm nay bác có đu đủ xanh kho tương.

Chị ở lại ăn cơm với bà mẹ. Hai người ngồi ăn cơm trong bếp. Chị luộc trứng gà và ép bà ăn. Mãi đến tám giờ tối chị mới về. Khi lên đến mặt đê, chị dừng lại nhìn sang phía nhà bà mẹ một lúc lâu. Gió đêm mát mẻ từ sông thổi tung mái tóc dài của chị.

Từ ngày đó, dăm ba ngày chị lại qua đò sang thăm bà mẹ. Lúc thì chị mang cho bà một bó củi dâu, lúc thì vài lạng nhộng của nhà máy, lúc thì vài ba lạng đường và có khi một hai bao diêm. Mỗi lần thấy chị sang, bà rối rít như đón đứa con gái của bà đi lấy chồng xa về thăm mẹ. Bà phần chị từng quả chuối, quả bưởi. Đôi lúc bà nấu cho chị một nồi nước lá bưởi với cây mùi khô. Dưới gốc bưởi bên bể nước nhỏ, bà tự tay dội nước cho chị gội đầu. Thỉnh thoảng nước vào mắt chị lại kêu lên nũng nịu bắt đền bà.

Cho đến một chiều chị ngồi nhìn sang con đường nhỏ và hỏi hộp chờ đợi. Khi con trâu xuất hiện ở chiếc cổng tre ngõ nhà bà mẹ thì chị nhắm mắt lại để đoán xem hôm nay bà mẹ sẽ mang theo quần áo để giặt hay rửa rau, khi chị mở mắt ra thì người đi theo con trâu không phải là bà mẹ mà là một chàng trai. Đi theo con trâu được một đoạn, anh nhảy lên lưng trâu và lấy hai gót chân thúc vào sườn con vật. Con trâu lồng lên, lao về phía bên sông. Đến mép nước con vật rống lên, và lao mình xuống sông, chàng trai bị văng ra khỏi lưng trâu rơi tõm xuống nước. "Như trẻ con ấy" Thùy khê kêu lên và bật cười khúc khích. Nhưng chờ mãi không thấy chàng trai đâu. Chị hoảng hốt đứng dậy. Chị đi như chạy và miệng thốt lên hoảng hốt "Kia kia". Chợt Thùy nhận ra anh từ dưới sông nhô lên ngay gần bên phần bờ chị đứng. Thùy nhoẻn miệng cười, nhưng tim vẫn đập hồi hộp, "Chắc anh ta là Đán. Thế là con trai của mẹ về thăm mẹ rồi". Chị thầm nghĩ và vô tình thấy lúng túng. Chị quay về phòng nấu cơm chiều.

Chàng trai mãi bơi lặn để con trâu bơi qua sông. Nó mò vào ăn mất một vạt dong riềng của các cô gái ở khu tập thể nhà máy tơ tằm. Các cô tóm lấy và buộc vào gốc nhãn trước cửa phòng Thùy. "Giữ con trâu này ở đây chúng mày ạ. Xem nhà nào đến nhận phạt cho một trận". Khi hoàng hôn đỏ xuống thì chàng trai đi tìm trâu.

- à trâu nhà cái anh này. Mau mau bỏ tiền ra phạt. - Các cô gái công nhân kêu lên.

Chàng trai chỉ cười.

- Giao cho chị Thùy giải quyết. Chị ấy là đội trưởng phụ trách kỹ thuật. - Một cô gái nói như ra lệnh.

- Đúng đấy - Các cô khác nhao lên tán thưởng.

- Trâu nhà anh đấy à? - Thùy bước ra hỏi. Chị nhận ra đó là chàng trai vừa làm chị hoảng hốt.

- Vâng. Tôi mãi bơi quá.

- Anh ở bên kia sông à? Anh tên là gì?

- Tôi là Đán. Nhà tôi ở bên kia.

- à, à... mà... - Thùy đỏ mặt. Chị cảm thấy như anh đã biết hết quan hệ của chị với mẹ anh - mà... lần sau đừng mãi chơi thế nhé.

- Tên chị là gì nhỉ?

- Tôi í à - Thùy định nói dối. Nhưng chị vẫn trả lời - Tôi là Thùy.

- Thùy - chàng trai như reo lên - Có phải chị hay sang thăm mẹ tôi. Mẹ tôi kể nhiều chuyện về chị lắm. Tôi nghĩ mãi mà không biết ai là bạn học của mình có tên là Thùy. Hóa ra là...

- Thôi, anh dắt trâu về đi.

- Tôi còn nghĩ dăm hôm. Mời chị sang chơi.

Thùy không nói gì. Chị cởi dây thừng buộc trâu đưa cho chàng trai. Rồi chị bước vội vào phòng.

Chiều hôm sau anh đi đò sang thăm chị. Anh vác một ba-lô đầy bưởi và ổi.

- Tôi mang sang để nộp phạt các chị.

Các cô gái reo lên ầm ĩ. Các cô nhào vào tranh nhau những quả ổi chín vàng. Và chỉ một loáng sau các cô gái đã biến mất sau những dãy nhà nuôi tằm. Chỉ còn lại Thùy và Đán ngồi im lặng trong phòng.

- Anh về thăm bác có lâu không? Anh đang đóng quân ở đâu ạ? - Thùy hỏi, phá tan bầu không khí im lặng.

- Tôi đóng quân ở Vĩnh Phú. Tôi về thăm mẹ được năm ngày.
- Bác ở nhà một mình buồn lắm. Sao anh để bác chăn trâu làm gì cho vất vả?
- Tôi viết thư nói mẹ tôi nhiều lắm. Nhưng mẹ tôi thích có bầu có bạn.
- Anh lấy vợ cho bác vui, rồi đi đâu cũng được. Nói xong chị thấy mình ngớ ngẩn. Và chị càng lúng túng.

Anh không trả lời Thùy. Anh im lặng và nhìn vào mắt chị. Cái nhìn đầy táo bạo và da diết.

- Bác có khỏe không? Lâu nay em cũng không sang. Mà có anh về rồi...
- Hôm nay Thùy sang nhé. Tôi đưa Thùy sang. Mẹ mong lắm.

Thùy không nói gì chỉ lắc đầu .

Đến khi gà lên chuồng Đán mới trở về. Thùy tiễn anh ra tận bến sông. Hoàng hôn đã nhuộm tím mặt sông. Phía dãy núi xa những ngôi sao sớm đã mọc. Khi nghe thấy tiếng mái chèo của con đò quấy nước đến gần. Thùy nhìn Đán và nói như bằng hơi thở. "Anh về đi, đò sang đây". Rồi chị bước vội lên đê. Chị ngồi xuống đám cỏ trên mặt đê nhìn sang bến bên kia. Chị chợt nghe một tiếng hú dài từ bờ bên kia vọng lại. Chị biết Đán đang gọi chị. Chị thèm khát được đứng lên kêu thật to "đây, em đây anh ơi?".

Buổi chiều trước ngày trở về đơn vị, Đán lại sang thăm Thùy. Vẫn một ba-lô đầy bươm và ổi anh mang theo. Các cô gái cùng khu nhà tập thể lại được bữa vui vẻ. Anh ngồi chơi và nói chuyện với chị đến khi trời tối. Khi anh về, Thùy tiễn anh ra tận bến đò. Họ không nói gì, chỉ đứng lặng nhìn nhau trong bóng đêm mờ mờ. Chợt Đán cầm lấy tay chị. Thùy run lên. Người chị bỗng chao đảo, chơi vơi. Chị như một cánh diều giấy mỏng manh trong cơn gió mạnh. Cánh tay chị như sợi dây điều nhỏ bé nằm trong bàn tay anh. Nếu lúc đó chị rút tay mình ra khỏi bàn tay anh, chị sẽ trở thành cánh diều đứt dây. Chị sẽ bị gió thổi tạt đi và rơi xuống một nơi nào đó không nơi nương tựa. Đán kéo sát chị lại gần. Chị thấy anh như bếp lửa của bà mẹ phủ ấm vào chị. "Anh muốn đưa em về ở với mẹ" anh thì thào. "Anh về đi kéo mẹ mong, nhớ viết thư về cho em" giọng chị run rẩy như oà vỡ. Nói xong, chị gỡ tay anh và lảo đảo đi lên mặt đê.

Một tháng sau chị nhận được thư anh. Buổi chiều đi làm về muộn chị thấy thư anh ai để ở trên gối đầu giường. Chị run rẩy mở thư "Thùy thương yêu..." chị không đọc tiếp được nữa. Chị cầm chặt lá thư trong tay và đi như chạy ra đê. Chị ngồi xuống cỏ. Từ đôi mắt to, đem thăm trào ra hai giọt nước mắt.

"Ơ... ơ... ơ!..."

Tiếng ai đó trên một chiếc thuyền dọc dưới bến sông âm vang da diết và rạo rực khôn cùng. Chị rút những lá cỏ đưa vào miệng. Cỏ ngọt ngào và nồng ngái. Chị ngồi mãi trên đê cho đến khi nghe các cô bạn gái đang nháo nhác hỏi nhau về chị, chị sung sướng đứng dậy về nhà. Khoảng sáu tháng sau anh về phép trước khi đơn vị anh đi Cam-pu-chia. Tối tối anh sang thăm chị. Có một đêm anh đưa chị xuống bến và nói thào vào tai chị. "Đêm nay anh đưa em đi chơi thuyền, hơn thuyền Hồ Tây nhiều". "Anh lấy thuyền ở đâu đấy?". "Anh mượn của ông lái đò. Tối rồi không có khách nữa đâu". Nói rồi anh bé xốc chị lên thuyền. Con thuyền tròn trành, chị ôm chặt lấy cổ anh. Anh đặt chị ngồi xuống sàn thuyền và đẩy sào. Anh đẩy thuyền

rất thạo. Con thuyền êm ả rời bờ và lặng lẽ trôi xuôi.

- Lại đây với em - chị gọi khẽ.

Anh gác sào lên dọc mạn thuyền và bước lại phía chị.

- Em yêu anh - chị nói và ghì đầu anh vào ngực mình - nhiều lúc em mơ thấy anh... chết. Em sợ quá và khóc mãi.

- Chết thế nào được anh - Anh nói và cười trong ngực chị - Có em rồi anh chẳng làm sao mà chết được.

- Mẹ biết thế này mẹ sẽ máng em mắt.

- Mẹ yêu em lắm. Yêu hơn cả anh nữa đấy.

"Ơ... ơ... ơ..." tiếng một ai đó trên một chiếc thuyền dọc ngân lên. Dòng sông tiếp lấy tiếng "Ơ... ơ... ơ...", nửa như một câu hò, nửa như một tiếng gọi và chờ mãi ra cửa biển.

Cả hai người áp vào nhau im lặng. Họ chỉ nghe thấy tiếng thở của nhau và hình như có tiếng cá ăn đêm quấy mơ hồ trên mặt sông.

- Tết năm tới; anh sẽ về cưới em.

- Thế anh đón cô dâu bằng gì nhỉ? - Thùy hỏi.

- Anh sẽ thuê một trăm chiếc đèn lồng để đón dâu.

- Thế thì đẹp lắm.

- Anh sẽ cho cắm những cây sào dài từ bên nhà anh sang bên này. Trên mỗi cây sào sẽ treo một bánh pháo. Thuyền cô dâu đi đến đâu thì đốt pháo đến đó.

- Đốt nhiều thế phí tiền lắm. Mẹ làm gì có tiền.

- Anh muốn em đẻ cho anh một trăm đứa con. Năm mươi đứa ở bên bờ bên này trồng lúa, năm mươi đứa trồng dâu ở bên bờ bên kia, như là Âu Cơ ngày xưa ấy.

- Đẻ nhiều thế không đủ nước sông cho chúng nó uống... Thuyền trôi đến đâu rồi anh?

- Gần đến bến Tía rồi.

- Cũng xa nhỉ.

Sương đêm mờ như khói. Giữa dòng sông họ không nhận thấy đôi bờ. Thuyền như đang trôi ở một chân trời nào đó. Lúc đó họ cảm thấy họ đã tan thành sương đêm. Nhẹ bồng và miên man. Tất cả cảnh vật quanh họ và cả chính họ cũng không còn, như tan vào nhau. Cả hai không thể nào nhận ra mình nữa. Họ thấy dòng sông đang dâng lên. Con thuyền đang dâng lên và đôi bờ đang rộng như đôi cánh nâng họ bay lên gần mãi những vì sao khuya như không có thật. "Anh... anh ơi". Đó là âm thanh duy nhất có thực. Âm thanh ấy bay lên từ những cơn mơ của mặt đất. Và chính lúc thốt lên tiếng gọi ấy, Thùy thấy hiện lên một bên bờ bên kia năm

mười đứa con của họ đang trồng lúa, và bờ bên này năm mười đứa con của họ đang trồng dâu.

Và rồi một đêm sau này, khi Đán đã đi vào phía Nam, Thùy chợt tỉnh giấc. Chị đặt tay lên bụng và nhận biết rằng những đứa con ước mơ của họ đang lớn lên từng ngày. Chị hạnh phúc. Niềm hạnh phúc không giống bất cứ một hạnh phúc nào. Chính niềm hạnh phúc quá lớn lao và thiêng liêng ấy làm chị quên đi tất cả những lời dị nghị.

Lâu không thấy Thùy sang, bà mẹ lo lắng. Bà đi dò sang thăm Thùy. Thùy ôm lấy bà khóc:

- Con đã có mang với một người mà con yêu hơn ai hết. Mẹ đừng mắng con, mẹ nhé.

- Con người là quý nhất - Bà nhìn chị nhân hậu và độ lượng - Đừng lo nghĩ gì cả, mẹ hiểu con, cố mà ăn uống cho đứa bé nó khỏe.

Đôi ngày bà lại sang thăm chị. Bà mang chuối, mang trứng để chị bồi dưỡng. Chị không nhận và nói thế nào bà cũng không nghe. Bà không hỏi gì chị về người đàn ông đã chung sống cùng chị. Mặc dù bà không nghĩ rằng người đàn ông mà Thùy yêu say đắm đó là con trai bà.

Nhưng rồi đến một ngày bà không thể sang thăm chị được nữa. Chiến tranh đã cướp mất đứa con trai duy nhất của bà. Cũng chính trong thời gian đó Thùy trở dạ. Và chị đã sinh ra hai đứa bé, một trai một gái. Hai đứa bé khỏe mạnh khôi ngô.

Khi nghe tin Thùy sinh con, bà mẹ sang thăm Thùy. Bà không biết mối quan hệ giữa con trai mình và Thùy. Bà buồn bã cho Thùy biết cái tin khủng khiếp của mình. Lúc đó chị đang cho con bú. Chị rú lên rồi đổ xuống giường. Đứa trẻ đang bú dở mất vú mẹ cũng thét lên.

Những ngày sau này chị sống như điên dại. Nhiều đêm chị bế cả hai đứa con ra bến sông. Chị tìm kiếm một chiếc thuyền nếu ai vô tình bỏ quên bên mép nước chị sẽ đặt hai đứa con vào lòng thuyền. Còn chị đứng ở mũi thuyền để đẩy sào. Chị tin con thuyền kia sẽ lại đưa chị và các con chị trôi vào một chân trời sương khói thuà trước. Ở đó chị sẽ gặp Đán, gặp Đán rồi chị sẽ ghé thuyền vào hai bờ sông và đặt mỗi đứa lên một bờ. Một đứa con chị sẽ trồng lúa để ăn, còn đứa kia sẽ trồng dâu nuôi tằm dệt vải. Rồi chị sẽ cùng anh trên chiếc thuyền đó nằm ôm nhau ngủ vĩnh viễn. Con thuyền sẽ trôi theo sông, ra biển. Họ sẽ biến thành những đám mây trở về bến cũ, hóa thành mưa cho hai đứa con của họ lấy nước trồng lúa, trồng dâu.

Nhưng mỗi lần ra đến bến sông chị lại nhận ra ánh lửa đêm từ phía ngôi nhà bà mẹ. Và trong trí óc chị lại hiện lên chói chang con đường đỏ phù sa, bóng dáng gầy yếu của bà, một bếp lửa buồn, một ngọn khói chiều âm thầm bay lên. Những điều ấy dội vào trái tim chị nhưức buốt. Bao nhiêu lần chị muốn chạy ào qua sông để vồ ôm lấy bà mẹ. Chị sẽ mang những đứa con của chị - Những giọt máu của dòng họ bà - về cho bà. Nhưng không hiểu lý do gì đã giàng giữ chị.

Và mỗi ngày chị vẫn thấy bà mẹ chiều chiều xuống bến. Lưng bà mỗi ngày càng xuống. Bước chân bà mỗi ngày một chậm chạp hơn. Tóc bà mỗi ngày bạc trắng. Tất cả những hình ảnh ấy làm chị thấy có lỗi với bà.

Thùy ngồi dậy trong đêm. Càng ngày chị càng nghe rõ hơn tiếng gọi chị âm thầm và đau khổ. Tiếng gọi đã đến bến sông gần lắm rồi. Tiếng gọi đã thôi thúc chị. Đôi lúc chị thấy tiếng gọi ấy như tiếng của bà mẹ, đôi lúc như của Đán, đôi lúc như của dòng sông. Có đêm chị mơ thấy năm mười đứa con của chị quỳ sụp xuống chị cầu xin chị cho chúng về bến bờ bên kia.

Thùy lần tay tìm diêm. Chị bật diêm châm đèn. Chị cầm ngọn đèn dầu soi lên gương mặt hai đứa con đang ngủ ngon lành. "Mẹ sẽ đưa các con về bên sông với bà". Chị thì thầm. Rồi chị mở cửa bước ra ngoài. Mưa bụi mỗi một đêm lại ẩm hơn. "Ngày mai đã 30 Tết rồi" Chị nghĩ "Ngày mai mẹ sẽ đưa các con về với bà" chị thầm hứa "Trời đã sắp sáng rồi" chị đoán. Và chị vội vàng quay vào nhà. Chị vặn to ngọn đèn. Chị vội vã xếp quần áo của hai đứa con và chị vào chiếc va li cũ kỹ. Xong đâu đấy chị bước lại chiếc bàn nhỏ và ngồi xuống. Chị gỡ chiếc gương treo trên song cửa sổ. "Ngày mai mình đi làm dâu". Chị mỉm cười hạnh phúc và đau đớn. Ngày yêu nhau, chị mơ đến ngày cưới. Chị sẽ ăn mặc thật giản dị và đẹp. "Anh sẽ thuê một trăm chiếc đèn lồng để đón dâu". "Anh sẽ cho cắm những cây sào dài từ bên nhà anh sang bên nhà nàng. Trên mỗi cây sào sẽ treo một bánh pháo. Thuyền cô dâu đi đến đâu thì đốt pháo đến đó." Nghĩ đến đó gương mặt chị trong gương nhòa đi. Đôi vai chị rung lên. Rồi chị vội vàng lau nước mắt. Chị vội vàng chải tóc. Chị vội vã tìm chiếc áo đẹp nhất và mặc vào. Chị lấy chiếc cặp tóc anh mua tặng chị trong lần về cuối cùng và cặp lại mái tóc dài của chị. Chị vội vã như sợ không kịp giờ đón dâu.

Ngoài kia mưa xuân đang ngàn ngạt bay.

Tiếng đập cánh của chim thần

Duyên mở cửa sổ nhìn sang nhà Lợi ở phía bên kia hàng rào râm bụi. Lợi chưa về, ngôi nhà vẫn đóng cửa. Bếp không một sợi khói. Trời vẫn mưa sấm sùi. Mưa đã hơn một tuần nay rồi. Nước sông lên cao. Hàng năm cứ vào mùa mưa, con trai làng nghỉ việc để ra sông. Dọc bờ sông làng, họ đóng bè, vó và thả câu. Hàng dàn câu dài, đen bóng, cắm sát mép nước. Những chiếc phao ngô khô nổi bồng bênh trên mặt sông ngẫu đỏ. Họ nhỏ những gốc ngô bãi để lấy mỗi câu. Những con giun sông mình giáp như vỏ quả đậu tương nằm cuộn tròn trong đám rễ ngô... Mùa nước năm nào Lợi cũng ra sông. Thường đến đêm anh mới trở về. Anh đứng bên kia hàng rào gọi Duyên, và đưa biểu mẹ cô một con cá chép sông lớn nhất trong số cá câu được, những con chép sông mình dài, vẩy vàng óng, cứng hơn vẩy chép ao, quấy bần bật trên tay Duyên xách con cá và rối rít:

- Sao anh về muộn thế! Anh sang mà ăn cơm đi kéo muộn. Mẹ phần cơm anh đấy. Mẹ Ơi! - Duyên vừa chạy vào nhà vừa gọi - Anh Lợi lại cho con cá này. úi giờ, quấy khiếp thế. Nhà Lợi cách nhà Duyên một khoảnh vườn nhỏ. Anh sống độc thân. Lẽ ra thì anh đã trở thành con rể của gia đình Duyên. Chiến tranh đã cướp mất Dịu, chị ruột Duyên. Ngày ấy, trước khi nhập ngũ, hai người đã làm lễ ăn hỏi. Gần một năm sau họ xin phép gia đình làm lễ cưới. Cả hai người bàn với nhau và gia đình về ngày cưới qua những bức thư thời chiến. Trước ngày cưới ít hôm, Dịu băng gần một trăm cây số từ đơn vị về nhà. Nhưng đến đêm trước ngày cưới vẫn không thấy Lợi về. Nhà trai một mặt vẫn cho dựng rạp, mặt khác cho một người trong họ đạp xe đến nơi đơn vị Lợi đóng quân để đón anh. Tới nơi, đơn vị thiết giáp của anh đã chuyển quân đột xuất vào phía nam từ hai ngày trước đó. Khi hai gia đình biết tin đó thì Dịu chạy vào buồng nằm khóc. Duyên lặng lẽ ngồi xuống mép giường quạt cho chị suốt đêm. Sáng hôm sau, Dịu xách ba-lô trở về đơn vị.

Bốn năm sau, gia đình Duyên nhận được giấy báo tử Dịu. Mẹ Duyên ngất đi nhiều lần, cứ mỗi khi tỉnh lại bà lại gào khóc gọi tên Dịu và Lợi, trên chiếc giường trước kia Duyên ngồi quạt cho Dịu, đêm ấy cô ngồi khóc lặng lẽ và quạt cho mẹ.

Hai năm sau ngày đất nước thống nhất, Lợi mới trở về. Thoạt đầu người làng không kịp nhận ra anh. Hai bàn tay và mặt anh đầy sẹo bỏng na-pan. Mẹ Duyên ôm lấy anh khóc. Lúc ấy anh mới được biết Dịu đã hy sinh. Từ ngày đó anh sống như con của gia đình Duyên, nhất là sau ngày mẹ anh qua đời. Ngày nào không thấy anh sang, bà mẹ lại bắt Duyên đi tìm anh. Những buổi không lên lớp cô thường sang nhà Lợi giúp anh dọn dẹp nhà cửa, cơm nước hay giặt giũ. Thường đêm anh sang nhà Duyên ngồi hút thuốc vệt và nghe mẹ Duyên thủ thỉ đủ thứ chuyện.

Cuối cùng thì bà giục anh lấy vợ. Bà kể tên các cô gái nết na trong làng. Những lúc ấy, qua ánh đèn dầu Duyên lại thấy anh mỉm cười, gương mặt méo đi đau khổ đến nỗi Duyên không dám nhìn nữa. Cô lặng lẽ vào buồng mở tập giáo án ra. Nhưng tâm trí cô lại để ở một nơi nào đó mông lung, xa thẳm. Những lúc ấy lòng Duyên trào lên một cảm giác lạ, nửa như nỗi buồn, nửa như lo lắng, hoảng hốt khi nghĩ đến một ngày kia anh đi lấy vợ. Cô cố gạt mình ra khỏi cảm giác ấy. Nhưng mỗi khi gặp Lợi thì ý nghĩ ấy lại ùa đến dần vật dai dẳng trong cô mà cô không sao giải thích được.

Duyên khép cửa sổ xuống bếp.

- Anh Lợi chưa về mẹ ạ - Cô nói và ngồi xuống bên mẹ - Suốt ngày câu với kéo, cứ như trẻ con ấy.

- Con lấy cái gì mà mang cơm cho anh - Bà mẹ lo lắng - Hôm qua thấy nó sụt sịt. Mưa gió thế này ốm thì khổ.

Duyên cho cơm và thức ăn vào chiếc hăng-gô cũ đã tróc gần hết sơn. Cô khoác áo mưa ra bến. Trời đã mờ tối. Cuối bãi sông làng thấp thoáng bóng người. Duyên nhìn mãi không nhận ra Lợi, bèn gọi:

- Anh Lợi, anh Lợi...

- Anh đây. Duyên ơi. Chỗ này này.

Duyên theo hướng tiếng gọi tìm đến. Lợi nhoèn cười nhìn cô, bàn tay anh nhợt nhạt vì nước mưa.

- Em mang cơm cho anh đây. Anh đang mệt mà cứ dầm mưa gió thế này... Thôi anh đi về đi. Em nhỏ cần câu nhé.

- Ầy đừng. Chiều nay nước về nhiều, sẽ gặp đàn chếp cụ đầu nguồn đấy. Chỉ cần hai con cần câu là đủ.

Lợi nói và cười vang đầy hứng thú, tự tin.

- Thèm vào ăn - Duyên giận dỗi nguyệt Lợi - Chả bỏ ốm.

Bỗng cô bắt gặp đôi mắt Lợi rục lên. Gương mặt anh nhợt nhạt trong bóng tối dưới vành mũ. Con mắt như đôi môi mấp máy định nói điều gì.

"Lợi ơi! Anh Lợi. Bắt cho em con cào cào này. Nhanh lên, nhanh lên, Lợi...". Trong ký ức Lợi chợt vang lên tiếng gọi của Dịu bao nhiêu năm về trước. Nghe tiếng gọi, Lợi chạy như băng qua những luống ngô cao ngút đầu. Lá ngô phất vào anh ràn rạt. Giữa bãi ngô rộng ven sông, Lợi ôm ghì Dịu vào lòng. Anh hôn lên trán, lên mắt, lên cổ người yêu. Con cào cào trong tay Dịu thừa cơ bay vù lên. "Ồi, mất rồi!". Dịu kêu lên thẳng thốt. Con cào cào xòe đôi cánh mỏng lấp lánh bay lên. Cả hai ngẩn ngơ nhìn theo cho đến khi tiếng những người xã viên bẻ ngô đến gần. Lợi búng vào mũi Dịu rồi biến mất vào bãi ngô. Một lát sau Dịu nghe tiếng anh vang lên ở phía lũ trai gái cùng đội sản xuất.

Bây giờ làng vẫn trồng ngô bãi. Nhưng Dịu thì mãi mãi không trở về. Chiều nay nghe tiếng Duyên, lòng Lợi cứ vang lên tiếng Dịu gọi thuở xưa. Và đâu đây, trong tiếng mưa sông rả rích Lợi như nghe thấy tiếng xòe cánh của hàng trăm con cào cào.

- Ôi, mẹ cần thận quá - Lợi như chợt tỉnh, vội vàng mở nắp hăng-gô - Đói quá. Em ăn đi, ăn cùng anh cho vui.

Duyên không trả lời. Cô im lặng nhìn vào mặt sông, nơi có những chiếc phao câu làm bằng cuống hoa ngô khô, mờ trắng bồng bênh.

Đêm khuya Lợi mới trở về. Duyên đốt lửa cho anh đỡ lạnh. Hơi lửa ấm chia đều cho họ. Cả hai ngồi im lặng. Bóng họ lung linh trên tường, lúc chập vào lúc tách ra. Trong chiếc chậu sành, những con chếp sông nằm thờ. ánh lửa hắt vào làm mắt chúng long lanh như ngọc. Lợi tỉnh giấc và ngờ ngàng nhận ra trời đã sắp tối. Buổi trưa anh thấy người đau ê ẩm. Anh chẳng buồn nấu nướng gì và cứ lẩn ra ngủ. Công việc gạt hái đã xong rồi. Anh tự cho phép mình yên tâm ngủ. Lâu lắm rồi anh mới ngủ một giấc ngày dài. Lợi dậy ra sân. Cả sân rơm phơi đã được dọn gọn ghẽ. Trong bếp lửa đã nhóm. Anh biết Duyên đã dọn dẹp và nấu cơm cho mình. Bao nhiêu năm nay rồi, Duyên thường xuyên đỡ dần anh như thế. Anh ra giếng kéo nước vỗ lên mặt. Nước lạnh làm anh nhẹ nhõm lạ thường. Lợi bước vào bếp. Duyên đang ghé

cơm trong nồi. Mái tóc dài của cô được búi gọn để lộ tám lưng thon thả, nói lên sự khéo léo, dịu dàng của cô Cơm cạn, cô gạt than và khẽ nghiêng người về phía cửa.

- Dịu... ịu...

Lợi hoảng hốt kêu lên. Hoàng hôn thoảng những khoảng tối mờ trên khuôn mặt Duyên.

Gương mặt hiền như một lá trầu của cô cứ ảo mờ trước anh. Đó là Dịu, trời ơi, làm sao lại không phải là Dịu. Một cảm giác đau đớn ủa vào anh. Nỗi đau giật khuôn mặt anh méo xệch. Những vết sẹo nóng bỏng như than củi. Không phải bây giờ anh mới cảm nhận thấy điều ấy. Bao nhiêu năm nay rồi, anh luôn giật mình khi chợt nghe thấy tiếng cười của Duyên, khi chợt bắt gặp khuôn mặt Duyên trong khoảng khắc hay khi bóng Duyên thoáng qua hàng rào thưa vào ngõ anh. Anh cứ ngỡ Dịu về. Cảm giác ấy không đến từ từ mà nó lóe lên như một tia chớp rồi để lại cho anh đầy kinh hoàng đau khổ, bao năm nay rồi, cảm giác ấy trong một thoáng đốt nóng những vết sẹo bỏng bom na-pan trên cơ thể anh như đến hàng ngàn độ. Điều ấy làm anh sợ bắt chợt gặp Duyên, nhưng chính nó lại kéo anh ngày càng gần cô mà anh không cưỡng nổi. ý nghĩ anh đã hàng trăm đêm phải vật vã chống lại trái tim anh. Và một điều làm trĩu nặng, đau khổ là Dịu đang còn sống kia mà sao anh chẳng dám đến. Có những đêm trăng anh tỉnh giấc mở cửa ra ngoài; Anh đến bên thềm giếng. Người anh mê man trong muôn vãn ý nghĩ. Anh nhìn xuống đáy giếng. Một khoảng tròn im lặng, xa vời, thăm thẳm. Đã bao lần anh cảm thấy mình sắp sửa bước qua thềm giếng và cái khoảng lặng im, thăm thẳm xa vời kia sẽ êm ái đón anh về. Nhưng khi chạm tay vào thành giếng mát lạnh thì anh lại dần dần hồi tỉnh. Anh buồn bã nhìn qua khoảng vườn vào nhà Duyên. Anh cảm thấy có ánh đèn chiếu qua khe cửa sổ phòng cô ánh đèn mơ hồ mà ấm áp kia thổi hơi nóng vào anh. Hơi lửa mỏng manh cứ nóng dần, nóng dần cho đến khi những vết sẹo trên mặt anh bỏng rát.

Duyên vẫn ngồi bên bếp lửa đã cời than nhìn Lợi. Trong bóng tối của gian bếp nhỏ, những hòn than nhấp nháy như một vùng sao ấm áp. Cô nhận ra sự thay đổi kinh hoàng trên gương mặt Lợi. Cô đã nghe thấy tiếng anh gọi tên người chị ruột của mình. Và cô hiểu ra tất cả. Một lát sau cô đứng lên, nói vội vã, nghẹn ngào tưởng như không nói thật nhanh thì cô sẽ òa khóc.

- Em về đây. Anh đợi cơm chín thì ăn cho nóng.

Ra khỏi ngõ nhà Lợi, Duyên đi như chạy. Về đến cửa ngõ nhà mình, cô đứng lại khóc. Tất cả nỗi nhớ thương người chị đã hy sinh ngày tháng thồn thức trong cô Mỗi lần đi dạy học hay đi đâu về đến cửa ngõ cô cứ thảng thốt. Cô cảm thấy Dịu đang đứng ở đâu đó quanh cô, trên tay cầm cái cặp tóc mới, hay đôi khuyên bằng vàng giả, thường cho cô Tất cả những kỷ niệm ấu thơ về người chị đã thấm vào máu thịt cô Bây giờ đã trưởng thành, cô nhận cảm được mọi điều. Duy chỉ có một điều cứ dằn vặt, buốt nhói trong cô Đó là ngày chị cô băng gòn 100 cây số về nhà chờ Lợi tổ chức lễ cưới. Rồi Lợi không về. Rồi Dịu xóc ba-lô đi vào mặt trận. Từ đó họ chẳng được gặp nhau một lần. Giá chỉ một lần Dịu được gặp Lợi thì có lẽ bây giờ lòng Duyên đỡ thương đau hơn.

Lợi từ cây ổi còng nhảy xuống đất. Hai tay anh giữ chặt những quả ổi vừa hái. Anh sung sướng đưa những quả ổi cho Duyên. Duyên đưa hai bàn tay đón lấy và kêu lên thích thú như một đứa trẻ:

- Ôi, thích quá!

Nhưng Duyên bỗng im bật. Cô vội ngẩng lên và thấy khuôn mặt Lợi cúi sát nhìn cô Hai bàn tay Lợi bóp chặt đôi bàn tay bé bỏng của cô Cô giật mình nhận ra có một ngọn lửa đang réo cháy và quần chặt vào đôi bàn tay cô Cô lại ngẩng lên và nhận thấy đôi mắt Lợi mở to hoang dại và đau khổ:

- Anh - Cô hoảng hốt kêu lên và cố rút đôi bàn tay mình đang giữ những quả ổi găng chín vàng ra khỏi đôi bàn tay Lợi.

- Anh... Anh... yêu em. Lợi nói, mặt anh méo đi. Những vết sẹo trên mặt anh như đang quần quại. Chợt anh buông tay mình ra thờ hỏn hỏn. Duyên lặng người nhìn anh rồi vùng bỏ chạy. Khi cô chạy ra con đường đất đầu ngõ thì gió nổi lên. Duyên cảm thấy rùng mình. Cô đứng lại. Từ phía trước con đường có một người con gái lướt nhẹ nhàng trên mặt đường như một cảnh phim quay chậm và mái tóc như một dải mây dài bỗng bành trôi theo. Đến trước Duyên, người

con gái dừng lại. Mái tóc như một ngọn sóng đập vào bờ tung lên rồi đổ xuống phủ kín gương mặt chị. Chị khẽ khàng đưa tay lên gỡ mái tóc. Một khuôn mặt con gái như một mảnh trăng hiện ra. Duyên kinh hoàng kêu lên: - Trời ơi! Chị Dịu.

Rồi như chợt nhận ra điều gì, cô quỳ xuống. Hai tay vẫn còn giữ nguyên những trái ổi gang chín vàng run rẩy đưa ra trước người con gái:

- Chị, chị Dịu. Đừng giận em - Cô òa lên khóc như một đứa trẻ - Của chi... của chị mà... em... em không... em không... chị Dịu ơi!

- Em tội nghiệp của chị - người con gái vẫn đứng thế, nói - Của em đấy. Của em thật mà. Sao em lại khóc. Chị về mừng cho em... Duyên ơi! Chị mừng lắm.

Duyên nấc lên và đưa hai bàn tay ôm lấy mặt. Những quả ổi rơi xuống đất lăn vào đám cỏ bên đường. Dưới nắng chiều đang tắt, những quả ổi ánh lên như những giọt mật ong.

Đêm ấy, trong giấc ngủ chập chờn, cô nghe văng vẳng bên tai mình tiếng ai gọi:

- Dịu... Dịu... Dịu...

Duyên choàng tỉnh giấc. Cô ngỡ mình mơ ngủ. Nhưng có tiếng gọi thật. Tiếng gọi của một người đàn ông từ phía bên kia bờ rào sau cửa sổ phòng cô, đang gọi chính tên cô:

- Duyên! Duyên!

Duyên nín thở lắng nghe và nhận ra đó là tiếng Lợi. Tiếng gọi thật chứ không phải trong mơ. Cô ngồi thu mình trong bóng tối, môi cắn chặt ghim tiếng khóc. Một lúc lâu sau cô khe khẽ nằm xuống. Nhưng khi vừa chợp mắt, cô nghe thấy tiếng gọi văng lên gấp gáp, khổ đau:

- Dịu... Dịu... Dịu ơi!

Cô hốt hoảng choàng dậy và lại nghe rõ tiếng gọi chính tên mình, cô trở dậy thắp đèn và đốt một nén hương đặt lên bàn thờ. ánh đèn tỏa một vàng sáng chập chờn lên tấm ảnh Dịu. Cô đưa hai bàn tay áp lên ngực, thì thào:

- Chị Ơi! Chắc chị đã nghe thấy tất cả và chị biết được tất cả rồi. Chị tha thứ cho em. Em thương chị và thương anh Lợi quá. Nhưng em không... không đâu mà. Tất cả đã thuộc về chị. Em... Em khổ quá chị Ơi.

Một buổi sáng thức dậy, Duyên nhận thấy trên bậu cửa sổ ai đó đặt một mảnh giấy nhỏ và chèn một hòn sỏi lên trên. Duyên linh cảm thấy một điều gì đó. Cô run run cầm mảnh giấy và đọc:

"Duyên thương yêu!"

"Như vậy em đã hiểu được anh sẽ nói gì em trong lá thư này. Anh chẳng có tội khi nói ra sự thật của lòng anh. Nhưng anh có tội vì suốt đời sẽ làm cho em phải trần trở vì điều anh nói: Anh yêu em. Như vậy anh có phải là kẻ có tội không? Kể cả lúc bình tĩnh nhất anh cũng không tin câu trả lời của anh là đúng. Điều gì đã dẫn anh đến với em. Đó là Dịu. Lúc nào anh cũng thấy rằng: Mọi điều em đã dành cho anh là do Dịu mách bảo. Anh cần Dịu, một Dịu ở trong em, ngoài ra không có gì giúp anh được nữa. Dịu không chết, mãi mãi không. Nhưng Duyên ơi sự thật thì Dịu đã mất rồi...".

Duyên không đọc tiếp được lá thư, cô gấp lá thư âm vì sương đêm lại và lặng lẽ bước ra khỏi nhà. Duyên theo con đường mọc đầy cỏ đuôi chó đến khu vườn bên kia bờ đầm trước nhà cô. Khi bàn chân cô đặt lên thảm cỏ dày của khu vườn hoang ấy thì lòng cô bỗng trào lên cảm xúc mãnh liệt. Gai cỏ sắc và mỏng cứa vào bàn chân cô một cảm giác vừa hạnh phúc vừa khổ đau.

Gió thu từ cánh đồng lướt qua mặt đầm còn lác đác hoa súng tím thối vào khu vườn, cô nghe có tiếng hát ở trên cao và tiếng lá của những cây phù dung già xào xạc như có đôi chim nào đó vừa về. Từ trong ký ức linh thiêng và nức nở của cô lại hiện lên hình ảnh rực rỡ và mỏng như pha lê của Lợi và chị cô.

Thuở ấy, Duyên còn là một cô bé học trò đầy thơ mộng.

Những buổi trưa không ngủ, cô thường trốn bố mẹ cùng mấy đứa bạn hàng xóm bí mật xuống khu vườn. Khu vườn hầu như ít ai đặt chân tới. Cô cùng bạn bè rón rén đi trong khu vườn đầy những tổ chim các loại. Mùa chim làm tổ, lũ trẻ thường lấy trộm những mẫu vải màu rực rỡ của mẹ và các chị, đặt lên cỏ cho bầy chim tha về làm tổ. Có nhiều buổi chúng nằm trên cỏ thì

thăm trò chuyện và ngủ quên đến xế chiều mới tỉnh giấc. Lúc đó bầy chim đi kiếm ăn đang về tổ và khu vườn hoang bắt đầu dâng lên hương giảnh giảnh - một loại hoa hay mọc ở bờ đầm, bờ ao, cánh nhỏ, trắng ngà. Hoa giảnh giảnh thơm đậm vào xế chiều. Hương giảnh giảnh tựa như hương của hoa huệ, nhưng mềm hơn, sâu hơn và thồn thức hơn.

Một buổi trưa lũ trẻ phát hiện có một ổ cỏ khô mịn màng ở góc vườn bên cạnh những bụi hoa giảnh giảnh. Chúng thì thầm với nhau về ổ cỏ khô ấy. Cuối cùng tất cả quả quyết rằng đây là tổ của một đôi chim thần. Và thế là chúng nhớ lại có những buổi trưa trời bỗng xanh thắm, nắng ngọt ngào và đầy hương thơm, không gian có gì đó cứ xào xạc mơ hồ. Những lúc ấy tất cả chột lẳng xuống và lũ trẻ cảm thấy chúng đang trôi trên cỏ. Sau này bọn trẻ cho những phút đó là lúc đôi chim thần bay về khu vườn. Rồi một lần trong lúc lũ trẻ đang ngồi dưới gốc phù dung ăn chua me đất với muối thì chúng nghe thấy có tiếng động. Chúng vội nấp mình sau một bụi gai hồi hộp. Từ phía sau vườn bên kia có tiếng cười khúc khích và Dịu hiện ra. Dịu mặc một chiếc áo hoa đỏ, mái tóc vừa gội xõa kín đôi vai nhỏ. Dịu đi rón rén lại phía ổ cỏ khô và ngồi xuống, mặt ngửa lên trời, đôi mắt nhắm lại như ngủ. Rồi Lợi cũng từ phía ấy bước ra. Anh đến quỳ xuống trước chị và chờ đợi. Một lúc sau Dịu mở mắt nhìn Lợi và cười. Lợi bỏ lại gần chị và hôn lên những sợi tóc trên vai chị. Dịu co vai lại và cười khúc khích. Tiếng cười như không phải của chị mà là của thiên nhiên ngân vang và ngọt ngào đến lạ lùng. Lợi từ từ đứng dậy đi lại bụi hoa giảnh giảnh. Anh ngắt một vốc hoa rồi vừa đi quanh chị vừa thả từng bông hoa nhỏ, trắng ngà trên người chị. Dịu ngồi im mặt ngửa lên trời, đôi mắt khép lại như ngủ. Những bông hoa lấp lánh rơi như vô tận, như không ngừng.

Đến bây giờ đã mười mấy năm trôi rồi. Khu vườn vẫn còn đó dấu cỏ xơ xác. Bây giờ Duyên đang bước đi nhẹ nhàng về phía góc vườn có ổ cỏ khô thuở trước. Đến góc vườn cô dừng lại như để thở rồi run rẩy đặt lá thư xuống thảm cỏ dày đầy gai. Bỗng cô nghe trên cao có tiếng đập cánh khê khàng của bầy chim. Nắng thu đang lấp lánh soi xuống khu vườn như những bông hoa giảnh giảnh. Cô nhận thấy cả khu vườn đang dâng lên hương giảnh giảnh ngào ngạt. Và quanh cô, những tổ chim cũ xơ xác, phập phồng thờ. Cô đứng lặng một hồi lâu. Khi cô vừa quay lại thì nhận ra Lợi đang đứng ở mé vườn bên gốc phù dung già từ khi nào đang nhìn cô. Cô bước lại gần anh. Cô nhìn anh lòng đầy yêu thương và đau khổ.

- Dịu. Lợi run rẩy gọi. Tiếng anh nghẹn đắng.

Tiếng gọi ấy như từ ổ cỏ khô mềm mại góc vườn, từ một căn hầm Trường Sơn triền miên rung trong tiếng bom goạc, từ bãi ngô ven sông mùa thu vọng về. Chưa bao giờ Duyên bình tĩnh như lúc này. Bình tĩnh đến nỗi cô như nhìn thấy những mạch máu nhỏ li ti ở bên trong những vết sẹo bỏng bom na-pan trên mặt Lợi đang tung ra như những chùm pháo hoa bầy sắc. Cô nghe bên tai mình một giọng nói ảm áp đang thì thầm: "Em thưa đi Duyên, thưa đi em". Cô từ từ đặt bàn tay mình lên ngực Lợi. Từ lồng ngực bên kia, trái tim Lợi đang đập mạnh rung cả người cô. Bây giờ cô cảm thấy đầy đủ nhất nỗi đau của anh. Cô nhận thấy tình yêu của anh đối với chị cô mãnh liệt đến chừng nào, đến mức nó không cho phép anh được nghĩ rằng chị cô đã chết. Tiếng anh gọi chị trước cô bao lần không phải là tiếng gọi mê sảng. Tiếng gọi ấy là tiếng đập của trái tim để minh chứng cơ thể kia còn tồn tại. Nếu thiếu tiếng gọi ấy nghĩa là anh không còn tồn tại và nếu cô đi khỏi tiếng gọi của anh thì một lần nữa anh sẽ phải chịu đựng nỗi đau mất Dịu đến kinh khủng. Anh sẽ bị ném ra khỏi con thuyền của lòng tin xuống đại dương của sự khổ đau và thất vọng không có bến bờ.

Duyên bước lại gần anh hơn nữa và ngả đầu vào ngực anh. Cô thấy những sợi tóc của cô khe khẽ bay đi và có những sợi tóc óng dài từ rất xa như những sợi mây mỏng bay về cứ dần dần thay vào chân tóc cơ thể cô, cô thấy da thịt cô đang tan dịu dàng, mát rượi và những tế bào mới vô hình từ nắng, từ gió, từ cỏ cây, đất đai đang dâng lên cho cô đầy đặn, ngọc ngà. Và tất cả những khái niệm của cô về chính con người cô của hơn hai chục năm qua cũng đang hồi hải đảo thay để cho cô kịp ngược lên nhìn anh mà nói: "Dạ, em đây".

Nói xong, cô kéo ghì anh xuống mà hôn lên gương mặt đầy vết sẹo bỏng bom na-pan. Có những giọt mưa chưa có ở mùa nào trên trái đất như những trái cây lạ chín mộng, mát lạnh như thế vỡ tan trên đôi môi cô. Và qua vai anh, Duyên nhìn thấy trên con đường nhỏ đầy cỏ

đuôi chó chạy từ nhà cô đến khu vườn hoang, một cô bé Duyên bé bỏng đang đứng đó. Cô bé Duyên ấy mở to đôi mắt sung sướng, tin cậy nhìn cô và nhoẻn miệng cười như mười mấy năm về trước cô nhìn chị cô và Lợi trên ổ cỏ khô mịn màng và quanh họ những cánh hoa giành giành lấp lánh bay.

Bầu trời của người cha



Bữa cơm tối của người cha tàn tật thường kéo dài đến hai tiếng đồng hồ. My vừa cho cha ăn vừa dỗ dành ông như dỗ một đứa trẻ ốm yếu. Trong chiếc ghế mây rách có lót một cái ruột gối cũ, ông run rẩy như một con chim non mới mọc lông măng. Người cha trệu trạo nhai từng thìa cơm. Trán, cổ và hai thái dương trắng xanh của ông túa mồ hôi. Đôi môi ông vất vả ngậm thìa cơm như con chim non phải giữ con mồi khỏe bằng cặp mỏ mềm của mình. Thời gian đầu, cứ mỗi khi bón cơm cho cha My lại khóc. Người cha cũng khóc không thành tiếng. Hai năm trở lại đây cô không khóc nữa. Thay vào đó, cô nhí nhảnh kể cho cha cô nghe những chuyện đại loại như cây hoa trà ông trồng giờ đang trở nụ, những chậu xương rồng nhiều loại của ông mọc thêm rất nhiều nhánh, hay buổi sáng nào đó trong vườn nhà xuất hiện một con chim lạ, giọng con chim rất trong và mảnh như tơ nhện. Cô cứ kể những chuyện như thế cho tới khi người cha ăn xong thìa cơm cuối cùng. Đặt cái bát sang một bên, và lúc nào ngay sau đó cô cũng nói với người cha: "Ba đã hoàn thành nhiệm vụ. Con quyết định tặng huân chương cho ba". Người cha cố ngược mắt nhìn con và cười. Và chỉ có cô mới biết là ông đang cười.

Ngày nào cũng vậy, bữa ăn thường kết thúc vào lúc những tia nắng cuối cùng trong ngày tan biến trong vòm lá bên cửa sổ. Và mảnh trời nhỏ nhìn qua ô cửa sổ ngả sang màu dâu chín. Hai cha con My ngồi im lặng bên nhau. Cô đặt những ngón tay gầy và hơi lạnh lạnh của người cha trong bàn tay nhỏ nhắn của cô. Cả hai cha con cô ngồi như bất động nhìn về phía mảnh trời nơi có những ngôi sao bé bỏng và ướm át thường hiện lên rất sớm vào những đêm không mây.

Bóng tối của đêm thường bắt đầu ủa kín những góc nhà, rồi sau đó lan vào gầm giường và gầm bàn ghế. Khi bóng tối đã ủa kín căn phòng thì là lúc hình như hai cha con nghe rõ hơn tiếng gió đi qua những tán cây ngoài vườn. Trong bóng đêm rộng lớn và bí ẩn trùm xuống, những tiếng xào xạc quen thuộc bỗng trở lên huyền bí như từ những ngôi sao xa xăm vọng về. Cũng lúc ấy, My thấy những ngón tay của người cha ấm dần lên. My khẽ ngược mắt nhìn chạ Trên gương mặt bệnh tật của ông hắt mờ mờ một thứ ánh sáng từ đâu đó. My nhận thấy đôi mắt cha cô như tối hơn và cũng như rạng rỡ hơn. Những giây phút như thế cô không dám thờ ạnh. Cô biết cha cô đang bước từng bước mê dại trong ý nghĩ lạ lùng về phía vòm trời kia. Rồi ông khóc. Và chỉ có My mới biết được cha mình đang khóc.

"Ba đi nghỉ đi bạ Ba ngồi lâu quá rồi". Cô nói và đứng dậy bật đèn. ánh sáng tràn ngập căn phòng. Đâu đó trên tường có bóng một con gián thấy ánh sáng vội chạy vào một khoảng tối gần đó. My đỡ người cha lên giường và bắt đầu bài xoa bóp chân tay cho cha theo hướng dẫn của bác sĩ chuyên khoa. Khoảng chín giờ tối cô buông màn cho cha "Con chúc ba ngủ ngon", cô nói và hôn lên trán người cha lúc nào cũng như lấp đắp mồ hôi. Sau đó cô tắt đèn và đứng một hồi lâu trong bóng tối bên giường cha. Khi cô quay ra cửa thì giật mình nhận ra có người đang đứng tựa vào một bên cánh cửa.

"Mẹ đây", bóng người nói.

"Mời mẹ sang phòng bên", My nói sau một lát im lặng.

"Mẹ vội. Mẹ muốn nói chuyện với con một chút", người đàn bà nói.

"Có chuyện gì không mẹ?", My hỏi, giọng cô như quá mệt mỏi.

"Mẹ đến chỉ để nói với con chuyện công việc của con thôi. Mẹ đã xin cho con làm họa sĩ trình bày ở một tờ báo đang thịnh hành, lương khởi điểm khoảng dăm trăm ngàn. Như thế... sẽ đỡ cho con. ý con thế nào?".

"Con vẫn dạy vẽ và tiếng Anh cho bọn trẻ con cùng phố. Tiền thu nhập cũng đủ chi tiêu. Và lại... ba con con cũng không đòi hỏi gì nhiều lắm".

"Nhưng còn công việc của con, còn tương lai của con", bà mẹ ngập ngừng.

"Tương lai của con ư? - My khẽ bật cười - Cái đó thì mẹ khỏi lo Còn công việc... con cũng đang làm việc đấy chứ".

"Không, con phải đi làm. Mẹ đã tốn khá nhiều tiền để xin chỗ làm cho con".

"Mẹ làm thế để làm gì - My chau mày - Nếu con đi làm thì ai trông coi ba".

"Đấy cũng là điều mẹ muốn nói với con - Giọng bà mẹ chột hồ hởi - mẹ sẽ bỏ tiền ra thuê người chăm sóc cho ông ấy, con đừng lo".

"Chẳng ai có thể chăm sóc ba con bằng con cả - My nói và thờ dài - không ai có thể hiểu được ba, ngay cả...".

Cô định nói: "Ngay cả chính mẹ", nhưng cô lại thôi.

"Sao lại không có ai chăm sóc được ông ấy. Chỉ cần trả công khá một tí là khỏi kẻ tranh việc, mà có phức tạp gì đâu. Mỗi ngày cho ăn hai bữa, đổ bỏ vài lần và giặt một bộ quần áo mỏng".

Trong bóng tối hiên nhà, My nhìn mẹ cô im lặng, mãi lâu sau cô mới nói: "Mẹ về đi, hôm nay con mệt lắm". Nói xong, cô bước xuống chiếc sân nhỏ. Bà mẹ lặng lẽ bước theo. My mở cổng và có ý để bà mẹ đi về.

Bước đến cổng, mẹ cô dừng lại trước mặt cô và nói: "Con phải suy nghĩ cho kỹ đi. Mẹ lo cho con".

"Cảm ơn mẹ", My nói và lại bật cười khe khẽ. Cô đóng cửa và vội vã đi vào trong nhà.

Hơn một tháng trở lại đây, mẹ cô thường đến thăm cô vào buổi tối. Bà thường đứng ngoài cửa buồng cha cô và lặng lẽ nhìn vào. Bà đứng đó đợi My cho đến khi My đã buông màn cho người cha đi ngủ. Lần nào bà cũng nói đến chuyện công việc của cô. Và lần nào My cũng chỉ đứng trong hiên nhà trong bóng tối mệt mỏi nói chuyện với mẹ cô. Cuối cùng lúc nào cô cũng nói với mẹ cô câu: "Con mệt lắm, mẹ về đi", rồi bước ra mở cổng.

Có tiếng xe máy nổ và xa dần. My chậm rãi bước vào nhà. Căn phòng nhỏ của cô chưa bật đèn và đầy mùi thuốc vẽ. Ở góc phòng cạnh cửa sổ mở ra vườn, tấm toan trắng hắt sáng mờ mờ. My lần từng bước trong bóng tối đến trước giá vẽ và ngồi xuống. Cô đưa những ngón tay nhỏ chạm khẽ lên mặt toan. Hơn một năm nay cô đã đợi chờ những mảnh màu kỳ diệu từ đâu đó sau tấm toan hiện về. Nhưng mỗi lần vẽ xong cô lại càng thấy thất vọng hơn. Cô đã điền khùng rạch nát không biết bao nhiêu tấm toan. Và cũng đã bao nhiêu lần cô gục khóc trên giá vẽ. Cô khóc không phải vì sự thất bại trong nghệ thuật. Nói đúng hơn, chưa bao giờ cô đeo đuổi một thành công nào đó trong nghệ thuật. Cô chỉ vẽ như cô cần phải vẽ. Cô khóc về sự bất lực trong tình yêu của cô đối với người cha bệnh tật.

Cha cô vốn là một phi công lái máy bay quân sự trong chiến tranh. Sau giải phóng ông chuyển sang lái máy bay dân sự. Sau mỗi chuyến bay trở về, ông say đắm kể cho mẹ con cô nghe về những vùng trời ông đã đi qua. Ông quen thuộc những vùng trời tưởng như vô định ấy như mảnh vườn nhỏ của gia đình ông, hoặc như làng quê ông bên bờ sông Hàn. Nhiều đêm, những câu chuyện của người cha đã đưa cô đến những vùng trời ấy trong giấc mơ.

Cô gặp những đứa bé trong suốt vừa bay vừa hát bên những bông hoa lạ.

"Hoa này là hoa gì, bạn nhỉ?", cô hỏi.

"Hoa Anh My", những đứa bé đồng thanh nói như hát.

"Ôi! Cùng tên với mình đấy - Cô thích thú kêu lên - Thế những con chim vàng óng kia là chim gì?".

"Chim Tao Linh đấy".

"Tao Linh à, mình chưa bao giờ nghe nói đến loài chim này - Cô hơi nghiêng đầu và nhíu mày. Rồi cô nhoèn miệng cười và nói - Ba mình cũng hay bay qua đây, các bạn có biết không?".

"Ba của bạn à? - Những đứa bé hỏi và nhìn nhau - à, chúng mình nhớ rồi. Ba của bạn cười giống bạn lắm. Ông đến đây và thường quỳ trước những bông Anh My. Mặt ông hơi ngửa lên, đôi mắt khép nhẹ và say đắm trong tiếng hát của bầy Tao Linh. Nhưng ông đã...".

Lũ trẻ nói đến đó chợt im lặng và nhìn nhau khác thường.

"Ba bạn đã... đã mang hương hoa Anh My và tiếng hát Tao Linh về mặt đất. Lẽ ra lúc này thì chưa nên, nhưng không sao đâu, bạn đừng lo", lũ trẻ an ủi My.

"Thế ba mình...", My định hỏi tiếp một câu thì chợt nghe một tiếng nổ. Những đứa bé vụt biến mất. My tỉnh giấc.

Ngọn đèn ngủ vẫn tỏa ánh xanh nhạt trong nhà. Qua màn, My nhìn thấy ba mẹ cô đang ngồi quay ra cửa. Trên nền nhà có những mảnh cốc vỡ.

"Tôi không chịu nổi cuộc sống như thế này nữa rồi", mẹ cô tức tưởi nói.

"Anh chưa làm một điều gì xúc phạm đến em cả. Anh không hiểu vì sao lâu nay em luôn luôn cảm thấy khó chịu khi anh về".

"Anh không hề nghĩ đến cái gia đình này. Anh cần những vùng trời của anh. Anh mang về cho mẹ con tôi những gì từ đây. Những mây, sao, gió máy của anh không thể bán lấy tiền được".

"Anh nghĩ gia đình mình rất hạnh phúc. Sinh hoạt cũng không thiếu thốn lắm".

"Hạnh phúc - Mẹ cô bĩu môi - Anh đến nhà đồng nghiệp anh mà anh không thấy gương mặt à. Họ cũng bay như anh. Sau những chuyến bay họ mang về cho vợ con họ những thứ cụ thể. Còn anh chỉ thấy mang về cho vợ con anh những thứ ngớ ngẩn, hão huyền, hết sức vô dụng".

"Em im đi. Em khác xưa quá nhiều rồi đấy".

"Tôi không khác gì xưa cả. Chẳng qua anh không nhận ra sự thật của cuộc đời này mà thôi".

Mẹ cô nói và đứng phắt dậy đi sang phòng bên. Ba cô lắc đầu và đốt thuốc hút.

Sau lần ấy, sau mỗi chuyến bay trở về, ba cô lặng lẽ và hay thờ dài. Ông không còn hào hứng kể về những chuyến bay của ông như trước nữa. Một hôm cô hỏi người cha.

"Sao ba không kể cho con nghe về chuyến bay của ba".

Người cha cúi xuống nhìn cô Rồi như quên hết mọi phiền muộn, ông lại say sưa kể cho cô nghe về một vùng trời nào đó của ông. Phòng bên cạnh, mẹ cô vút mạnh những vật gì đó và mắng chửi cay nghiệt con mèo hoa tội nghiệp. Người cha ngừng câu chuyện đang kể cho cô con gái của ông. Ông bước sang phòng mẹ cô Và cô nghe thấy tiếng ba cô rất nhỏ.

"Em làm gì thế? Em có biết anh đang nói chuyện với con không?".

"Con My lớn rồi. Nó sắp ra trường và phải đi làm. Cần phải giáo dục cho nó biết những điều cụ thể của cuộc đời mà nó sẽ đón nhận, chứ không phải những điều lắm nhảm vô bổ".

"Chính cô đang phá hoại tâm hồn của con, cô biết không. Trước hết con người phải có một tâm hồn đẹp, rộng lượng và biết tha thứ, chứ không phải là một con người tham lam ích kỷ hay thù vặt".

"Vâng, tôi tham lam, tôi ích kỷ và hay thù vặt. Nhưng thưa anh, tôi còn biết lo toan trước mỗi bữa ăn của con, còn anh, anh viễn vông và điên rồ quá rồi".

"Như vậy - Cha tôi chột im lặng rất lâu - như vậy chẳng còn gì cho chúng ta có thể nói chuyện với nhau được nữa".

Nói xong ba cô bỏ đi ra khỏi nhà, mãi khuya ông mới trở về.

Một buổi sáng ít ngày sau đó, người cha phờ phạc nói với cô: "Ba và mẹ đã quyết định chia tay nhau. Chắc con cũng tự biết trước điều này". My nấc lên khi nghe người cha nói vậy. Cô bỗng thấy hoảng sợ và cô đơn khủng khiếp. Buổi tối đó, cô đến trước mẹ cô Cô ngồi xuống

trước mẹ rất lâu và nói.

"Mẹ nghĩ lại đi, mẹ ạ".

"Con ranh con - Mẹ cô trừng mắt giận dữ - Mà cũng nhiễm cái thói mơ mộng vô bổ của ba mà rồi đấy. Cuộc đời sẽ dạy cho mà biết".

Rồi ba mẹ cô ra tòa và lặng lẽ chia tay nhau. Mẹ cô về ở với bà ngoại cô và lấy một người đàn ông khác sau đó năm tháng.

My ở lại với người cha và gấp rút chuẩn bị cho năm học cuối cùng ở trường Mỹ thuật. Người cha vẫn thỉnh thoảng xa nhà với những chuyến bay. Ông ít kể về những chuyến bay của ông. Nhưng vào những buổi hoàng hôn, ông thường ngồi im lặng trên chiếc ghế bành bọc vải nhung nhìn qua cửa sổ.

Khi My vừa kết thúc năm học cuối cùng thì cha cô bị tai nạn giao thông và bị liệt nửa người. Biết bệnh tình của người cha khó có thể hồi phục. My quyết định ngừng xin việc làm. Cô mở lớp dạy vẽ và tiếng Anh cho bọn trẻ con cùng phố để kiếm tiền sinh sống và tiện có thời gian chăm sóc cha. Đêm đêm cô thường phải thức giấc nhiều lần để trở mình cho cha và giúp ông tiểu tiện, và ngày ngày, khi hoàng hôn từ từ buông xuống, ông lại yêu cầu cô đỡ ông ngồi vào chiếc ghế bành bọc vải nhung để nhìn về phía vòm trời nhỏ qua ô cửa sổ. Khi bóng tối đã trùm kín căn phòng thì người cha thì thầm: "Vùng trời... vùng trời, cha muốn trở lại... vùng trời". Những lúc ấy, giọng người cha lạ lùng và xa xăm. Cô cảm thấy rung mình và thương cha vô hạn.

Một đêm trong căn phòng của cô đầy mùi thuốc vẽ, trong đầu cô lóe lên ý nghĩ mang lại cho người cha vùng trời của ông về trên toan. Sau ý nghĩ ấy, cô lao vào giá vẽ. Cô vẽ trong sự hoảng sợ mộng mị và mơ hồ về người cha. Và suốt hơn một năm qua cô đã vẽ, đã thất vọng và đã khóc.

Đêm đêm, cô đứng lặng hàng tiếng đồng hồ bên cửa sổ nhìn mãi vào vùng trời có những ngôi sao bé bỏng, ướm át và đầy bí ẩn kia. Cô như thoáng nghe thấy tiếng nói thì thầm của những ngôi sao và những vầng mây bạc trong những đêm sáng trăng. Cô nghe thấy cả tiếng bày kiến gọi nhau trên những song cửa sổ trong cuộc hành trình muôn đời không ngủ của bày kiến. Cô nghe thấy cả tiếng con chuột lơ đĩnh rơi từ giàn gác xuống vườn. Một cảm giác lãng đãng và bạc trắng lan tỏa khắp cơ thể cô. Cô lao vào giá vẽ và vẽ cho đến khi tưởng chừng như kiệt sức. Để rồi sáng sau tỉnh giấc, cô lại khóc cho những mảng màu lạnh lẽo và bất động.

Mấy ngày trước, vào một buổi sáng có nắng, cô mang chiếc va-li đựng những đồ lặt vặt của người cha ra phơi. Trong va-li cô thấy cuốn nhật ký của người cha. Cô cầm cuốn nhật ký bước vào hiên nhà ngồi xuống và đọc.

"Đêm qua mình tỉnh giấc mà Lan (tên mẹ cô) không hay biết gì. Hình như chưa bao giờ Lan mất ngủ. Lan vẫn đẹp và đầy sức sống như ngày mới cưới. Và... Lan chưa bao giờ hiểu mình. Sao những đêm tỉnh giấc mình hay nghe thấy những tiếng gì đó mơ hồ gọi mình. Mình thấy cô đơn".

"Mình đã sống một tuổi thơ đầy cô đơn và ốm yếu. Không quên nổi những chiều mưa mờ mịt bên bờ sông Hàn. Ba đi thuyền chưa về. Má cũng đi chợ xa bán cá. Ngôi nhà lá nhỏ bên sông lúc nào cũng tối và đầy mùi ẩm ướt của mùa mưa. Mình ngồi thu lu trong góc nhà. Đói và tủi. Rồi ba má mất sớm, mình theo một người bác đi thuyền. Đã bao nhiêu buổi chiều mình ngồi

khóc nức nở trong mưa trên mũi thuyền".

"Cái mình cần là hơi ấm của con người. Nhưng đời sống càng đầy đủ thì con người càng xa nhau. Cái mà những người đang sống quanh mình tìm kiếm là đồng tiền. Đồng tiền hết sức cần thiết. Nhưng vì nó mà con người lao vào như rồ dại, cắn xé lẫn nhau, nghi ngờ nhau và căm thù nhau".

"Sao từ ngày cưới nhau đến giờ, Lan chưa một lần thức dậy trong đêm và thì thầm những điều gì đấy với mình. Lan giầy vò mình vì những chuyện gia đình như sửa chữa, xây cất. Lan bực tức với những người giàu hơn và tỏ vẻ khinh bỉ những người đói kém. Mình đã từng đói khát và tủi nhục. Nhưng mình không thể sống được khi chỉ nghĩ đến cái dạ dày căng tròn và lầy nhầy".

"Những lần bay qua những vùng trời vô tận, sao mình cứ ước được bước ra khỏi khoang lái. Tất cả những gì trong khoảng mênh mông của vũ trụ mà mình cảm nhận được lại làm cho mình yên tâm tin mình khi đi trên mặt đất. Những cơn mê làm mình hạnh phúc và muốn khóc. Mình thèm khát được ngồi im lặng trong hoàng hôn và vui bàn tay trong mái tóc đẹp lạ lùng của Lan. Lan không bao giờ ý thức được trong bóng tối. Lan quá rành rọt với những thứ mà có thể đếm được dưới ánh sáng đơn giản".

Đêm nay hình như trời trong hơn. Có lẽ cũng đã khuya. My áp mặt vào những song gỗ cửa sổ. Bỗng cô nghe thấy tiếng cha gọi. Cô vội vã đẩy cửa bước sang phòng người cha.

"Có con rấn... đang quần... chân ba".

Nghe người cha nói, My hốt hoảng lật chiếc chăn dạ mỏng và sờ soạng đôi ống chân người cha "Không có gì đâu ba ạ. Chắc ba mê ngủ đấy", My nói và ngồi xuống mép giường bóp chân cho cha.

"Nó bò đi rồi hả con?" - người cha thì thào.

My không nói được. Cô gật đầu, khi người cha trở lại giấc ngủ, cô đứng dậy tắt đèn và trở lại phòng mình. Cô bước trang nghiêm và quyết liệt đến bên giá vẽ. Cô nhìn xuống và nhìn ra cửa sổ. Những ngôi sao như đang bay về. Hình như đêm nay có trăng non. Những song gỗ cửa sổ ánh lên. Cô nghĩ thấy hương Anh My, tiếng hát của bày Tao Linh, tiếng riu rít của bày trẻ trong suốt như pha lê. Cô thấy đôi mắt người cha căng lên như hai tấm toan chờ đợi.

"Con, My đâu... con... " - người cha gọi.

My lảo đảo bước sang phòng cha Cô bật đèn.

"Ba gọi con ử".

"Ba thấy người nóng quá. Hôm nay mẹ con có đến không?"

"Có ba ạ" - Cô trả lời sau một thoáng lưỡng lự.

"Mẹ bảo gì con không?".

"Mẹ đến thăm ba" - Cô cố gắng nói.

"Có bao giờ con thấy mẹ khóc không?".

"Da... ".

"Ba thấy... nóng quá, mà, mà lạ lắm. Mẹ có khóc hả con? Mẹ đến thăm ba sao không nói cho ba hay Lan... có khóc... ".

"Ba ngủ đi bạ Mai con sẽ mượn cái xe đẩy để đưa ba ra Hồ Tây".

My kéo tấm chăn dạ mỏng đắp ngực người chạ Rồi cô trở về phòng mình và ngồi xuống trước giá vẽ. Cô thấy người nóng lên ghê gớm. Cô cầm lấy bút vẽ. Cô bật hai ngọn đèn dùng để vẽ đêm mà ba cô đã mua cho cô.

Đến gần trưa hôm sau My mới tỉnh dậy. Khi vẽ xong cô kiệt sức và gục xuống sàn nhà. Cô mở mắt ngơ ngác. Nắng tràn ngập ô cửa sổ phòng cô Cô nhìn vào bức tranh và kinh ngạc. Cô nhận thấy có bóng cha cô trong suốt đang bay trong đó. Cô nhớ đến chạ Cô vội chạy sang phòng chạ Người cha nằm yên lặng. Gương mặt ông như đang trôi trong vô tận.

Người cha đã trút hơi thở cuối cùng khi My vẽ xong nét vẽ cuối cùng.

My quy xuống bên mép giường. Hình như cô nghe thấy người cha hỏn hể hỏi: "Có bao giờ con nghe thấy mẹ khóc không?". Đôi môi cô mấp máy như trả lời: "Mẹ sẽ khóc, ba ạ"./.